



ISSN: 1859 - 042X

Số 2
2019

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn

TẾT TRỒNG CÂY ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN BÁC HỒ XUÂN KỶ HỢI 2019



- Thăm cây đa Bác Hồ trồng trong Tết trồng cây đầu tiên
- Trồng cây, gây rừng -
Nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam mỗi độ Xuân về



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG SFC VIỆT NAM

Địa chỉ: 83A Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội



Chúc mừng 20 năm thành lập Tạp chí môi trường!

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN YÊN DŨNG

Địa chỉ: Thị Trấn Neo, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang



Mừng Đảng Mừng Xuân
Mừng Đất Nước Đổi Mới

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 1228 Nguyễn Trung Trực, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang



Mừng Đảng Mừng Xuân
Mừng Đất Nước Đổi Mới

TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN VÀ THỂ THAO MÊ LINH

Địa chỉ: Đại Thịnh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội



Mừng Đảng Mừng Xuân
Mừng Đất Nước Đổi Mới

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN THƯỜNG TÍN

Địa Chỉ: TT. Thường Tín, H. Thường Tín, TP. Hà Nội

Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín
- Hà Nội đẩy mạnh hoàn thành các tiêu
chí phấn đấu đến năm 2020 trở thành
huyện đạt chuẩn NÔNG THÔN MỚI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG PHƯƠNG YÊN

Địa chỉ: Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội



Mừng Đảng Mừng Xuân
Mừng Đất Nước Đổi Mới

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ LƯƠNG

Địa chỉ: Lô A1, cụm công nghiệp Đô Lương, X. Đô Lương, H. Đông Hưng, T. Thái Bình



Mừng Đảng Mừng Xuân
Mừng Đất Nước Đổi Mới



Mừng Đảng Mừng Xuân
Mừng Đất Nước Đổi Mới

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG LỘC

Địa chỉ: Số Nhà 16, Phố Hải Vân, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh



**HAPPY
NEW YEAR**

**Chúc Mừng
Năm Mới
2019**



QUEEN PEARL

Luôn tạo ra những sản phẩm tốt nhất

TVP

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN VIỆT PHÁT

Địa chỉ: Km6 đường Nguyễn Đình, KP5, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Bình Thuận
Điện thoại: 0352.6.296966

THUỐC TRỊ VIÊM XOANG

Esha

Thuốc từ thảo dược

- Trị Viêm mũi dị ứng
- Viêm xoang cấp và mãn tính



Điện thoại:
024.3468.6111

Thành phần: Thuong nh 12/500mg, Thuong nh 12/500mg, Phosphat 250mg, Tin di hua 250mg, Sach suat 250mg, Bac ha 120mg, Kim ngan hua 230mg, Biotin 100mg, Chi diem 100mg. * Thuoc co tac dung tieu viem, thong moi. * Chu te cac chong nghet moi, viem moi di ung. * Viem xoang cấp và mãn tính, Lưu lượng. * Ngang tam, Ung 2 vien / lin x 3-5 lần / ngày. * Bai vien bien 5 buoi ung 1 vien / lin x 2-3 lần / ngày. Chong chi dinh, Ngang di ung voi thanh phan cua thuoc. Tai vie diem 5 buoi, Tac dung khong mong muon. Chua co bai co. Thien trong cho phu nu mang thai, cho con bú. Tang tac thuoc khong co Gap cao La 90 vien nang. Doc ky huong dan su dung truuoc khi dung.



Sản xuất và phân phối:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
358 Đường Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội.

www.viemmũiviemxoang.vn

Số phiếu tiếp nhận hồ sơ quảng cáo của Cục QLD-Bộ Y tế: 6733/13-QLD-TT, Ngày 24 tháng 7 năm 2013.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

Địa chỉ: Số 376 - Đường Trần Phú - Phường Cẩm Trung - TP. Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

**Cung chúc tân Xuân
2019**

CÔNG TY CỔ PHẦN MIZA:

“Chất Lượng Tạo Nên Sự Phát Triển Bền Vững”

Công ty CP Miza thành lập tháng 12/2010, ngành nghề chính là tái chế giấy thải để sản xuất ra sản phẩm giấy bao bì, bao gói cung cấp cho các nhà máy bao bì trong và ngoài nước, với dây chuyền sản xuất tiên tiến và hiện đại. Kể từ ngày thành lập, ban lãnh đạo Công ty đã đề ra định hướng chiến lược phát triển bền vững nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống của cộng đồng. Hiện tại, sản phẩm chính của Miza là giấy bao bì công nghiệp, với nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là giấy thu hồi, giấy tái chế các loại.

Với phương châm “Sự hài lòng của khách hàng với chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt là nền tảng phát triển thịnh vượng của Công ty”, Miza đã và đang mang lại những giá trị cao hơn cho khách hàng từ việc sử dụng sản phẩm của Công ty.

Xây dựng và phát triển nền kinh tế xanh quốc gia

Vượt qua hơn nghìn hồ sơ của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và các tỉnh, ngày 02/6/2018 vừa qua, Công ty cổ phần Miza đã vinh dự nhận giải thưởng “Top 50 doanh nghiệp phát triển kinh tế xanh bền vững”, “Thương hiệu vì môi trường xanh quốc gia 2018”; Nhà quản lý tiêu biểu vì sự phát triển nền kinh tế xanh quốc gia”. Chương trình được tổ chức và truyền hình trực tiếp trên kênh HENI vinh danh những doanh nghiệp xây dựng và phát triển nền kinh tế xanh quốc gia, tự hào thương hiệu sản phẩm Việt Nam năm 2018.

Ngày 30/10/2018 vừa qua, Công ty cổ phần Miza đã nhận Chứng chỉ uy tín trên thế giới của Hội đồng quản lý rừng FSC (Forest Stewardship Council) vì những nỗ lực giảm thiểu tác động sản xuất đến môi trường.

FSC được xem là chứng chỉ về rừng đáng tin cậy và khắt khe nhất được công nhận trên toàn cầu. Ở nhiều quốc gia, FSC đã trở thành một tiêu chuẩn bắt buộc đối với các nhà sản xuất sản phẩm có liên quan đến gỗ và là một tiêu chí được người tiêu dùng ưu tiên.

Mặc dù hiện nay ở Việt Nam, việc tuân thủ các quy định về môi trường vẫn đang là một thách thức, tại nhiều thị trường khác đã có những quy định và mục tiêu đặt ra để giảm thiểu tác động đến môi trường và tăng tỷ lệ tái chế các chất thải từ bao bì. Do đó, Công ty cổ phần Miza đứng trước áp lực phải đạt được những tiêu chuẩn cao về môi trường. Nhận FSC trên bao bì cho thấy nguyên liệu và sản phẩm giấy công nghiệp của Miza được sử dụng có nguồn gốc đáng tin cậy.

Ông Nguyễn Tuấn Minh - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Miza cho biết: “Sản phẩm của chúng tôi thân thiện với môi trường từ nguyên vật liệu và không gây ô nhiễm môi trường trước, trong và sau khi sử dụng. Chúng tôi đã sử dụng hơn 95% nguyên liệu từ giấy tái chế hoặc giấy thải, giúp làm giảm chất thải và tác động đến môi trường. Việc nguyên liệu và các sản phẩm giấy công nghiệp của chúng tôi được cấp Chứng nhận FSC khẳng định cam kết của công ty đối với môi trường và quyền lợi của người tiêu dùng, đồng thời cũng giúp chúng tôi dần vươn lên hàng đầu trong ngành tái chế và sản xuất giấy công nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn của quá trình phát triển nền kinh tế xanh. Đây là kết quả từ những nỗ lực của công ty và CBCNV Miza nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường”.

Ngày 23/12/2018 vừa qua, lễ vinh danh “Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam & Doanh nhân tiêu biểu 2018” được tổ chức tại Nhà Hát Bến Thành, Số 6, Mạc Đĩnh Chi, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh đã tưởng thưởng trực tiếp trên HTV1 – Đài Truyền Hình Tp. Hồ Chí Minh. Và thật



Hệ thống xử lý nước thải của Công ty CP Miza.



MIZA nhận Chứng chỉ uy tín trên thế giới của Hội đồng quản lý rừng FSC

vinh dự khi công ty cổ phần Miza đã đạt chứng nhận danh hiệu Top 10 “Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam” và những thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như những cải tiến kỹ thuật, phát triển trong sản xuất tái chế giấy tại Việt Nam.



Chứng nhận FSC, Giải thưởng Top 10 thương hiệu dẫn đầu Việt Nam

Chương trình khảo sát & truyền thông “Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam – Vietnam Leading Brands & Doanh nhân tiêu biểu – Typical Entrepreneur 2018” lần V là nơi giao lưu, gặp gỡ, kết nối sáng tạo giữa các doanh nghiệp có sản phẩm dịch vụ uy tín, vinh danh những thương hiệu có đóng góp tích cực, hiệu quả trong việc nâng cao sản lượng, chất lượng dịch vụ và đáp ứng được những tiêu chuẩn khắt khe về cung ứng sản xuất, cam kết phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

Giải thưởng “Rank Top – Vietnam Leading Brands 2018” đã góp phần khẳng định sự nỗ lực cũng như uy tín của Công ty cổ phần Miza đối với khách hàng, đây sẽ là động lực để công ty cổ phần Miza phấn đấu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất giấy tại Việt Nam.

Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, cổ đông và toàn xã hội. Từ nhiều năm nay, Miza đã luôn tạo được những ấn tượng tốt đẹp về việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đặc biệt, không thể không kể đến các hoạt động liên quan đến chăm lo đời sống cán bộ nhân viên. Ngay từ khi mới thành lập, ban lãnh đạo công ty đã xác định “lấy con người làm gốc”, bởi “tâm có an thì mọi sự mới thành”. Mà để “lòng dân an” thì việc tiên quyết số một là phải đảm bảo đời sống vật chất cũng như tinh thần của họ. Vì vậy, trong bước đường xây dựng và trưởng thành, dù thăng hay trầm, chưa giây phút nào đời sống của người lao động không được đặt lên hàng đầu.

Với Triết lý hoạt động kinh doanh của Công ty luôn chú trọng vào: Thu hút, đào tạo, khuyến khích phát triển đội ngũ chuyên gia trong ngành giấy, cán bộ quản lý giỏi, đội ngũ công nhân lành nghề. Chú trọng lao động sáng tạo, năng suất, chất lượng hiệu quả, kỷ luật cao. Xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa, phát triển thương hiệu. Không ngừng sáng tạo, cải tiến tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với giá cạnh tranh. MIZA phấn đấu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất tái chế giấy tại Việt Nam. Nâng cao về sản lượng và chất lượng, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe nhất về cung ứng sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN HP 102 VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 2,3 Biệt Thự Liên kề B2,18 Vinhomes Gardenia, Đường Hàm, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội



ĐẢNG ỦY - HÒNG - UBND - MTQ XÃ HOÀNG THANH - HUYỆN HOÀNG HÓA - TỈNH THANH HÓA

TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC XÃ HOÀNG THANH
Chúc Mừng Năm Mới - Xuân Kỷ Hợi 2019

CÔNG TY TNHH DV - DL QUỐC THẮNG

Địa chỉ: Số 33 - 39 Trường Chinh, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Chúc Mừng Tết Xuân
Vạn Sự Như Ý

CÔNG TY TNHH MTV PHẨM TOÀN

Địa chỉ: Thôn Thượng, X. Long Sơn, H. Sơn Động, T. Bắc Giang

Cung Chúc Tân Xuân
Vạn Sự Như Ý



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Nguyễn Việt Anh
GS. TS. Đặng Kim Chi
PGS. TS. Nguyễn Thế Chinh
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
PGS. TS. Lê Thu Hoa
GS. TSKH. Đặng Huy Huỳnh
PGS. TS. Phạm Văn Lợi
PGS. TS. Phạm Trung Lương
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
TS. Hoàng Dương Tùng
PGS. TS. Trịnh Văn Tuyền

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (024) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (024) 66569135
Phòng Biên tập: (024) 61281446
Fax: (024) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 907, Tầng 9 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9,
quận 3, TP. HCM
Tel: (028) 66814471 - Fax: (028) 62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng
phát động "Tết trồng cây, đời đời nhớ ơn Bác Hồ"
tại tỉnh Yên Bái

Ảnh: TTXVN

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thương mại Hải Anh

Số 2/2019

Giá: 20.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [6] ● Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Kỷ Hợi 2019
- [8] NGUYỄN THỊ KIM HOA: Trồng cây, gây rừng -
Nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam mỗi độ Xuân về
- [10] PHẠM THỊ VUI: Thăm cây đa Bác Hồ trồng trong Tết trồng cây đầu tiên
- [12] ● Bộ Tài nguyên và Môi trường gặp mặt đầu Xuân Kỷ Hợi các Đối tác quốc tế
- [13] ● Tăng cường hiệu quả và thống nhất trong công tác quản lý chất thải rắn
- [14] TRỊNH THANH THỦY: Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về công tác
bảo vệ môi trường
- [15] VŨ NGỌC LÂN: Mai sau dù có thế nào...



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [17] LÊ HOÀNG ANH - MẠC MINH TRÀ: Tăng cường công tác quản lý thu
gom, xử lý chất thải nguy hại
- [20] NGUYỄN THỊ NGÀ: Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ về quản lý thực
vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm tại Việt Nam
- [22] NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG: Bắc Ninh: Tăng cường quản lý nước thải tại các làng
nghề trên lưu vực sông Cầu
- [24] NGUYỄN THẾ: Huy động nguồn lực thu gom, xử lý rác thải
tại huyện đảo Phú Quốc



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [26] NGUYỄN THANH TÙNG: Nhu cầu xây dựng, ban hành các quy định kỹ
thuật phục vụ quản lý hoạt động nhận chìm ở biển
- [28] NGUYỄN THỊ PHÚ HẠ: Thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức xã hội
trong quản trị tài nguyên nước ở đồng bằng sông Cửu Long
- [30] TRẦN BÍCH HỒNG - TRẦN THỊ GIANG: Kinh nghiệm của một số
nước trên thế giới về áp dụng công cụ kinh tế trong phòng ngừa, khắc
phục sự cố môi trường và bài học cho Việt Nam
- [33] TRẦN NGỌC LINH: Xây dựng và phát triển đô thị thông minh phải
hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững



TRONG SỐ NÀY



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH



- [36] TRƯƠNG THỊNH: Hệ thống lọc nước bằng năng lượng mặt trời mang nước sạch về với các em nhỏ Tây Nguyên
- [38] TRƯƠNG THỊ GIANG: Bảo vệ môi trường ở làng nghề sản xuất tằm hương Quảng Phú Cầu
- [39] CAO VĂN LƯƠNG - CHU THỂ CUỒNG: Hiện trạng biến động hệ sinh thái cỏ biển tại KBT biển Cù Lao Chàm và đề xuất giải pháp phục hồi
- [41] LÊ VĂN TÙNG: Xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển bền vững ở huyện Quảng Xương, Thanh Hóa



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [43] ĐỖ TẤT VIỆT: Chung tay bảo vệ môi trường hồ Hà Nội
- [45] NGUYỄN THANH GIANG: Công ty Cổ phần Miza: Bảo đảm sản xuất kinh doanh gắn với BVMT



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [46] NGUYỄN THỊ THU HÀ: Bảo tồn và phát triển sâm Ngọc Linh gắn với bảo vệ rừng tại Kon Tum
- [49] PHẠM BẮC: Bài học từ cụ bà hơn 12 năm quét rác không công
- [50] NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG: Hiệu quả từ mô hình bảo vệ và phát triển rừng tại Bắc Hướng Hóa
- [52] HOA VŨ: Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trà hoa vàng ở Nghệ An
- [53] BÍCH PHƯƠNG: Hành trình khởi nghiệp từ Cuộc cách mạng một cọng rơm



NHÌN RA THẾ GIỚI



- [55] LÊ THỊ HUỠNG: Hướng tới một hành tinh không ô nhiễm
- [57] NGUYỄN THANH NGÀ: Mô hình thành phố không khói: Giải pháp hiệu quả cho các thành phố du lịch
- [59] NHÂM HIỂN: Khách sạn sinh thái - Mô hình kinh doanh lưu trú có trách nhiệm với môi trường

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐẠI PHONG

Địa chỉ: Khu A, Thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
ĐT: 03503823484 * Fax: 03503953567

HAPPY NEW YEAR

Chúc
Mừng
Năm
Mới
2019

CÔNG TY TNHH HOÀNG LONG

Địa chỉ: Thạch Xá, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0377287534

Chúc Mừng Năm Mới

AN KHANG - THỊNH VƯỢNG

Xuân Kỷ Hợi
2019



Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Kỷ Hợi 2019

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ “Mùa xuân là Tết trồng cây/Làm cho đất nước càng ngày càng xuân”, suốt 60 năm qua, Tết trồng cây đã trở thành phong tục, nét đẹp văn hóa đầu Xuân, tạo sức lan tỏa sâu rộng ở các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, tầng lớp nhân dân trên cả nước.

TRỒNG CÂY MANG LẠI LỢI ÍCH LỚN CHO ĐẤT NƯỚC

Trong không khí vui tươi, phấn khởi của những ngày đầu năm mới, mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước đổi mới và hướng tới kỷ niệm 60 năm Bác Hồ phát động “Tết trồng cây”, ngày 10/2/2019 (tức mừng 6 Tết Kỷ Hợi), Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” cấp quốc gia tại xã Việt Cường (Trấn Yên, Yên Bái).

Hiện nay, nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Mỗi năm, đất nước phải dành một diện tích đáng kể để phát triển công nghiệp, đô thị. Cùng với quá trình này, chất lượng môi trường cũng đang ngày càng suy giảm đến mức báo động, những ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, sự nóng lên của Trái đất và mực nước biển dâng là một trong những thách thức môi trường lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ XXI. Trong những năm qua, thiên tai và các hiện tượng khí hậu cực đoan đang gia tăng ở nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam, để lại hậu quả nặng nề. Do đó, phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với BVMT, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đã trở thành một xu thế chủ đạo, yêu cầu sống còn của mỗi quốc gia - dân tộc.

Tại Lễ phát động, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các cấp, ngành, địa phương, toàn thể đồng bào hăng hái tham gia trồng cây, trồng rừng; người người trồng cây, nhà nhà trồng cây; trồng cây nào tốt cây đó. Đồng thời, cần nêu cao ý thức và có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng chặt phá, đốt rừng, khai thác rừng trái phép, tăng cường đầu tư, ứng dụng khoa học - công nghệ, tạo cơ sở, cơ chế để hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế rừng bền vững. Tổng Bí thư,



▲ Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tham gia trồng cây tại xã Việt Cường (Trấn Yên, Yên Bái)



▲ Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Bộ trưởng Trần Hồng Hà khánh thành Rừng cây lưu niệm “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Kỷ Hợi” tại xã Lâm Sơn (Lương Sơn, Hòa Bình)

Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tin tưởng rằng, với năm mới, khí thế mới, Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Kỷ Hợi góp thêm hương sắc cho đất Việt, mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững như di nguyện của Bác Hồ.

PHÁT TRIỂN RỪNG, MẢNG XANH ĐÔ THỊ ĐỂ BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ SINH THÁI, MÔI TRƯỜNG

Hưởng ứng “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, ngày 13/2/2019, tại xã Lâm Sơn (Lương Sơn, Hòa Bình), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị

Kim Ngân đã đánh công phát động Lễ ra quân. Buổi Lễ do Bộ TN&MT, UBND tỉnh Hòa Bình, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp tổ chức, thu hút khoảng 2.500 người tham gia.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân nhấn mạnh, đây là hoạt động hết sức ý nghĩa nhằm ghi nhớ Lời dạy của Bác, có tác dụng to lớn đối với công cuộc BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Chủ tịch



Quốc hội đề nghị Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hòa Bình chỉ đạo các Sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Tết trồng cây Xuân Kỷ Hợi 2019. Trong đó, cần tập trung làm tốt công tác quy hoạch, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất rừng, đa dạng sinh học, nguồn thủy sinh, phát triển rừng, mảng xanh đô thị để bảo đảm yêu cầu về sinh thái, môi trường cho phát triển bền vững đất nước...

Ngay sau Lễ ra quân, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và các đại biểu đã trồng hơn 200 cây đối, khoảng 2.000 cây keo và nhiều loại cây trồng lâu năm khác tại Tiểu khu 74; khánh thành Rừng cây lưu niệm “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ Xuân Kỷ Hợi 2019”.

PHẦN ĐẦU ĐẾN NĂM 2020, ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CẢ NƯỚC ĐẠT ÍT NHẤT 42%

Tiếp nối khí thế trồng cây đầu Xuân mới, ngày 18/2/2019, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã tới dự Lễ hưởng ứng Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ tại thôn Thượng Phúc (Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội) do TP. Hà Nội tổ chức.

Tại buổi Lễ, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc khẳng định, Chính phủ đang cùng các địa phương trên cả nước tích cực trồng rừng, phát triển và bảo vệ rừng, phấn đấu đạt mục tiêu độ che phủ rừng năm 2020 ít nhất 42%, đưa Việt Nam trở thành trung tâm hàng đầu về xuất khẩu gỗ rừng trồng có thương hiệu, uy tín của thế giới. Thủ tướng cũng ghi nhận và biểu dương phong trào trồng cây, gây rừng của Thủ đô đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong những năm qua, đặc biệt sau 3 năm phát động Chương trình trồng mới 1 triệu cây xanh của TP. Hà Nội.

Đến nay, toàn TP đã trồng mới được 81.908 cây xanh đô thị, cây bóng mát (đạt 49,1% kế hoạch); 131.309 cây ăn quả (đạt 73% kế hoạch). Các huyện có rừng như: Ba Vì, Chương Mỹ, Quốc Oai đã trồng mới được 31.315 cây lâm nghiệp. Đồng thời, nhiều trục đường giao thông đã được trồng cây xanh đồng bộ với quy hoạch cảnh quan kiến trúc, góp phần cải thiện môi trường. TP đã khởi công xây dựng mới 7 công viên hiện đại; nâng cấp 144 sân chơi, vườn hoa nhỏ trong các khu dân cư xã, phường làm nơi vui chơi, sinh hoạt, thể dục thể thao cho nhân dân.



▲ Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc trồng cây tại thôn Thượng Phúc (Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội)

LAN TỎA TRÊN CẢ NƯỚC

Nhiều năm qua, các Bộ, ngành, địa phương và nhân dân trong cả nước đã tích cực hưởng ứng và tham gia Tết trồng cây. Phong trào trồng cây, trồng và bảo vệ rừng thực sự mang lại nhiều lợi ích to lớn, góp phần nâng cao độ che phủ, phát huy tác dụng phòng hộ, cải thiện môi trường sinh thái.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác và phát động của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng, ngay trong ngày 10/2/2019, đồng loạt 9/9 huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Yên Bái đã tổ chức ra quân trồng cây, gây rừng. Trong mùa Xuân này, tỉnh Yên Bái trồng mới 13 nghìn ha rừng; gần việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trồng rừng với bảo vệ tài nguyên rừng hiện có; ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật. Đặc biệt, tỉnh sẽ tiếp tục cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng sản xuất và chế biến sâu, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị kinh tế rừng, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển bền vững.

Tại Nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (Bình Dương, Vĩnh Tường), UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức Lễ phát động Tết trồng cây. Năm 2019, Vĩnh Phúc phấn đấu trồng mới gần 2 triệu cây phân tán với những loại chủ đạo là sấu, xà cừ, lát hoa, sao, bằng lăng, thông... Các địa phương có số lượng cây trồng lớn gồm: Lập Thạch 280.000 cây; Sông Lô 270.000 cây; TP. Phúc Yên 260.000 cây các loại.

Nhiều năm nay, tỉnh Quảng Bình đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận về trồng cây, gây rừng. Trong năm 2018, Quảng Bình đã tập trung bảo vệ trên 539.000 ha rừng tự nhiên và rừng trồng; trồng mới 502 ha rừng phòng hộ và gần 11.000 ha rừng sản xuất. Hiện nay, Quảng Bình là một trong 4 địa phương có độ che phủ rừng cao nhất cả nước với trên 67%. Năm 2019, tỉnh Quảng Bình đề ra kế hoạch trồng 5.500 ha rừng tập trung, hàng triệu cây phân tán nhằm tiếp tục nâng cao độ che phủ rừng và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giảm nhẹ thiên tai, góp đời giảm nghèo■

VŨ NHUNG (Tổng hợp)



Trồng cây, gây rừng - Nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam mỗi độ Xuân về

60 năm qua, “Tết trồng cây Đồi đồi nhớ ơn Bác Hồ” đã trở thành phong trào thi đua sâu rộng trên toàn quốc, hàng triệu cây xanh được trồng, chăm sóc; độ che phủ rừng ngày càng tăng. Trong thành tích chung ấy, có sự đóng góp quan trọng của toàn thể cán bộ, hội viên nông dân cả nước. Hưởng ứng Tết trồng cây Xuân Kỷ Hợi 2019, ngày 13/2/2019, tại tiểu khu 74, xóm Kém, xã Lâm Sơn (huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình) Trung ương Hội Nông dân (HND) Việt Nam phối hợp với Bộ TN&MT; Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức Lễ ra quân. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trao đổi với bà Nguyễn Thị Kim Hoa, Giám đốc Trung tâm Môi trường Nông thôn (Trung ương HND Việt Nam) về những kết quả nổi bật của Trung ương HND Việt Nam trong công tác BVMT nói chung, trồng cây, gây rừng nói riêng trong thời gian qua.

***Bà có thể chia sẻ một số hoạt động cũng như kết quả nổi bật trong công tác BVMT nông thôn mà Trung ương HND Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua và kế hoạch trong những năm tới?**

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa: Trong 5 năm qua (từ năm 2013 - 2018), Trung ương HND Việt Nam đã chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ HND các tỉnh, TP xây dựng nhiều mô hình điểm BVMT, phù hợp với điều kiện địa phương, mang lại hiệu quả thiết thực, điển hình như mô hình “Thu gom, phân loại và xử lý rác thải, chất thải hữu cơ thành phân bón tại nguồn”; “Thí điểm xử lý chất thải trong phát triển kinh tế trang trại của nông dân vùng nông thôn”; “Nâng cao trách nhiệm của nông dân, ngư dân trong BVMT biển”; “HND tham gia BVMT làng nghề chế biến nông sản nằm xen kẽ trong khu dân cư nông thôn”; “Giữ gìn, phát triển làng nghề thủ công gắn với BVMT nông thôn và xây dựng nông thôn mới”... góp phần tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của cán bộ, hội viên nông dân trong bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường.

Thực hiện chính sách pháp luật theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 22/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các đoàn thể chính trị - xã hội, Trung ương HND Việt Nam đã tích cực tham



▲ Bà Nguyễn Thị Kim Hoa -
Giám đốc Trung tâm Môi trường Nông thôn

gia đoàn giám sát, phản biện thực hiện chính sách phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu của MTTQ Việt Nam với các Bộ NN&PTNT, TN&MT; Phát huy vai trò và trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật BVMT, bảo vệ quyền lợi cho nông dân, tham gia xử lý các điểm nóng về môi trường; Xây dựng đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên là cán bộ Hội các cấp có đủ kiến thức, kỹ năng vận động hội viên nông dân và cộng đồng tham gia BVMT; Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng truyền thông phổ biến pháp luật về BVMT cho cán bộ Hội.

Đặc biệt, Trung ương HND Việt Nam và Bộ TN&MT đã ký Nghị quyết liên tịch về “Tăng cường phối hợp hành động trong lĩnh vực TN&MT nông thôn giai đoạn 2011 - 2017”. Dưới sự chỉ đạo của Lãnh đạo hai bên, các hoạt động phối hợp đã đi vào chiều sâu, có tính thiết thực đối với cán bộ, hội viên, nông dân; tạo được cơ chế phối hợp đồng bộ, phát huy sức mạnh của HND các cấp, cũng như toàn thể cán bộ, hội viên nông dân tham gia BVMT, góp phần nâng cao hiệu

quả công tác quản lý và nhận thức chung của cộng đồng về việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu. Năm 2017, hai bên đã tổ chức Hội nghị Tổng kết và ký Chương trình phối hợp giai đoạn 2018 - 2023, khẳng định quyết tâm trong việc giải quyết những vấn đề môi trường bức xúc ở nông thôn và trong sản xuất nông nghiệp.

Năm 2019 và những năm tiếp theo, Trung ương HND Việt Nam và các cấp Hội sẽ tăng cường tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, hội viên, nông dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật về BVMT của Nhà nước; nâng cao nhận thức của cán bộ hội viên về sự nguy hại của ô nhiễm rác thải nhựa đối với môi trường; thay đổi hành vi sử dụng túi ni lông khó phân hủy, từng bước thay thế các sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy bằng sử dụng các loại sản phẩm thân thiện với môi trường; hướng dẫn, vận động hội viên nông dân thu gom, phân loại rác thải hữu cơ thành phân bón tại nguồn; giữ gìn và phát triển làng nghề



▲ Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân và Chủ tịch Trung ương HND Việt Nam Thảo Xuân Sùng (ở giữa) trồng cây tại tiểu khu 74

thủ công, giết mổ gia súc, gia cầm gắn với BVMT; nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, cải thiện điều kiện vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nông thôn. Đồng thời, đẩy mạnh các phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, quyết tâm vươn lên làm giàu gắn với BVMT, xây dựng nông thôn mới...

★Ngày nay, phát triển kinh tế bền vững đi đôi với BVMT đã trở thành yêu cầu cấp thiết đối với mọi quốc gia. Trong bối cảnh đó, việc trồng cây, gây rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên có ý nghĩa chiến lược như thế nào, thưa bà?

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa: Cách đây 60 năm, ngày 28/11/1959, với tầm nhìn chiến lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài “Tết trồng cây” đăng trên báo Nhân dân với bút danh Trần Lực, phân tích ý nghĩa to lớn và lợi ích thiết thực của việc trồng cây, gây rừng đối với đất nước, gia đình và mỗi người dân. Người viết: Chúng tôi đề nghị tổ chức một ngày “Tết trồng cây”. Việc này tốn kém ít mà lợi ích rất nhiều. Người chỉ ra, đây là “một cuộc thi đua dài hạn nhưng nhẹ nhàng mà tất cả mọi người, từ các cụ phụ lão đến các em nhi đồng, đều có thể hăng hái tham gia”. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác, toàn dân ta đã thực hiện “Tết trồng cây” đầu tiên trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý (1960). Từ đó tới nay, mỗi dịp Tết đến Xuân về, nhân dân ta lại tổ chức Tết trồng cây theo lời Bác.

Ngày nay, khi nhiệt độ Trái đất ngày càng nóng lên, biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng đang đe dọa cuộc sống của con người, việc trồng cây, trồng rừng và bảo vệ rừng ngày càng có ý nghĩa chiến lược, là yếu tố then chốt để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững gắn với BVMT. Nhà nhà trồng cây, người người trồng cây; trồng cây ăn quả, lấy gỗ, cây chắn gió bảo vệ đê biển, chống xói mòn đất, chống cát bay; trồng cây trong thôn xóm, dọc đường giao thông nông thôn,

vùng ven biển, biên giới, trên các hải đảo, vùng đất trống, đồi trọc... phù hợp với điều kiện của từng nơi. Đồng thời, nâng cao ý thức và có nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực để bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng chặt phá, đốt rừng, khai thác rừng trái pháp luật... Làm tốt điều này là làm theo lời dạy của Bác, chúng ta vừa góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nhân dân, vừa giữ gìn môi trường sống Xanh - Sạch - Đẹp cho muôn đời.

★Để phong trào Tết trồng cây ngày càng phát triển, mang lại hiệu quả thiết thực, tạo sức lan tỏa sâu rộng, bà có đề xuất, kiến nghị gì?

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa: Hàng năm, Trung ương HND Việt Nam phối hợp với Bộ TN&MT tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây Đòi đời nhớ ơn Bác Hồ”. Sau mỗi đợt phát động, hàng triệu cây xanh đã được trồng. Việc trồng cây được nghiên cứu, lựa chọn phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và văn hóa của từng vùng, miền. Tuy nhiên, thực tế những năm qua, Tết trồng cây cũng có nhiều điều đáng suy

ngẫm. Trồng cây là hành động thiết thực hay vì thành tích, phô trương? Kế hoạch trồng, chăm sóc và đánh giá kết quả thế nào? Nhiều địa phương chuyển cây từ nơi khác đến trồng ở nơi mong muốn, như cây lưu niệm, nhưng không biết cách chăm sóc nên cây không sống được... Những việc làm ấy đã làm mất đi giá trị tốt đẹp của Tết trồng cây, thậm chí làm méo mó tư tưởng, tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc làm ý nghĩa này.

Theo quan điểm của Người, phải liên hệ chặt chẽ “Tết trồng cây” với kế hoạch trồng cây, gây rừng “trồng cây nào, chắc cây ấy”. Người căn dặn: “Có nơi nhằm cho rằng Tết trồng cây chỉ tiến hành một đợt và một năm thôi, mà không hiểu rằng, Tết trồng cây cũng là kế hoạch kinh tế lâu dài, liên tục”... Người nhận định: “Nơi nào mà cấp bộ Đảng từ tỉnh đến chi bộ trực tiếp lãnh đạo, có kế hoạch đầy đủ, biện pháp rõ ràng (hạt giống, vườn ươm...), kiểm tra cẩn thận, khéo động viên quần chúng, biết dựa vào lực lượng phụ lão và thanh niên, nhi đồng, thì nơi đó phong trào Tết trồng cây phát triển tốt”.

Như vậy, việc trồng cây phải có kế hoạch, quy hoạch rõ ràng; cần có sự quan tâm chỉ đạo sát sao, gắn trồng cây với phát triển kinh tế, BVMT. Trồng cây, không phải trồng ồ ạt, thích cây gì trồng cây ấy, mà phải lựa chọn cây trong độ tuổi phù hợp, có biện pháp chăm sóc lâu dài để cây phát triển tự nhiên.

Thiết nghĩ, cần có một chiến lược quy hoạch trồng cây xanh bài bản, tổng thể, dài hạn trên phạm vi cả nước, trồng theo kế hoạch, đúng số lượng, chủng loại, quy cách, phù hợp thổ nhưỡng, đảm bảo môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế, để Tết trồng cây thực sự có ý nghĩa mỗi dịp Tết đến Xuân về.

★Xin cảm ơn bà!

BÙI HẰNG (Thực hiện)



Thăm cây đa Bác Hồ trồng trong Tết trồng cây đầu tiên

ThS. PHẠM THỊ VUI

Đảng ủy Khối Các cơ quan Trung ương

Trên bán đảo Dừa ở phía Nam Công viên Thống Nhất, thủ đô Hà Nội, có một cây đa rất đặc biệt, gọi là cây đa Bác Hồ. Đây là cây đa do Chủ tịch Hồ Chí Minh trồng năm Canh Tý 1960 nhân dịp phát động Tết trồng cây đầu tiên. Từ đó đến nay, cây đa đã trở thành kỷ vật thiêng liêng, là niềm tự hào của nhân dân Thủ đô nói riêng và nhân dân cả nước nói chung.

Công viên Thống Nhất có diện tích hơn 50 ha, nằm trên các tuyến phố Lê Duẩn, Trần Nhân Tông, Đại Cồ Việt và Nguyễn Đình Chiểu. Một số cụ cao niên cho biết, khu vực này trước đây vốn là vùng đầm hồ và bãi rác, tứ phía là các làng cổ. Đến năm 1958, Hà Nội quyết định xây dựng thành công viên để làm nơi vui chơi, giải trí cho người dân Thủ đô. Thời điểm ấy, đất nước vẫn còn chia cắt, miền Nam chưa được giải phóng, nên Công viên được đặt tên “Thống Nhất” nhằm thể hiện khát vọng sớm giải phóng miền Nam,

thống nhất nước nhà. Công viên được xây bằng lao động tự nguyện của người Hà Nội, trong đó có hàng ngàn học sinh, sinh viên các trường đại học, công nhân viên chức đã thực hiện phong trào lao động xã hội chủ nghĩa, gánh đất, nạo vét hồ, san đất, trồng cây... Năm 1980, Công viên Thống Nhất đổi tên thành Công viên Lê nin. Sau khi Công viên Lê nin tại Ba Đình được xây dựng thì công viên này trở lại với cái tên nguyên bản là Công viên Thống Nhất.

Ngày 28/11/1959, báo Nhân Dân số 2082 đã đăng bài viết “Tết trồng cây” của Chủ tịch Hồ Chí Minh với bút danh Trần Lực nhằm động viên toàn dân tham gia

phong trào BVMT sống của con người. Tết Nguyên Đán Canh Tý 1960 là Tết đầu tiên nhân dân ta hưởng ứng lời kêu gọi “Tết trồng cây” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mở đầu một tập quán tốt đẹp của nhân dân ta trong mỗi dịp Tết đến Xuân về.

Ngày 11/1/1960, trong không khí sôi nổi mừng Đảng, mừng Xuân, Bác cùng đồng bào Thủ đô đã trồng cây ở Công viên Thống Nhất. Mọi người ùa ra đón Bác, quây quần quanh Bác. Ai cũng muốn được nhìn thấy Bác. Người xuất hiện trong bộ trang phục màu nâu sẫm giản dị. Sau giây lát chào hỏi mọi người, Người tự tay cầm xẻng, xúc đất vun trồng một cây đa. Tại đây, Chủ tịch Hồ



▲ Cây đa Bác trồng vào dịp Tết trồng cây đầu tiên đã tỏa bóng sum suê



▲ Hoa ban được trồng xen kẽ với cây long não trên đường Võ Nguyên Giáp, Hà Nội

Chí Minh đã nói chuyện với nhân dân và cán bộ tham gia lao động, Người căn dặn, phải trông nom, chăm sóc, bảo vệ cây trồng “Việc này ít tốn kém mà lợi ích nhiều”. Bác nói: “Trong 10 năm nữa phong cảnh nước ta sẽ ngày càng tươi đẹp, khí hậu hiền hòa hơn, cây gỗ sẽ đầy đủ hơn. Điều đó sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống của nhân dân ta”. Từ đó đến nay, lời kêu gọi Tết trồng cây của Bác đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân cả nước, trở thành phong trào quần chúng sâu rộng, một nét đẹp trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Các phong trào “Tết trồng cây vì miền Nam ruột thịt”, “Tết trồng cây đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Tết trồng cây làm theo lời Bác”, “Tết trồng cây đời nhớ ơn Bác Hồ” là những dấu ấn đậm nét về quyết tâm làm theo lời Bác của nhân dân ta.

Gần 60 năm qua, cây đa Bác trồng từ những năm đầu của phong trào Tết trồng cây đã tỏa bóng xanh ngát. Cây đa có nhiều cành ngang, tán tròn như đĩa xôi đầy, rễ phụ buông xuống chạm đất đã bén rễ, phát triển thành các thân cây phụ, tạo nên những hình dáng rất ấn tượng. Theo thời gian, cây đa Bác trồng vẫn không ngừng vươn lên như biểu tượng cho sức sống trường tồn của một nhân cách thanh cao, giản dị, tràn đầy lòng yêu thiên nhiên, đồng bào và đất nước. Và không biết tự bao giờ, cây đa đã trở thành không gian thư giãn của người dân trong khu vực, cũng như điểm đến của mỗi du khách khi ghé thăm Công viên Thống Nhất. Nhiều lãnh đạo của nước ta và một số nước trên thế giới đã từng đến đây để trồng cây

lưu niệm. Đó là những dấu ấn lịch sử một thời của Hà Nội hào hùng, Hà Nội vươn lên trong khói lửa của chiến tranh và phát triển không ngừng. Những cây xanh đó luôn được cán bộ, công nhân viên Công ty TNHH MTV Công viên Thống Nhất đặc biệt quan tâm, chăm sóc cẩn thận, với tình cảm thiêng liêng và trân trọng.

Tự hào là địa phương mở đầu phong trào Tết trồng cây trong cả nước, từ đó đến nay, năm nào Hà Nội cũng tiến hành “phủ xanh”. Gần đây nhất, năm 2016, Hà Nội tiến hành chương trình trồng mới 1 triệu cây xanh. Đến nay, sau 3 năm triển khai, Hà Nội đã hoàn thành mục tiêu, nhiều tuyến phố khoác lên mình những sắc màu tươi mới. Không chỉ tiếp tục nhân rộng những loài cây như: lát hoa, chiêu liêu, bàng lá nhỏ..., phố phường Hà Nội thêm đẹp hơn với hàng ban nữ hoàng trên đường Võ Nguyên Giáp, muồng hoàng yến ở đường Võ Chí Công, hàng phượng vĩ trên tuyến đường Trần Khát Chân - Đại Cồ Việt...

Ấn tượng nhất phải kể đến những tuyến phố cửa ngõ, hay trục xuyên tâm lớn của thành phố, nơi cây xanh được trang trí thành nhiều tầng. Tầng cao là các loại chiêu liêu, bàng lá nhỏ; tầng giữa là hàng cọ dầu, ban hoàng hậu; tầng thấp nhất là cây tường vi, bụi dâm bụt. Tới đây, Hà Nội sẽ tiếp tục thực hiện mục tiêu trồng mới thêm 600.000 cây xanh. Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực, thành phố đã xanh, sạch, đẹp hơn, tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia, hệ thống công viên cây xanh ở Hà Nội hiện vẫn phát triển chưa theo kịp với tốc độ phát triển của đô thị, chưa đáp ứng yêu cầu về môi trường, tỷ lệ cây xanh, cây hoa trên một số địa bàn còn ít; hệ thống vườn ươm còn hạn chế về quy mô, số lượng, chủng loại cây còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường cây xanh thành phố, cây cho dự án cũng như đảm bảo cây thay thế... Thiết nghĩ, Hà Nội cần có một chiến lược quy hoạch trồng cây xanh bài bản, tổng thể, dài hạn trên phạm vi cả nước, trồng theo kế hoạch, trồng đâu được đấy, đúng số lượng, chủng loại, quy cách, thổ nhưỡng, vừa đảm bảo môi trường vừa có hiệu quả kinh tế ..., để Tết trồng cây thực sự có ý nghĩa trong mỗi dịp Xuân về.

Bác Hồ kính yêu đã đi xa, đất trời đã bước vào nhiều mùa xuân mới. Mùa Xuân này, đến với công viên Thống Nhất, ngồi dưới bóng cây đa lớn Bác trồng, lại nhớ đến những câu thơ của Bác đã viết về Tết trồng cây:

“Muốn làm nhà cửa tốt
Phải ra sức trồng cây
Chúng ta chuẩn bị từ rày
Đăm năm sau, sẽ bắt tay
dựng nhà”■



Bộ Tài nguyên và Môi trường gặp mặt đầu Xuân Kỷ Hợi với các Đối tác quốc tế

Ngày 20/2/2019, tại trụ sở Bộ TN&MT, Bộ trưởng Trần Hồng Hà và các Thứ trưởng: Nguyễn Thị Phương Hoa, Trần Quý Kiên, Lê Công Thành đã chủ trì buổi gặp mặt đầu Xuân Kỷ Hợi với các Đại sứ, Trưởng đại diện Tổ chức quốc tế, chuyên gia quốc tế tại Việt Nam. Đây là hoạt động được tổ chức thường niên và cũng là dịp để nhìn lại một năm hợp tác với nhiều nỗ lực, thành quả và hướng tới tăng cường hợp tác trong năm mới.

Phát biểu tại buổi gặp mặt, Bộ trưởng Trần Hồng Hà trân trọng cảm ơn và đánh giá cao về những nỗ lực, đóng góp của các đối tác quốc tế trong năm vừa qua. Bộ trưởng cho biết, trong năm 2018, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong công tác BVMT, quản lý bền vững tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH). Bộ trưởng khẳng định, những thành tựu này có sự đóng góp rất lớn của các đối tác quốc tế và nhà tài trợ.

Để bút phá và đạt được các mục tiêu toàn diện trong giai đoạn 2016 - 2020, năm 2019 ngành TN&MT sẽ tập trung vào những vấn đề chính như: Xây dựng Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; Đẩy nhanh việc thực hiện Nghị quyết Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với BĐKH; Xây dựng cơ chế phù hợp để phát triển nền kinh tế tuần hoàn, biến chất thải thành tài nguyên, tiến tới xử lý rác thải nhựa, đóng góp cho nỗ lực toàn cầu trong việc giải quyết rác thải nhựa đại dương; Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là kết nối mạng trong các lĩnh vực quản lý của Bộ TN&MT, bao gồm quản lý đất đai thông minh, bền vững, BVMT, quản lý tài nguyên nước, giám sát và dự báo thời tiết; Thúc đẩy các dịch vụ của Chính phủ điện tử; Chuẩn bị và sẵn sàng đón nhận các cơ hội do các hiệp định thương mại thế hệ mới mang lại, cũng như các cơ hội mới trên quan điểm quản lý bền vững TN&MT...

Đại diện các đối tác quốc tế, Quyền Trưởng Đại diện thường trú Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà phát biểu tại buổi gặp mặt



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà đón tiếp các đối tác quốc tế

Nam Caitlin Wiesen đã đánh giá cao những thành tựu to lớn mà Bộ TN&MT đã đạt được trong việc bảo vệ và thúc đẩy sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Đặc biệt là việc Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng Quỹ Môi trường toàn cầu lần thứ 6 và Lễ công bố Báo cáo về tác động của sự nóng lên toàn cầu của Ủy ban Liên Chính phủ về BĐKH. Theo bà Caitlin Wiesen, việc thông qua bộ quy tắc của Thỏa thuận Pari (tháng 12/2018) tại COP24 đã đặt nền móng vững chắc cho các hành động khí

hậu ở cấp quốc gia. Hội nghị thượng đỉnh về BĐKH của Liên hợp quốc (tháng 9/2019) sắp tới sẽ là cơ hội để Việt Nam thể hiện cam kết mạnh mẽ của mình và đóng góp cho các nỗ lực toàn cầu tránh tác động thảm khốc của BĐKH.

Tại buổi gặp mặt, các đối tác quốc tế cũng bày tỏ cam kết sẽ tiếp tục hợp tác, giúp đỡ Việt Nam, cũng như Bộ TN&MT trong công tác quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH, phát triển bền vững đất nước trong thời gian tới.

ĐỨC ANH



Tăng cường hiệu quả và thống nhất trong công tác quản lý chất thải rắn

Ngay sau khi Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 32/TB-VPCP về kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 1/2019, giao Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về chất thải rắn (CTR), ngày 28/2/2019, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân đã chủ trì cuộc họp rà soát, đánh giá các quy định hiện hành về phân công công tác quản lý nhà nước đối với các Bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực quản lý CTR và đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan, nhằm thống nhất công tác quản lý nhà nước về CTR.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, CTR hiện đang được quản lý theo các quy định về chất thải nguy hại (CTNH), CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường và các chất thải đặc thù khác (chất thải từ các hoạt động: y tế, xây dựng, nông nghiệp, giao thông vận tải). Trong các loại CTR nêu trên, trách nhiệm quản lý nhà nước về CTNH đã được giao thống nhất trên phạm vi toàn quốc cho Bộ TN&MT. Theo đó, Bộ TN&MT có trách nhiệm quy định về danh mục, mã và ngưỡng CTNH; yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý về phân định, phân loại CTNH; quy định trình tự, thủ tục đăng ký chủ nguồn thải CTNH; cấp và thu hồi Giấy phép xử lý CTNH... Đối với CTR công nghiệp thông thường và các loại chất thải đặc thù khác đang có sự tham gia quản lý nhà nước của nhiều Bộ, ngành liên quan, nhưng về cơ bản đang được thực hiện theo hướng Bộ TN&MT là cơ quan nhà nước thống nhất quản lý, các Bộ liên quan quản lý chuyên ngành kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Riêng đối với CTR sinh hoạt hiện công tác quản lý đang tồn tại nhiều bất cập. Hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý còn hạn chế, đặc biệt là chưa có một cơ quan đầu mối thống nhất về quản lý nhà nước. Mặc dù có sự tham gia của nhiều Bộ, ngành liên quan, nhưng

còn thiếu sự thống nhất, dẫn đến khó khăn trong quản lý nhà nước ở cả cấp Trung ương và địa phương, trong đó có sự chồng chéo, bỏ trống, phân đoạn về quản lý CTR.

Trước các bất cập, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước về CTR, ngày 3/2/2019, tại Nghị quyết số 09/NQ-CP, Chính phủ đã giao Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối, thống nhất quản lý nhà nước về CTR; Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện về vấn đề rác thải và xử lý rác thải trên địa bàn. Đồng thời giao Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan, trình cấp có thẩm quyền ban hành để thực hiện phương án thống nhất quản lý nhà nước về CTR nêu trên.

Để thực hiện phương án thống nhất quản lý nhà nước về CTR, bên cạnh các nội dung được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn, Bộ TN&MT đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung chức năng nhiệm vụ của Bộ Xây dựng và Bộ TN&MT để Bộ TN&MT là đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về CTR; sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó chuyển chức năng của Sở Xây dựng về “quản lý CTR thông thường tại đô thị,

khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng về Sở TN&MT, đảm bảo tính thống nhất xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương”. Đồng thời, đề xuất sửa đổi các Luật có liên quan như Luật BVMT, Luật Xây dựng... cho phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 09/NQ-CP của Chính phủ đối với nội dung quản lý CTR; Rà soát, đề xuất phương án về tổ chức, cán bộ của các cơ quan Trung ương và địa phương để đảm bảo thực hiện thống nhất về quản lý nhà nước đối với CTR.

Sau khi nghe báo cáo của đơn vị soạn thảo và ý kiến của các đại biểu tham dự, Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân đánh giá cao ý kiến tham gia của đại diện Văn phòng Chính phủ và đại diện các Bộ, đồng thời giao Tổng cục Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa và tiếp tục xin ý kiến của các Bộ, ngành để hoàn thiện báo cáo trình Chính phủ cho phép chủ trương thống nhất quản lý nhà nước về CTR. Thứ trưởng yêu cầu, việc rà soát các quy định quản lý nhà nước về CTR cần phải đánh giá được đầy đủ hiện trạng, chức năng, nhiệm vụ của từng Bộ, ngành; từ đó xác định những điểm tồn tại, hạn chế, các quy định còn chồng chéo để đề xuất sửa đổi, bổ sung và quy về một đầu mối thống nhất. Ngoài ra, cần đề xuất thay đổi các quy định của pháp luật và phương án chỉ đạo điều hành để quản lý CTR thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến địa phương.

NGUYỄN HÀNG



Nâng cao hiệu quả tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Tạp chí Môi trường (tháng 2/1999 - 2/2019), Tạp chí có cuộc phỏng vấn Bà Trịnh Thanh Thủy - Tổng Biên tập Báo Việt Nam News (tờ báo đối ngoại hàng đầu của Việt Nam, trực thuộc Thông tấn xã) về mối quan hệ hợp tác giữa 2 bên trong công tác truyền thông về lĩnh vực môi trường thời gian qua.

***Xin bà cho biết một số kết quả tích cực trong phối hợp tuyên truyền về BVMT giữa Tổng cục Môi trường và Báo Việt Nam News thời gian qua?**

Bà Trịnh Thanh Thủy: Sự phối hợp chặt chẽ, tích cực giữa Báo Việt Nam News và Tổng cục Môi trường (do Tạp chí Môi trường làm đầu mối) trong thời gian qua đã góp phần thực hiện hiệu quả việc tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật BVMT. Việc tuyên truyền được thể hiện rõ nét qua 5 nội dung chính: Tuyên truyền chính sách, pháp luật về BVMT; Phản ánh thực trạng môi trường và công tác quản lý môi trường tại địa phương, doanh nghiệp; Các giải pháp công nghệ xanh và thực hiện chiến lược Tăng trưởng xanh, giới thiệu các mô hình, dự án thân thiện với môi trường; Các chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường; Tình hình thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế về môi trường và liên quan của Việt Nam.

Có thể nói, với việc lập chuyên mục, chuyên trang “Environment” (Môi trường) hàng tuần, Báo Việt Nam News xác định việc tuyên truyền về lĩnh vực môi trường là mục đích lâu dài, thiết thực, gắn liền với công tác, nhiệm vụ chuyên môn của Báo. Qua chuyên mục, chuyên trang “Environment” và các bài viết sâu sắc trên Báo Việt Nam News Sunday, Báo đã tuyên truyền tích cực về tình hình triển khai Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, Chỉ thị số 28/CT-TTg của



▲ Bà Trịnh Thanh Thủy -
Tổng Biên tập Báo Việt Nam News

Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật, các chính sách pháp luật trong lĩnh vực môi trường; Tuyên truyền phản ánh các sự kiện môi trường, thực trạng môi trường, cũng như công tác quản lý môi trường tại các địa phương, doanh nghiệp và tình hình triển khai các đề án, chương trình về BVMT tại các lưu vực sông, làng nghề, khu công nghiệp, khu chế xuất...; Giới thiệu các mô hình điểm, dự án xanh, giải pháp, công nghệ, sáng kiến xanh, sạch, thân thiện với môi trường... Qua đó, góp phần chuyển tải các thông điệp, cam kết và hoạt động của Việt Nam trong công tác BVMT, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.

***Bà đánh giá thế nào về vai trò cầu nối của Tạp chí Môi trường đối với công tác truyền thông trong lĩnh vực môi trường?**

Bà Trịnh Thanh Thủy: Là Tạp chí chuyên ngành của Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT, Tạp chí Môi trường không chỉ làm công tác chuyên môn của mình, mà còn là đầu mối cung cấp thông tin và phối hợp các hoạt động tuyên truyền trong lĩnh vực BVMT với các cơ quan thông tin đại chúng, trong đó có Báo Việt Nam News. Chính nhờ sự hợp tác tích cực của Tạp chí Môi trường mà chuyên trang, chuyên mục “Environment” trên Báo Việt Nam News đã được duy trì một cách hiệu quả, với số lượng tin, bài và ảnh đăng tải không ngừng tăng lên cả về số lượng và chất lượng, có chiều sâu về chuyên môn.



Ngoài ra, tôi nhận thấy việc tổ chức các đợt tập huấn/tọa đàm cho phóng viên các cơ quan thông tấn, báo chí và khảo sát thực tế tại các địa phương đối với các vấn đề môi trường được xã hội quan tâm là hoạt động thiết thực, giúp phóng viên thu thập thông tin, có điều kiện, cơ hội gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với cán bộ quản lý môi trường các cấp, các nhà khoa học, cán bộ địa phương, cũng như người dân và doanh nghiệp. Qua đó, phóng viên hiểu và nắm bắt thông tin chính xác, đa chiều, đa dạng và khách quan để nâng cao chất lượng các bài viết, sản phẩm báo chí. Tôi hy vọng những hoạt động này được tiếp tục duy trì và tăng cường trong thời gian tới.

***Bà có đề xuất gì để thúc đẩy hiệu quả trong công tác phối hợp tuyên truyền giữa 2 bên trong thời gian tới?**

Bà Trịnh Thanh Thủy: Với vai trò là cầu nối thông tin, tôi rất mong Tạp chí Môi trường sẽ có những động thái tích cực hơn nữa trong việc cung cấp thông tin, đầu mối thông tin và tạo điều kiện giúp Báo Việt Nam News phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác và khách quan các sự việc liên quan đến lĩnh vực môi trường, đặc biệt là các vụ việc nóng, gây bức xúc trong dư luận, cũng như trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường. Báo Việt Nam News sẽ phối hợp với Tạp chí xây dựng kế hoạch cho các đợt thông tin lớn với sự tham gia của quốc tế về môi trường, tạo hiệu ứng mạnh mẽ hơn nữa.

***Xin trân trọng cảm ơn Bà!**

GIÁNG HƯƠNG (Thực hiện)

Mai sau dù có thế nào...

Tôi có may mắn được tham dự dịp kỷ niệm “Tuổi 20” của không ít tờ báo, tạp chí ở nước ta. Đối với một người làm báo được cộng tác liên tục trong suốt 20 năm, bài viết của mình được Ban biên tập trân trọng, đăng tải, đó là một điều may mắn và hạnh phúc. Tạp chí Bảo vệ Môi trường (BVMT) trước đây, nay là Tạp chí Môi trường, là một trong những Tạp chí gắn bó với đời làm báo của tôi chắc không chỉ có 20 năm.

Bắt đầu từ những năm giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, khi đó tôi còn là cán bộ Ban Văn xã, Tạp chí Cộng sản, lần đầu tiên được “cấp cấp” theo “sếp” sang Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước để làm việc, chuẩn bị cho Hội thảo khoa học về BVMT. Đây là Hội thảo khoa học đầu tiên giữa một Ủy ban của Nhà nước với một Tạp chí lý luận-chính trị thành công tốt đẹp, cũng là một kỷ niệm đầu tiên giúp tôi quan tâm đến vấn đề BVMT, đồng thời cũng là cơ duyên với Tạp chí Môi trường sau này.

Đặc biệt, khi được phóng viên Tạp chí gọi điện mời viết cảm nhận của mình nhân dịp Kỷ niệm 20 năm (1999-2019) ra đời và phát triển của Tạp chí Môi trường, tôi nghĩ rằng, tuổi đời của Tạp chí có vẻ là nhiều hơn thế chứ không phải xuất bản số đầu tiên vào năm 1999. Lần lại quá khứ thì thấy, đúng là trước đó, vào tháng 2/1994, Bản tin Bảo vệ môi trường (tiền thân của Tạp chí Môi trường) do TS. Nguyễn Ngọc Sinh, khi đó là Cục trưởng Cục Môi trường làm Tổng biên tập là bản tin đầu tiên của cả nước chuyên thông tin về vấn đề môi trường ở trong nước cũng như trên thế giới. Theo lẽ thường ở nước ta, hầu hết các tạp chí được tính “tuổi đời” từ khi khai sinh, xuất bản bản tin đầu tiên trên lĩnh vực đó. Tuy nhiên, năm nay (2019) Tạp chí Môi trường Kỷ niệm 20 năm ra đời cũng có cái lý của nó, căn



▲ Nhà báo Vũ Ngọc Lân

cứ chính là dựa vào Giấy phép hoạt động báo chí số 58/1999-GPXB-BC cấp ngày 25/2/1999 của Bộ Văn hóa - Thông tin. Và từ thời điểm đó, trong “làng” báo chí nước ta có một tạp chí chuyên về vấn đề môi trường.

Nhưng dù có trải qua 20 hay là 25 năm thì Tạp chí Môi trường đã để lại nhiều dấu ấn khó quên trong tôi. Chỉ tính riêng trụ sở Tòa soạn từ khi ra đời đến nay, Tạp chí Môi trường đã phải di chuyển không dưới 5 nơi (lúc đó có phóng viên của Tạp chí còn nói một cách hình ảnh là “như mèo tha chuột”). Đầu tiên là phòng làm việc chung với Cục Môi trường ở 67 Nguyễn Du; kế đó là tại 2 địa điểm ở 2 số nhà khác nhau trên phố Yết Kiêu; tiếp theo lại chuyển đến Khách sạn Công đoàn trên phố Trần Bình Trọng và những năm gần đây ổn định trên phố Dương Đình Nghệ, địa chỉ thân quen của một số cơ quan thuộc Bộ TN&MT hiện nay. Nói như thế để thấy rõ hơn “cái thuở ban đầu” gian khó ấy, nhưng Tạp chí Môi trường vẫn xuất bản đều kỳ, đến tay bạn đọc đúng hẹn và hơn thế nữa là từng bước đáp ứng công tác phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác BVMT; tuyên truyền công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



Theo tôi, một trong những dấu ấn của Tạp chí Môi trường là sự xuất hiện đúng lúc của nó. Từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX là thời kỳ có nhiều vấn đề về môi trường xảy ra, nhiều nơi môi trường sinh thái bị tàn phá vì lợi ích kinh tế. Lúc đó, không ít người, trong đó có không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý, chỉ chạy theo lợi ích kinh tế mà sao nhãng, buông lỏng công tác BVMT. Chính vì lẽ đó, trong Văn kiện Đại hội VIII của Đảng đã đưa ra quan điểm: “Tăng cường kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, BVMT sinh thái”. Do nhận thức sớm được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác BVMT trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, do vậy, chỉ chưa đầy 6 tháng sau Đại hội VIII, ngày 25/6/1998, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW về tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong đó giải pháp đầu tiên mà Chỉ thị đề ra là “Thường xuyên giáo dục, tuyên truyền, xây dựng thói quen, nếp sống và các phong trào quần chúng BVMT”. Đúng vào thời kỳ này, Tạp chí BVMT ra đời như chứng minh cho sự cần thiết của nó đối với cuộc sống xã hội, vì sự phát triển bền vững của đất nước. Việc ra đời của Tạp chí BVMT nhằm tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, định hướng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên lĩnh vực BVMT, bảo đảm đất nước phát triển bền vững. Ngày nay, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về sự cần thiết, quan trọng của công tác BVMT đã có sự chuyển biến rõ rệt, có được nhiều phong trào BVMT, nhất là trong xây dựng nông thôn mới những năm qua, cũng như những ý kiến phản biện xã hội, giám sát công tác BVMT trong thực tế đã trở thành thói quen, nếp nghĩ, nếp sống của quần chúng nhân dân. Có được những kết quả tích cực, quan trọng này là “công lớn” của các

phương tiện thông tin đại chúng trong cả nước, trong đó có Tạp chí Môi trường. Đặc biệt, Tạp chí Môi trường ngày càng có vị trí xứng đáng trong “làng” báo chí cách mạng Việt Nam. Những thế hệ lãnh đạo, biên tập viên, phóng viên, nhân viên và cả các thế hệ cộng tác viên đều tự hào về những đóng góp, trưởng thành của Tạp chí Môi trường.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Tạp chí có quyền tự hào là kênh thông tin chính thống tuyên truyền sâu rộng trong lĩnh vực môi trường với các ấn phẩm đa dạng, hấp dẫn về nội dung, hình thức cũng như cách tiếp cận vấn đề. Các chuyên mục chính như: Sự kiện - Hoạt động; Luật pháp - Chính sách; Giải pháp - Công nghệ xanh phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về môi trường, giới thiệu các giải pháp mô hình, ứng dụng công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động quản lý, BVMT trong nước và quốc tế... Các chuyên mục: Môi trường và Phát triển, Tăng trưởng xanh; Môi trường và Doanh nghiệp; Nhìn ra thế giới cung cấp thông tin về vấn đề môi trường liên ngành, liên vùng, những vấn đề môi trường gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập toàn cầu... Chuyên mục: Diễn đàn - Trao đổi mở ra diễn đàn thảo luận, trao đổi những vấn đề

thực tiễn, kinh nghiệm quản lý hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước. Tạp chí cũng thường xuyên giới thiệu, cập nhật kết quả nghiên cứu, điều tra; công nghệ, giải pháp tiên tiến, thân thiện môi trường; mô hình, tổ chức xã hội hoạt động tích cực đóng góp hiệu quả cho công tác BVMT; doanh nghiệp tiêu biểu, đi đầu trong việc thực thi pháp luật BVMT... Chính vì sự đa dạng về các chuyên mục, nội dung, cách tiếp cận thông tin trên lĩnh vực BVMT mà Tạp chí đã thu hút, quy tụ được nhiều cộng tác viên với đủ các thành phần, lứa tuổi, lĩnh vực công tác... tham gia cộng tác, viết bài cho Tạp chí. Với những thành quả 20 năm qua, Tạp chí xứng đáng là “người tuyên truyền tập thể, người cổ động tập thể và người tổ chức tập thể” như V.I Lê-nin từng nói về báo chí cách mạng.

Tuổi 20 là cái tuổi đẹp nhất của một đời người. Đối với Tạp chí Môi trường, trải qua 20 năm hình thành và phát triển, với biết bao thách thức, khó khăn, đủ từng trải, kinh nghiệm và trưởng thành để bước tiếp con đường đã được xác định: BVMT vì sự phát triển bền vững đất nước. Đối với tôi, mai sau dù Tạp chí Môi trường có phát triển vinh quang thế nào thì cái thuở ban đầu gian nan ấy vẫn là những ngày đẹp nhất trong đời làm báo của mình■



Tăng cường công tác quản lý, thu gom, xử lý chất thải nguy hại

LÊ HOÀNG ANH, MẠC THỊ MINH TRÀ
Tổng cục Môi trường

Hiện nay, lượng chất thải nguy hại (CTNH) ngày càng gia tăng, tạo sức ép lớn đối với công tác BVMT, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Theo báo cáo của Sở TN&MT các tỉnh, TP (2017), lượng CTNH phát sinh trên toàn quốc khoảng từ 600 - 800 nghìn tấn/năm (không bao gồm lượng CTNH phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình).

TÌNH HÌNH PHÁT SINH CTNH

Hầu hết lượng CTNH công nghiệp phát sinh chủ yếu từ các ngành công nghiệp nhẹ, hóa chất, luyện kim, các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở thực phẩm, tái chế nhựa, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng... CTNH công nghiệp tập trung chủ yếu ở hai vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và phía Nam, trong đó, lượng CTNH phát sinh từ các KCN tại khu vực phía Nam khoảng 82 - 134 nghìn tấn/năm, cao hơn các khu vực khác (gấp 3 lần miền Bắc và 20 lần miền Trung); gần ½ khối lượng CTNH phát sinh ở phía Nam chủ yếu tại các địa phương như: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương. Bên cạnh đó, lượng CTNH phát sinh từ các làng nghề trên toàn quốc chiếm khoảng 2.800 tấn/ngày. Nguyên nhân làm lượng CTNH công nghiệp và làng nghề gia tăng là do chưa được phân loại, thu gom đúng cách, nhiều loại CTNH được thu gom cùng rác thải sinh hoạt rồi đổ tập trung tại các bãi rác công cộng. Các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ nằm ngoài KCN cũng là nguồn phát sinh CTNH không nhỏ, nên công tác quản lý CTNH đang gặp nhiều khó khăn.

Trong các nguồn phát sinh CTNH, lượng CTNH y tế phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế ngày càng gia tăng. Theo thống kê của Bộ Y tế năm 2017, trung bình mỗi ngày, các bệnh viện thải ra khoảng 47 - 50 tấn CTNH (7,6%/năm). CTNH chiếm khoảng 20% chất thải rắn (CTR) y tế trong bệnh viện. Đây là nguồn phát thải gây ô nhiễm môi trường nước, đất và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng. Vì thế, nguồn CTNH từ các bệnh viện cần phải được kiểm soát nghiêm

ngặt, cũng như xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

Đối với chất thải sinh hoạt nguy hại (CTSHNH), hiện chưa có thống kê về lượng CTSHNH phát sinh; Phần lớn CTSHNH bị thải lẫn vào CTR sinh hoạt thông thường và được mang đến bãi chôn lấp. Nhất là, chất thải điện tử và điện dân dụng như tivi, tủ lạnh, quạt điện, máy tính.... Theo ước tính của Công ty Môi trường đô thị Hà Nội, đến năm 2020, cả nước sẽ có khoảng 4,8 triệu tivi, 1,4 triệu máy tính, 2,3 triệu tủ lạnh, 873 nghìn điều hòa nhiệt độ và 2,6 triệu máy giặt... bị thải bỏ.

Ngoài ra, mỗi năm, hoạt động sản xuất nông nghiệp phát sinh khoảng 9.000 tấn CTNH như bao bì và thùng chứa phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV), trong đó, không ít loại thuốc có độ độc hại cao. Bên cạnh đó, cả nước còn khoảng 50 tấn thuốc BVTV tồn lưu, 37.000 tấn hóa chất dùng trong nông nghiệp bị tịch thu đang được lưu giữ chờ xử lý. CTNH trong nông nghiệp có tính độc hại cao, phát tán nhanh trong môi trường nước, dễ bay hơi và khuếch tán trong không khí, nếu không có biện pháp xử lý hiệu quả sẽ gây ra tác động xấu đến môi trường.

CÔNG TÁC THU GOM VÀ XỬ LÝ CTNH

Tính đến tháng 10/2017, cả nước có 108 cơ sở xử lý CTNH đã được Bộ TN&MT cấp phép xử lý. Theo số liệu của Tổng cục Môi trường, tỷ lệ CTNH được thu gom, xử

lý đúng quy định đạt khoảng 75% và hiện vẫn còn tới 1/4 số CTNH chưa được thu gom, xử lý đúng quy định, cụ thể:

CTNH công nghiệp: Phần lớn các chủ nguồn thải phát sinh lượng CTNH lớn hàng năm đều đã đăng ký và được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải, CTNH. Lượng CTNH này được thu gom và đưa đến các cơ sở được cấp phép xử lý. Trong đó, một phần lượng CTNH phát sinh được xử lý bởi chính các chủ nguồn thải, hoặc được xuất khẩu ra nước ngoài để xử lý, tái chế. Một số CTNH đặc thù (chất thải có chứa PCB) do chưa có công nghệ xử lý phù hợp thì được lưu giữ tại cơ sở phát sinh. Hiện nay, chỉ có Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam được cấp phép xử lý chất thải có chứa PCB.

Bên cạnh đó, việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH từ nguồn thải nhỏ, đặc biệt, với các chủ nguồn thải phát sinh lượng CTNH ít (< 0,6 tấn/năm), hoặc tại các khu vực vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân là do giá thành xử lý CTNH cao, thời hạn lưu giữ CTNH không được quá 12 tháng, dẫn đến không thu gom đủ số lượng để xử lý.

CTSHNH đô thị: Hiện tại, CTNH trong sinh hoạt vẫn chưa được thu gom và xử lý riêng. Việc chôn lấp và xử lý chung gây ra tác hại cho những người tiếp xúc trực tiếp với rác, ảnh hưởng tới quá trình phân hủy rác, hòa tan các chất nguy hại vào nước rỉ rác. Do vậy, các cơ quan quản lý cần có



quy định yêu cầu các công ty môi trường đô thị có kế hoạch thu gom riêng biệt CTNH trong CTR sinh hoạt.

Chất thải y tế nguy hại: Theo Bộ Y tế, trong năm 2016, lượng CTNH được xử lý là 20.801 tấn/năm. So sánh với giai đoạn trước, hoạt động thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại đã tăng đáng kể. Tuy nhiên, tại các tỉnh, TP, các cơ sở y tế vẫn chưa đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại. Tính đến hết năm 2015, đã có 94,3% các bệnh viện tuyến Trung ương, 91,9% bệnh viện tuyến tỉnh và 82,4% bệnh viện tuyến huyện xử lý chất thải y tế nguy hại đạt yêu cầu; 46,4% cơ sở y tế dự phòng tuyến tỉnh và 26,5 % trạm y tế xã xử lý CTNH đảm bảo quy định.

Ước tính còn 33% bệnh viện tuyến huyện và tỉnh không có hệ thống lò đốt chuyên dụng, phải xử lý chất thải y tế nguy hại bằng các lò đốt thủ công, chôn lấp trong khuôn viên bệnh viện, hoặc thải ra bãi rác địa phương. Đây là nguồn gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân.

CÔNG NGHỆ XỬ LÝ, TÁI CHẾ CTNH

Theo khảo sát của Bộ TN&MT, có 3 nhóm công nghệ xử lý CTNH: Nhiệt; chôn lấp và tái chế chất thải. CTNH thường được xử lý bằng công nghệ đốt, chôn lấp (có xử lý trước bằng các phương pháp hóa lý, sinh học), ổn định hóa

rắn. Riêng chất thải y tế nguy hại, do chứa nhiều thành phần nguy hại, cần xử lý bằng khử khuẩn (các phản ứng hóa học trong những thiết bị đặc biệt, nhiệt khô, hoặc nhiệt ẩm, vi sóng), đốt, chôn lấp.

Tính đến tháng 7/2015, có 50 cơ sở xử lý CTNH được cấp phép áp dụng công nghệ lò đốt tinh hai cấp và lò đốt quay. Hiện cả nước có 69 lò đốt tinh hai cấp, công suất từ 100 - 2.000 kg/h. Công nghệ này có ưu điểm là đơn giản, chi phí đầu tư hợp lý, dễ vận hành, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Lò đốt tinh được sử dụng phổ biến trong các cơ sở xử lý CTNH, tuy nhiên, quy trình kiểm soát, vận hành còn thủ công, chưa tự động hóa cao, nên khó có thể đốt các CTNH đặc biệt độc hại như các chất có chứa halogen (PCB, thuốc BVTV cơ clo). Một số lò đốt được đầu tư trong thời gian gần đây đã lắp đặt hệ thống than hoạt tính xử lý khí thải, đồng thời thu

hồi, nhiệt để phát điện và có hệ thống lấy tro tự động, giải quyết tình trạng đốt theo mẻ, nâng cao năng suất và hiệu quả của lò đốt. Đối với lò đốt quay, hiện nay, đang bắt đầu được áp dụng tại Việt Nam, với 2 cơ sở xử lý CTNH được cấp phép sử dụng công nghệ này. Việc áp dụng lò đốt quay giúp quá trình đảo trộn chất thải, đặc biệt là đốt các chất thải dạng bùn hiệu quả hơn. Tuy nhiên, khi đảo trộn tạo ra bụi trong quá trình đốt, do đó, đòi hỏi có biện pháp thu gom và kiểm soát bụi trong khí thải.

Riêng đối với công nghệ xử lý chất thải y tế nguy hại bằng công nghệ đốt: Hiện cả nước có khoảng 400 lò đốt rác thải y tế, được đầu tư phân tán, phần lớn tại cơ sở y tế và công suất xử lý nhỏ (từ 20 - 50 kg/h) và trong số đó, không có hệ thống xử lý khí thải kèm theo. Các lò đốt chất thải y tế nguy hại đều vận hành thủ công, theo mẻ, chế độ nhiệt thiêu hủy chất thải chưa theo quy định. Với nhiệt độ không đủ cao, quá trình oxy hóa học biến đổi chất thải bằng oxy không khí sẽ xảy ra không hoàn toàn và sản phẩm khí thải có khói đen, nồng độ chất ô nhiễm CO trong khí thải cao. Thời gian qua, một số lò đốt chất thải y tế đã được đầu tư và cấp Giấy phép xử lý CTNH đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải y tế QCVN 02: 2012/BTNMT. Do đó, trong thời gian tới, cần hạn chế đầu tư lò đốt tại các cơ sở y tế và chuyển sang công nghệ không đốt, trừ các trường hợp đặc biệt như cơ sở xử lý chất thải y tế tập trung, hoặc xử lý chất thải y tế tại các cơ sở được cấp phép xử lý CTNH.



▲ Tăng cường công tác thu gom, phân loại, xử lý CTNH tại nguồn



Công nghệ đông xử lý trong lò nung xi măng: Hiện đã có 2 cơ sở sản xuất xi măng tại Kiên Giang và Hải Dương sử dụng công nghệ này, với công suất 432 nghìn tấn CTNH/năm. Với lò nung xi măng các loại CTNH sẽ được xử lý triệt để, không phát sinh tro xỉ thứ cấp.

Công nghệ chôn lấp CTNH: Công nghệ chôn lấp CTNH đã được áp dụng ở Hà Nội và Bình Dương, Đồng Nai, Quảng Ngãi, Thanh Hóa... với dung tích của mỗi hầm chôn lấp từ 10.000 - 15.000 m³. Công nghệ chôn lấp CTNH có ưu điểm là cô lập các CTNH chưa có khả năng xử lý bằng công nghệ khác, công suất lớn và giá thành xử lý ít hơn so với nhiều phương pháp tiêu hủy khác như đốt. CTNH có thể đào lên để xử lý nếu có công nghệ phù hợp. Các hầm chôn lấp CTNH đều có mái che kín trong quá trình vận hành, nên biện pháp này có tính chất là đóng kén hơn là chôn lấp, không phát sinh nước rò rỉ, nhưng vẫn có hệ thống thu gom nước rò rỉ. Tuy nhiên, phương pháp này khá tốn diện tích, CTNH không được xử lý triệt để, nguy cơ rò rỉ còn tiềm ẩn nên cần giám sát thường xuyên sau khi đóng hầm.

Công nghệ tái chế dầu thải: Trên cả nước có 36 cơ sở hành nghề xử lý được cấp phép đầu tư công nghệ tái chế dầu, bao gồm các công nghệ: Chưng cất cracking dầu (chưng phân đoạn, hay còn gọi là chưng nhiều bậc; chưng đơn giản; chưng một bậc); phân ly dầu nước bằng phương pháp cơ học (ly tâm) và công nghệ nhiệt. Trên thực tế, phần lớn các cơ sở sử dụng công nghệ chưng cất đơn giản để thu hồi dầu (nguyên lý là sử dụng nhiệt để làm bay hơi và cắt mạch, sau đó, ngưng tụ để thu hồi dầu, cặn rắn được tách và lấy ra ở đáy nồi chưng). Hiện nay, có một số cơ sở đang đầu tư công nghệ chưng phân đoạn để tái chế dầu, đây là công nghệ hiện đại sử dụng để sản xuất các sản phẩm xăng dầu từ dầu thải.

Công nghệ tái chế axit quỳ chì thải: Hiện tại, có 27 cơ sở hành nghề xử lý CTNH được cấp phép đầu tư công nghệ xử lý này, công suất trung bình

0,5 - 200 tấn/ngày. Một số đơn vị đã đầu tư và sử dụng công nghệ hiện đại để tái chế axit quỳ, toàn bộ quy trình xử lý được cơ giới, tự động hóa để thu chi luyện thô, chi thô tiếp tục được đưa vào quá trình luyện tinh. Một số đơn vị đã đầu tư thêm hệ thống điện phân để thu được thành phẩm chì có hàm lượng cao hơn, tăng giá trị kinh tế.

Công nghệ tái chế chất thải điện tử: Đến nay, có 26 cơ sở hành nghề xử lý CTNH được cấp phép đầu tư công nghệ xử lý chất thải điện tử, công suất từ 0,3 - 5 tấn/ngày, bao gồm: Công nghệ tái chế, thu hồi kim loại bằng phương pháp cơ học (khoảng 15 đơn vị được Bộ TN&MT cấp phép đang hoạt động); Công nghệ tái chế, thu hồi kim loại bằng phương pháp hóa học (có khoảng 5 đơn vị được Bộ TN&MT cấp phép đang hoạt động) và công nghệ thu hồi kim loại bằng phương pháp điện phân.

Công nghệ tái chế bột kẽm ôxít từ bụi lò luyện thép: Hiện nay, có 3 doanh nghiệp được cấp phép sử dụng công nghệ lò quay để tái chế bột kẽm ôxít từ bụi lò luyện thép, với tổng công suất hơn 120 nghìn tấn bụi lò luyện thép/năm. Việc cấp phép xử lý CTNH cho các công nghệ này đã góp phần giải quyết vấn đề tồn đọng bụi lò luyện

thép của các nhà máy luyện thép tại các tỉnh, TP.

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CTNH

Để đẩy mạnh công tác quản lý CTNH, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, việc tăng cường công tác quản lý CTNH ở các doanh nghiệp, khu công nghiệp là hết sức cần thiết, đặc biệt là quản lý chặt từ chủ nguồn thải đến người thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý... Đồng thời, xây dựng và phát triển các cơ sở xử lý CTNH theo hướng tập trung, quy mô lớn với công nghệ hiện đại, hạn chế phát triển và giảm dần các cơ sở xử lý quy mô nhỏ, phân tán có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư, xây dựng các cơ sở xử lý, tái chế chuyên sâu đối với các loại CTNH đặc thù, song song với việc phát triển các cơ sở xử lý có khả năng tái chế, xử lý nhiều loại CTNH, tăng cường chuyển giao chất thải giữa các cơ sở xử lý chất thải để tận dụng thế mạnh của mỗi cơ sở trong quá trình xử lý.

Ngoài ra, cần tăng cường tái chế, tái sử dụng CTNH; hạn chế cấp phép xử lý bằng biện pháp chôn lấp, hóa rắn đối với các loại CTNH có khả năng tái chế, tái sử dụng; đẩy mạnh việc thực hiện thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân■



Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm tại Việt Nam

NGUYỄN THỊ NGÀ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Ngày 22/1/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Nghị định số 06/2019/NĐ-CP). Nghị định được ban hành nhằm đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ không chỉ với pháp luật Việt Nam về bảo vệ và phát triển rừng, đa dạng sinh học, mà còn phù hợp với những quy định của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) mà Việt Nam là thành viên.

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP quy định Danh mục các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; chế độ quản lý, bảo vệ, trình tự, thủ tục khai thác các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; nuôi động vật rừng thông thường; thực thi Công ước CITES tại Việt Nam. Nghị định áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc các Phụ lục của CITES; nuôi động vật rừng thông thường trên lãnh thổ Việt Nam.

DANH MỤC, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ THỰC VẬT RỪNG, ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM; NUÔI ĐỘNG VẬT THÔNG THƯỜNG

Nghị định quy định, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm gồm: Nhóm I là các loài thực vật rừng, động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I Công ước CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam (Nhóm IA: Các loài thực vật rừng; Nhóm IB: Các loài động vật rừng); Nhóm II là các loài thực vật rừng, động



▲ Nhân viên cứu hộ Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà (Lâm Đồng) thả vườn má vàng về rừng

vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam (Nhóm IIA: Các loài thực vật rừng; Nhóm IIB: Các loài động vật rừng).

Đối với việc bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, hoạt động săn, bắn, bắt, khai thác, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, chế biến, vận chuyển, buôn bán các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm không được ảnh hưởng tiêu cực đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển của loài đó trong tự nhiên. Mọi hoạt động săn, bắn, bắt, khai thác, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật

rừng nguy cấp, quý, hiếm phải được quản lý, đảm bảo nguồn gốc hợp pháp. Khu vực sinh cảnh sống thường xuyên, tập trung của các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm được nghiên cứu làm cơ sở để thành lập các khu rừng đặc dụng. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, xây dựng công trình, điều tra, thăm dò, nghiên cứu, tham quan, du lịch và các hoạt động khác trong các diện tích rừng có thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm phải thực hiện theo Nghị định và quy định pháp luật khác có liên quan.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học về bảo tồn, phát triển bền vững các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm phải được thực hiện theo đúng đề tài, dự án đã được phê duyệt và tuân thủ Quy chế quản lý rừng. Trước khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học phải báo



cáo bằng văn bản với chủ rừng và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh để giám sát quá trình thực hiện.

Tổ chức, cá nhân nuôi động vật rừng thông thường phải đảm bảo các điều kiện: Đảm bảo nguồn gốc động vật rừng nuôi hợp pháp theo quy định pháp luật; An toàn cho con người; Thực hiện các quy định pháp luật về môi trường, thú y; Ghi chép sổ theo dõi vật nuôi quy định; Trong thời hạn tối đa 3 ngày làm việc, kể từ ngày đưa động vật rừng thông thường về cơ sở nuôi, tổ chức, cá nhân phải gửi thông báo cho cơ quan Kiểm lâm địa phương để theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định rõ việc xử lý trường hợp động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm xâm hại, hoặc đe dọa tính mạng, tài sản của con người. Trong trường hợp động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đe dọa xâm hại nghiêm trọng tài sản, hoặc tính mạng con người, tổ chức, cá nhân phải áp dụng các biện pháp xua đuổi, hạn chế gây tổn thương đến động vật, đồng thời thông tin ngay với cơ quan Kiểm lâm, hoặc UBND cấp xã, cấp huyện nơi gần nhất. Trường hợp động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm đe dọa tấn công trực tiếp đến tính mạng con người ở ngoài các khu rừng đặc dụng, phòng hộ, sau khi đã áp dụng các biện pháp xua đuổi, nhưng không có hiệu quả, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định và chỉ đạo việc bắt, bắn, bắn cá thể động vật đó.

THỰC THI CITES TẠI VIỆT NAM

Theo Nghị định, việc khai thác từ tự nhiên mẫu vật thuộc Phụ lục I Công ước CITES được thực hiện trong các trường hợp: Phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học; Tạo nguồn giống gốc phục vụ nuôi sinh sản, trồng cây nhân tạo; Phục vụ công tác đối ngoại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Khai thác từ tự nhiên mẫu vật thuộc Phụ lục II Công ước CITES trong các trường hợp: Phục vụ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học; Tạo nguồn giống gốc phục vụ nuôi sinh sản, trồng cây nhân tạo; Phục vụ công tác đối ngoại theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Phục vụ thương mại bền vững theo quy định pháp luật.

Các tổ chức, cá nhân khai thác phải có phương án khai thác theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định. Trước khi thực hiện hoạt động khai thác phải thông báo cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp, hoặc thủy sản cấp tỉnh để giám sát thực

hiện; đảm bảo việc khai thác không ảnh hưởng tiêu cực đến công tác bảo tồn và phát triển bền vững của quần thể; thực hiện đúng các quy định pháp luật của Việt Nam và Công ước CITES về khai thác mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, nguồn gốc mẫu vật các loài động vật, thực vật rừng hoang dã thuộc Phụ lục I, II của Công ước CITES trên địa bàn. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, nguồn gốc mẫu vật các loài thủy sản thuộc Phụ lục I, II của Công ước CITES trên địa bàn.

Đối với việc nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục của Công ước CITES không vì mục đích thương mại phải đảm bảo các điều kiện: Có dự án, đề tài nghiên cứu khoa học được phê duyệt và phương án nuôi, trồng theo các Mẫu số 04, 05, 06 và 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định; Cơ sở nuôi, trồng phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi, trồng; Đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, trồng, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh; Đảm bảo nguồn giống hợp pháp (Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; Nhập khẩu hợp pháp, hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi, trồng hợp pháp khác); Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định; đồng thời, định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan

quản lý nhà nước về thủy sản, lâm nghiệp cấp tỉnh.

Đối với việc nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục CITES vì mục đích thương mại phải đảm bảo các điều kiện: Với động vật, đảm bảo nguồn giống hợp pháp (Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định pháp luật; nhập khẩu hợp pháp, hoặc mẫu vật từ cơ sở nuôi hợp pháp khác); Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi, bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vật nuôi, vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh; Loài nuôi được Cơ quan khoa học CITES Việt Nam công bố có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát và được xác nhận bằng văn bản việc nuôi sinh sản, sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài có liên quan trong tự nhiên; Có phương án nuôi theo Mẫu số 04, Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

Với thực vật, phải đảm bảo nguồn giống hợp pháp (Khai thác hợp pháp; mẫu vật sau xử lý tịch thu theo quy định của pháp luật; nhập khẩu hợp pháp, hoặc mẫu vật từ cơ sở trồng hợp pháp khác); Cơ sở trồng phù hợp với đặc tính của loài; Có phương án trồng theo Mẫu số 05, Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định. Trong quá trình nuôi, trồng phải lập sổ theo dõi nuôi, trồng theo Mẫu số 16, Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định; định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản, lâm nghiệp cấp tỉnh■



Bắc Ninh: Tăng cường quản lý nước thải tại các làng nghề trên lưu vực sông Cầu

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG - Phó Giám đốc
Sở TN&MT Bắc Ninh

Hiện nay, toàn tỉnh Bắc Ninh có 62 làng nghề, trong đó, 39 làng nghề có nguồn thải ảnh hưởng trực tiếp trên lưu vực sông (LVS) Cầu, thuộc các huyện Tiên Du, Yên Phong, thị xã Từ Sơn và TP. Bắc Ninh. Mặc dù có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tuy nhiên, sự phát triển của các làng nghề cũng ảnh hưởng đến chất lượng nước trên LVS Cầu.

Trong 39 làng nghề ở Bắc Ninh ảnh hưởng đến chất lượng nước LVS Cầu có một số làng nghề có lượng nước thải phát sinh lớn, gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) LVS như: Tái chế giấy Phong Khê (khoảng 10.000 m³/ngày, đêm), tái chế giấy Phú Lâm (4.000 m³/ngày, đêm), làm bún Khắc Niệm (3.500 m³/ngày, đêm), nấu rượu Đại Lâm (2.500 m³/ngày, đêm). Ngoài ra, một số làng nghề tái chế kim loại cũng có nguồn thải lớn, chủ yếu là nước làm mát và nước thải lẫn với chất thải rắn, gây ÔNMT như làng nghề tái chế thép Đa Hội, tái chế nhôm Văn Môn.

Theo kết quả phân tích mẫu nước thải của các làng nghề trên, các chỉ tiêu BOD₅, COD, Amoni... đều vượt Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT). Điển hình là làng nghề sản xuất giấy Phong Khê, hàm lượng BOD₅ cao hơn QCVN từ 10 - 20 lần, COD cao hơn từ 15 - 24 lần; làng nghề sản xuất bún Khắc Niệm, COD cao hơn QCVN từ 9 - 15 lần; làng nghề tái chế nhôm Văn Môn, Amoni cao hơn QCVN từ 3,9 - 10 lần...

Trước thực trạng trên, trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã triển khai nhiều giải pháp nhằm giải quyết vấn đề ÔNMT tại các làng nghề trên địa bàn. Tỉnh đã ban hành một số văn bản, chính sách liên quan đến BVMT làng nghề: Quy định hỗ trợ xử lý ÔNMT làng nghề, khu vực nông thôn; Quy định chế độ hỗ trợ xây dựng điểm tập kết, vận chuyển rác thải khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, nhằm cải thiện chất lượng môi trường nông thôn do ô nhiễm rác thải sinh hoạt; Quy chế BVMT làng nghề, khu dân cư, cụm công nghiệp (CCN) và khu kinh doanh, dịch vụ làng nghề tỉnh; Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể BVMT làng nghề tỉnh đến năm 2020 và định hướng



▲ Kênh, ao hồ ở làng nghề bún Khắc Niệm bị ô nhiễm nghiêm trọng

đến 2030; Kế hoạch di dời và xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng; Quy chế phối hợp thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về môi trường giữa ngành TN&MT với lực lượng cảnh sát môi trường...

Nhằm giảm thiểu ÔNMT đối với một số làng nghề trên địa bàn tỉnh, Sở TN&MT Bắc Ninh đã xây dựng và triển khai các Đề án: Đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất các giải pháp BVMT sông Ngũ Huyện Khê; Xử lý ÔNMT làng nghề sản xuất giấy Phong Khê theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Điều tra hiện trạng và tăng cường giải pháp xử lý ÔNMT làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Sở phối hợp với Viện Khoa học Thủy lợi triển khai Dự án xử lý nước thải (XLNT) làng nghề sản xuất rượu Đại Lâm bằng công nghệ yếm khí; phối hợp với Bộ NN&PTNT triển khai Dự án đầu tư xây dựng hệ thống XLNT làng nghề sản xuất bún Khắc Niệm với công suất 400 m³/ngày, đêm; xây

dựng và vận hành thử nghiệm hệ thống XLNT tập trung làng nghề sản xuất giấy tái chế Phong Khê (TP. Bắc Ninh), công suất giai đoạn 1 là 5.000 m³/ngày, đêm; hoàn thành và đưa vào vận hành hệ thống XLNT tập trung thị xã Từ Sơn, giai đoạn 1, với công suất 33.000 m³/ngày, đêm (trong đó có XLNT một số làng nghề trên địa bàn thị xã); triển khai Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải đối với 6 hợp tác xã luyện kim loại màu tại làng nghề Văn Môn, Đại Bái, Châu Khê do Nhật Bản tài trợ.

Cùng với đó, UBND tỉnh đã thành lập Tổ phản ứng nhanh để xử lý các vấn đề ÔNMT trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý nghiêm đối với các cơ sở sản xuất vi phạm pháp luật về BVMT... Trong giai đoạn 2016 - 2018, Sở TN&MT, Ban Quản lý các KCN và lực lượng cảnh sát môi trường đã tiến hành kiểm tra theo kế hoạch, hoặc đột xuất việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với



518 cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 106 cơ sở, với tổng số tiền phạt 3.771 tỷ đồng. Ngoài ra, UBND các huyện, thị xã, TP cũng tổ chức kiểm tra đối với 403 cơ sở, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 50 cơ sở, với tổng số tiền phạt gần 3 tỷ đồng. Năm 2016 và 2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Đoàn thanh tra liên ngành tiến hành thanh tra toàn diện đối với 60 cơ sở sản xuất trong CCN Phong Khê 1 và 32 cơ sở sản xuất trong CCN Phú Lâm, lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với 28 cơ sở sản xuất, với tổng số tiền xử phạt trên 5 tỷ đồng. Mặt khác, các đơn vị còn tổ chức chốt chặn (24/24 giờ), nhằm kiểm soát các xe vận chuyển chất thải ra vào địa bàn, phường Phong Khê, Phú Lâm. Trong quá trình kiểm tra đã xử lý 26 lượt xe vận chuyển chất thải trái phép, với tổng số tiền 573,5 triệu đồng, thu giữ 716,4 tấn vụn và rác thải công nghiệp.

Đặc biệt, công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT cho các doanh nghiệp ngày càng đi vào nề nếp. Đến nay, Sở TN&MT đã xây dựng hơn 100 chuyên mục và 500 tin, bài có nội dung về BVMT làng nghề; Hội thi cộng đồng tham gia BVMT tại làng nghề sản xuất tái chế giấy Phong Khê và sản xuất bún, bánh tại phường Khắc Niệm (TP. Bắc Ninh); tổ chức các lớp tập huấn về BVMT làng nghề cho các cơ sở sản xuất trong làng nghề và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Để khắc phục tình trạng ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường nói chung và môi trường nước LVS Cầu nói riêng, thời gian tới, tỉnh Bắc Ninh cần tập trung triển khai một số giải pháp:

Hoàn thiện cơ chế, chính sách về BVMT làng nghề: Quy định hạn chế, không cho phép đầu tư đối với loại hình sản xuất có nguy cơ gây ÔNMT nghiêm trọng, sử dụng công nghệ lạc hậu trên địa bàn tỉnh; Quy định về hỗ trợ kinh phí, ưu đãi để chuyển đổi công nghệ sản xuất, vay vốn xử lý ÔNMT làng nghề; Xây dựng Kế hoạch di dời, xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng trong khu dân cư đối với các cơ sở không thực hiện biện pháp xử lý chất thải đạt quy chuẩn về môi trường.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, đào tạo và nâng cao năng lực BVMT làng nghề: Tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất trong các làng nghề đầu tư công trình, biện pháp xử lý chất thải; đóng góp kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống XLNT tập trung; di chuyển

các công đoạn sản xuất ÔNMT ra khỏi khu dân cư; phát động phong trào toàn dân tham gia BVMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Hàng tháng, lựa chọn 1 ngày ra quân làm sạch môi trường; biểu dương, khen thưởng kịp thời gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến trong BVMT.

Tăng cường quản lý nhà nước về BVMT: Giữ nguyên hiện trạng sản xuất, không cấp mới thủ tục đăng ký kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất đối với ngành nghề tái chế phế liệu; Đình chỉ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp không đủ điều kiện về BVMT; Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật BVMT đối với các cơ sở sản xuất, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm, với các hình thức: Phạt tiền; tạm đình chỉ hoạt động sản xuất, buộc di dời, cấm hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư. UBND các xã, phường có làng nghề thành lập Tổ tự quản về BVMT; xây dựng Hương ước, Quy ước về BVMT dựa trên tính chất sản xuất đặc thù của từng thôn, làng.

Triển khai quy hoạch, di dời cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, chuyển đổi ngành nghề sản xuất: Đối với các làng nghề chưa có quy hoạch CCN, khu kinh doanh, dịch vụ làng nghề, cần xây dựng quy hoạch căn cứ vào tính chất đặc thù của từng loại hình sản xuất. Đối với các làng nghề đã có CCN, khu kinh doanh dịch vụ làng nghề thì tổ chức rà soát, bổ sung, xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng đồng bộ, với hệ thống cấp thoát nước và trạm XLNT tập trung, bố trí diện tích đất lưu giữ chất thải công nghiệp tại các cơ sở. Đồng thời, xây

dựng Kế hoạch di dời, xử lý các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư; lập danh mục các làng nghề cần có lộ trình chuyển đổi ngành nghề sản xuất, hoặc di dời ra khỏi khu dân cư.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ: Tăng cường kiểm soát công nghệ cũ, lạc hậu tại cơ sở sản xuất trong các làng nghề; Tổ chức giám sát chặt chẽ công tác thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư vào các CCN, làng nghề, chỉ tiếp nhận các dự án đầu tư công nghệ hiện đại, ít tiêu tốn nguyên, nhiên liệu; Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sạch, giải pháp xử lý chất thải cho các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ theo hướng vận hành đơn giản, tiết kiệm chi phí và hiệu quả.

Triển khai các đề án, dự án về xử lý chất thải: Tiếp tục triển khai Dự án xây dựng Nhà máy XLNT tập trung làng nghề Phong Khê, giai đoạn 2, nâng công suất lên 10.000 m³/ngày, đêm; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung 4.500 m³/ngày, đêm cho CCN Phú Lâm đi vào hoạt động theo đúng kế hoạch. Xây dựng lộ trình chuyển đổi 2 CCN Phong Khê, Phú Lâm sang khu đô thị. Tập trung triển khai các đề án, chương trình BVMT nông thôn, làng nghề; xử lý ÔNMT tại các CCN, làng nghề: Văn Môn, Đại Bái, Châu Khê, Khắc Niệm, Đại Lâm, Phú Lâm và Phong Khê theo nguyên tắc đầu tư xử lý ÔNMT đối với khu vực nông thôn, làng nghề đã được HĐND tỉnh khóa 18, Kỳ họp thứ 3 thông qua; Xây dựng Quy hoạch BVMT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020 - 2030 và định hướng đến năm 2050■



Huy động nguồn lực thu gom, xử lý rác thải tại huyện đảo Phú Quốc

Những năm qua, tình trạng di dân ra đảo Phú Quốc (Kiên Giang) tăng nhanh, cùng với hoạt động sản xuất, kinh doanh và du lịch ngày càng phát triển, dẫn đến phát sinh lượng lớn rác thải sinh hoạt, gây ô nhiễm môi trường.

NGUY CƠ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO RÁC THẢI TỒN ĐỘNG

Hiện nay, dân số trên đảo khoảng 100.000 dân, hơn 1.600 công ty và doanh nghiệp, với lượng khách du lịch lớn đã thải ra hàng trăm tấn rác mỗi ngày, làm cho công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt nơi đây bị quá tải. Thống kê của Phòng TN&MT huyện Phú Quốc cho thấy, mỗi ngày, huyện đảo phát sinh khoảng gần 200 tấn rác và 18.000 m³ nước được thải ra môi trường, trong khi đó, năng lực thu gom chỉ đạt hơn 60%. Số rác thải sinh hoạt chưa được thu gom, xử lý trôi dạt trong tự nhiên, theo các cống, kênh rạch, sông ngòi trôi thẳng ra biển, gây ô nhiễm môi trường. Nghiêm trọng hơn, ngay tại cảng hàng không Phú Quốc (cũ) ở thị trấn Dương Đông, khi sân bay đã dời về địa điểm khác thì một đoạn đường băng sân bay cũ này đã trở thành bãi rác khổng lồ, bốc mùi nồng nặc khắp khu dân cư lân cận...

Hiện Phú Quốc chưa có khu xử lý rác thải tập trung theo quy hoạch. Chủ yếu rác thải được tập kết tại 2 bãi rác An Thới (thị trấn An Thới) và Ông Lang (xã Cửa Dương). Nhiều năm qua, lượng rác lộ thiên đã quá tải, chất cao như những quả núi khổng lồ, tràn ra đường. Biện pháp xử lý rác thải ở huyện đảo chỉ là chôn lấp, mang tính tạm thời, không hợp vệ sinh, phát sinh mùi hôi và rò rỉ nước rỉ rác, không có lót chống thấm đáy, không có tường bao xung quanh bãi rác. Trong khi, Dự án Nhà máy xử lý rác Phú Quốc bị thu hồi đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác xử lý rác thải trên đảo. Nhà máy do Công ty CP năng lượng tái tạo Toàn

Cầu (TP. Hồ Chí Minh) làm chủ đầu tư, có công suất xử lý 200 tấn rác/ngày, xây dựng trên diện tích 10 ha tại xã Hàm Ninh, đi vào hoạt động từ tháng 10/2017, nhưng đến tháng 12/2017 thì tạm ngừng lấy rác do trục trặc về sự cố kỹ thuật và dây chuyền xử lý rác, nên rác thải không được xử lý theo đúng kỹ thuật và công suất như cam kết ban đầu. Vì vậy, lượng rác tồn đọng và chưa xử lý ngày càng nhiều, gây khó khăn cho địa phương. Hiện UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc hoàn chỉnh các thủ tục thu hồi Dự án theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, lượng rác thải tồn đọng ở môi trường quá lớn còn do nhiều nguyên nhân khác như mạng lưới thu gom thiếu và yếu, chi phí thu gom thấp, sự tham gia của cộng đồng còn hạn chế. Mặc dù, đã có quy định của Nhà nước về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT (Nghị định số 155/2016/NĐ-CP); quy định về thu gom

rác thải trên tàu nhưng thực tế số vụ xử phạt thấp. Nhiều vụ việc vứt rác thải ra đường vào ban đêm nên lực lượng chức năng khó phát hiện. Một số hộ dân không đóng phí vệ sinh gây khó khăn cho hoạt động thu gom rác. Bên cạnh đó, địa phương chưa có các chính sách khuyến khích doanh nghiệp thu gom, xử lý rác thải. Mặc dù, đã có một số doanh nghiệp chủ động thực hiện việc giảm thiểu rác thải, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mang tính chất nhỏ lẻ và tự phát. Mặt khác, các khu vực chưa được thu gom rác chủ yếu ở xa, hoặc đường đi lại khó khăn nên hệ thống thu gom khó tiếp cận, không có đường cho xe vào... Vì vậy, việc đa dạng hóa các phương tiện thu gom, mở rộng hệ thống thu gom, với sự tham gia của tư nhân sẽ giúp tăng tỷ lệ chất thải được thu gom trên địa bàn.

(Xem tiếp trang 37)



▲ Bãi rác Ông Lang (Cửa Dương, Phú Quốc) đã quá tải



● Chỉ đạo của Chính phủ về quản lý phế liệu nhập khẩu và chất thải rắn

Ngày 3/2/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 09/NQ-CP về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 1/2019. Theo đó, Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, bãi bỏ các quy định pháp luật bất cập, không phù hợp liên quan đến quy trình kiểm tra chất lượng phế liệu nhập khẩu sử dụng làm nguyên liệu sản xuất (NLSX); Bộ TN&MT, Sở TN&MT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương tiếp tục xem xét, cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm NLSX của các tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm trung gian: Phôi kim loại, hạt nhựa, sản phẩm nhựa tái chế thương phẩm nếu đáp ứng yêu cầu về BVMT. Riêng đối với nhựa phế liệu, chỉ được nhập khẩu làm NLSX ra các sản phẩm trung gian đến hết ngày 31/12/2024; Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ TN&MT và địa phương có liên quan khẩn trương xử lý phế liệu nhập khẩu được xác định là vô chủ theo quy định của pháp luật, báo cáo Thủ tướng Chính phủ đầu tháng 3/2019.

Về chất thải rắn (CTR), Chính phủ giao Bộ TN&MT là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với tất cả các loại CTR; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng phương án thống nhất quản lý nhà nước CTR, các Bộ liên quan có trách nhiệm thực hiện quản lý chuyên ngành kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Phân cấp toàn diện trách nhiệm cho UBND cấp tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm về mọi mặt trong vấn đề rác thải và xử lý rác thải.

● Hà Nội ban hành Quy định mức hỗ trợ bằng tiền đối với người dân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường

Ngày 21/12/2018, UBND TP. Hà Nội ban hành Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND về việc thực hiện Nghị quyết của HĐND TP. Hà Nội quy định mức hỗ trợ bằng tiền đối với người dân trong phạm vi vùng ảnh hưởng môi trường khu vực xung quanh các khu xử lý CTR bằng phương pháp chôn lấp trên địa bàn TP. Hà Nội. Theo đó, mức hỗ trợ được thực hiện theo Nghị quyết số 3/2018/NQ-HĐND

ngày 5/7/2018 của HĐND TP.

Về tổ chức thực hiện, Sở TN&MT có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra giám sát kết quả thực hiện các biện pháp đảm bảo môi trường tại các khu xử lý CTR trên địa bàn TP; đánh giá mức độ ảnh hưởng môi trường hàng năm và báo cáo UBND TP theo quy định; cập nhật các chính sách để chủ trì nghiên cứu đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ cho người dân trong vùng ảnh hưởng môi trường.

UBND các huyện, thị xã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thuộc vùng ảnh hưởng môi trường thực hiện điều tra, thống kê cá nhân và diện tích đất canh tác thuộc đối tượng hưởng mức hỗ trợ vùng ảnh hưởng môi trường làm căn cứ lập dự toán kinh phí hỗ trợ. Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán thu - chi ngân sách, tiến hành lập dự toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ vùng ảnh hưởng môi trường trên địa bàn...

● Sơn La: Phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

Ngày 28/12/2018, UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 3306/QĐ-UBND phê duyệt Dự án rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng 2030. Theo

đó, mục tiêu của Dự án là: Giai đoạn 2019 - 2020, thực hiện quan trắc môi trường với các thành phần môi trường không khí, nước mặt, nước dưới đất, và đất với các vị trí quan trắc trong giai đoạn cũ và một số vị trí quan trắc được bổ sung trong giai đoạn mới. Số lượng điểm quan trắc là 116 điểm, gồm: 42 điểm môi trường nước mặt, 40 điểm môi trường không khí ngoài trời, 15 điểm môi trường nước dưới đất và 19 điểm môi trường đất. Đồng thời, thực hiện quan trắc về đa dạng sinh học tại 5 khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

Đến năm 2025, nâng số điểm quan trắc lên 300 điểm, gồm 100 điểm nước mặt, 97 điểm không khí ngoài trời, 29 điểm nước dưới đất và 74 điểm đất. Tiếp tục thực hiện quan trắc về đa dạng sinh học tại 5 khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh. Duy trì và vận hành 2 trạm quan trắc môi trường tự động. Năm 2030, tăng tần suất quan trắc môi trường tối thiểu 6 lần/năm với môi trường nước và không khí, môi trường nước dưới đất và thời điểm quan trắc đại diện, đặc trưng cho mùa khô, mùa mưa và giao mùa tại khu vực quan trắc.

Để thực hiện Dự án, tỉnh Sơn La đề ra một số giải pháp về tài chính; cơ chế chính sách; phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ. Dự kiến, tổng kinh phí thực hiện Dự án là hơn 101 tỷ đồng, từ nguồn sự nghiệp môi trường của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác■



Nhu cầu xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động nhận chìm ở biển

NGUYỄN THANH TÙNG

Vụ trưởng Vụ Chính sách và Pháp chế,
Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Triển khai thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (TN, MTB & HD) năm 2015, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TN, MTB & HD về quản lý hoạt động nhận chìm ở biển, trong thời gian qua, Bộ TN&MT, UBND các tỉnh/ thành phố (TP) trực thuộc Trung ương có biển đã cấp một số giấy phép nhận chìm ở biển theo thẩm quyền (Thanh Hóa, Bình Định cấp 2 giấy phép; Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa cấp 1 giấy phép).

Tuy nhiên, sau thời gian thực hiện cho thấy, còn có những khó khăn, vướng mắc trong cấp phép và thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển liên quan đến vấn đề đánh giá vật, chất nhận chìm; đánh giá, lựa chọn, xác định vị trí khu vực biển sử dụng để nhận chìm; quan trắc, giám sát môi trường trong hoạt động nhận chìm... Để góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật cụ thể phục vụ quản lý hoạt động nhận chìm ở biển.

Các quy định kỹ thuật về đánh giá vật, chất được phép nhận chìm ở biển

Luật TN, MTB & HD quy định tại Điều 57 và Điều 58 về các yêu cầu, điều kiện đối với vật, chất nhận chìm ở biển. Điều 60 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP đã quy định Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển. Tuy nhiên, còn thiếu các quy định kỹ thuật cụ thể về việc khảo sát, điều tra, quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá vật, chất nhận chìm để xem xét, chứng minh việc đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định.

Do đó, cần phải nghiên cứu, xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật đánh giá vật, chất được phép nhận chìm ở biển. Trước hết, cần có quy định cụ thể việc đánh giá để lựa chọn các phương án xử lý khác nhau ngoài phương án nhận chìm ở biển như tái chế, tái sử dụng, dùng làm vật liệu san lấp, lưu giữ, xử lý trên

đất liền với các tiêu chí có tính định lượng, có thang điểm cụ thể để đánh giá, bao gồm cả các đánh giá về hiệu quả kinh tế - xã hội (KT-XH). Quy định kỹ thuật cụ thể về việc khảo sát, quan trắc, lấy mẫu, mô tả chi tiết đặc tính hóa học, vật lý và sinh học của vật, chất để nghị nhận chìm; việc xử lý để bảo đảm vật, chất nhận chìm không còn các thành phần gây tác động, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái (HST) biển. Trước mắt, cần sớm xây dựng, ban hành văn bản đánh giá đối với chất nạo vét là loại hình chủ yếu, phổ biến nhất để nghị nhận chìm ở biển hiện nay.

Các quy định kỹ thuật về đánh giá, lựa chọn khu vực biển sử dụng để nhận chìm

Theo hướng dẫn của Tổ chức Hàng hải thế giới cũng như kinh nghiệm của một số quốc gia cần đánh giá, lựa chọn, quy hoạch các khu vực biển sử dụng để nhận chìm nhằm chủ động ngăn ngừa, kiểm soát tốt hơn đối với hoạt động nhận chìm.

Khoản 3 Điều 57 Luật đã quy định “Khu vực biển được sử dụng để nhận chìm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ”. Đến nay, các quy hoạch này chưa được xây dựng, phê duyệt. Thực tế quản lý hoạt động nhận chìm trong thời gian vừa qua, nhất là các khó khăn, vướng mắc trong cấp giấy phép nhận chìm thì một trong những vấn đề đặt ra đối với cơ quan quản lý cũng như sự quan tâm của



▲ Cần có các quy định cụ thể để bảo đảm vật, chất nhận chìm không có tác động đến môi trường, HST biển



dư luận chính là việc lựa chọn vị trí khu vực biển sử dụng để nhận chìm. Một trong những nguyên nhân là do chưa có văn bản quy định cụ thể về các tiêu chí xác định cũng như việc đánh giá để lựa chọn khu vực nhận chìm.

Về cơ bản, vị trí nhận chìm phải đảm bảo xa khu vực có HST, ĐDSH cao; không phải là vùng rủi ro ô nhiễm môi trường; khi tiến hành hoạt động nhận chìm phải bảo đảm không tác động có hại đến môi trường, HST, nguồn lợi thủy sản tại khu vực biển sử dụng để nhận chìm cũng như các khu vực biển ở (gần) xung quanh khu vực nhận chìm và không được ảnh hưởng đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp khác tại khu vực biển đó.

Để lựa chọn được các vị trí đáp ứng các yêu cầu, điều kiện đó phải dựa trên các tiêu chí cụ thể về các điều kiện tự nhiên, KT-XH, an ninh, quốc phòng, môi trường, HST, ĐDSH và phải được phân tích, đánh giá để lựa chọn phương án tối ưu nhất. Bên cạnh đó, để phù hợp về kinh tế, tính khả thi cho hoạt động nhận chìm nên vị trí cần được xem xét không quá xa nơi phát sinh các vật, chất nhận chìm.

Do vậy, cần phải điều tra, thu thập, đánh giá đầy đủ thông tin, dữ liệu về TN, MTB khu vực biển dự kiến sử dụng để nhận chìm, với các số liệu về đặc điểm vật lý, hóa học, sinh học của khối nước và đáy biển khu vực biển; hiện trạng HST, ĐDSH biển khu vực nghiên cứu; giá trị vị thế và giá trị sử dụng của khu vực biển đó cũng như các quy hoạch có liên quan; nghiên cứu, đánh giá động lực biển khu vực nghiên cứu; dự báo một số biến đổi bất thường ở quy mô lớn thường xảy ra do biến đổi khí hậu, các cơn bão...; tính khả thi về kinh tế và kỹ thuật thi công khi tiến hành nhận chìm tại khu vực biển đó...

Những yêu cầu đặt ra nêu trên đòi hỏi cần khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, ban hành văn bản quy định kỹ thuật cụ thể về việc điều tra, đánh giá, xác định, lựa chọn vị trí nhận chìm với các tiêu chí cụ thể làm cơ sở cho tổ chức, cá nhân áp dụng lập Hồ sơ đề nghị cấp phép cũng như làm căn cứ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, thẩm định, quyết định cấp giấy phép nhận chìm.

Bên cạnh đó, cần sớm lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch không gian biển quốc gia; tiến hành lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, trong đó quy hoạch các khu vực biển sử dụng để nhận chìm.

Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về

đánh giá tác động của hoạt động nhận chìm

Việc đánh giá tác động của hoạt động nhận chìm đối với môi trường, HST biển là vấn đề quan trọng, là cơ sở khoa học, căn cứ vững chắc để cơ quan có thẩm quyền quyết định việc có cấp giấy phép nhận chìm hay không. Đây cũng là vấn đề được các nhà khoa học, cơ quan quản lý và cộng đồng xã hội quan tâm trong thời gian qua.

Vì vậy, cần có văn bản quy định cụ thể về đánh giá tác động của hoạt động nhận chìm theo các yêu cầu, điều kiện đặt ra trước khi xem xét, cấp phép. Trong văn bản cần quy định quy trình đánh giá gồm các bước cơ bản (yêu cầu đánh giá cụ thể các tác động của hoạt động nhận chìm đến môi trường, HST, ĐDSH; đánh giá tác động của hoạt động nhận chìm tới các khu vực biển lân cận; đánh giá tác động đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp khác tại khu vực biển đó). Trong đánh giá cũng cần đặt ra yêu cầu đối với dự kiến diện tích, độ sâu khu vực nhận chìm để đủ rộng, sâu để chứa các vật, chất nhận chìm cũng như bảo đảm kiểm soát được các tác động của vật, chất nhận chìm khi tiến hành. Phải tính toán mức độ phân tán, lan truyền của vật, chất trong khu vực nhận chìm cũng như khu vực xung quanh trong một khoảng thời gian nhất định, nhất là khả năng lan truyền vật, chất nhận chìm đến các khu vực nhạy cảm như thảm cỏ biển, rạn san hô, khu bảo tồn, ngư trường khai thác chủ yếu, khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Quy định việc đánh giá tác động cũng cần nêu rõ

về các phương pháp áp dụng, thời gian, tần suất, dữ liệu đầu vào, nguồn dữ liệu, phần mềm sử dụng, điều kiện và năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện việc đánh giá...

Các quy định kỹ thuật về quan trắc, giám sát môi trường trong hoạt động nhận chìm

Điều 62 TN, MTB & HĐ có quy định về kiểm soát hoạt động nhận chìm ở biển, chủ yếu liên quan đến phương tiện chuyên chở vật, chất nhận chìm và quy định trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, còn thiếu các quy định cụ thể về quan trắc, giám sát môi trường trong hoạt động nhận chìm, bao gồm quan trắc, giám sát từ vị trí phát sinh vật, chất nhận chìm, khối lượng vận chuyển trên phương tiện, tuyến đường đi, các thông số môi trường cần quan trắc, vị trí, tần suất quan trắc,...

Do vậy, cần nghiên cứu, bổ sung, quy định cụ thể việc lập và thực hiện Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong hoạt động nhận chìm, trong đó có các yêu cầu về diện, điểm, vị trí, tần suất, các thông số cơ bản phải quan trắc, giám sát (như các thông số pH, DO, tổng chất rắn lơ lửng và độ đục của nước biển); trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép nhận chìm ở biển và tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nhận chìm phải bảo đảm việc quan trắc, giám sát chặt chẽ chất lượng và các tác động đến môi trường trong quá trình nhận chìm cũng như sau khi hoàn thành việc nhận chìm để bảo đảm có thể kiểm soát kịp thời nguồn gây tác động và đối tượng bị tác động, để ra biện pháp xử lý■



Thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức xã hội trong quản trị tài nguyên nước ở đồng bằng sông Cửu Long

NGUYỄN THỊ PHÚ HÀ

WWF tại Việt Nam

Trong những năm qua, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mặc dù diện tích chỉ chiếm 11% tổng diện tích lãnh thổ, nhưng đồng bằng lại đóng góp tới gần 1/5 tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Hơn 50% sản lượng gạo của Việt Nam, 65% sản lượng thủy sản (gồm cả nuôi trồng và đánh bắt thủy sản) và 70% sản lượng hoa quả đều được sản xuất ở ĐBSCL, đây là những mặt hàng xuất khẩu tiêu biểu của Việt Nam. Đồng thời, ĐBSCL cũng là một vùng giàu đa dạng sinh học (ĐDSH) với hơn 480 loài cá, 400 loài chim, với 4 khu Ramsar (vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế), 2 khu dự trữ sinh quyển thế giới giúp đồng bằng trở thành một trong những vùng trọng điểm về cả kinh tế và ĐDSH của cấp quốc gia, quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay, ĐBSCL đang đối mặt với những thách thức:

Thay đổi dòng chảy, chất lượng nước, nguồn lợi thủy sản do phát triển thủy điện, thủy lợi ở thượng nguồn: Các nước thượng nguồn khu vực sông Mê Kông đã và đang có kế hoạch xây dựng nhiều đập thủy điện trên dòng chính của sông. Điều này tác động tới lượng phù sa, bùn cát xuống ĐBSCL, dẫn đến thay đổi hoàn toàn chế độ thủy văn của vùng hạ lưu và làm giảm khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) của vùng ĐBSCL.

Sụt lún đồng bằng và xói lở ven sông, ven biển do khai thác cát, sỏi và nước ngầm quá mức: Theo các nghiên cứu của Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (WWF) từ năm 2013 - 2015, phân tích từ hơn 2.000 ảnh vệ tinh ở ĐBSCL cho thấy, ở ven biển Đông (khu vực tỉnh Bến Tre, Trà Vinh) có đến 48% khu vực bờ biển có biểu hiện thoái lui, trong khi chỉ có 22% có biểu hiện lấn ra biển. Trong đó, ở khu vực biển Tây (vùng bán đảo Cà Mau), trước đây có tỷ lệ lấn ra biển cao, đến nay, 70% diện tích có diễn biến thoái lui. Mặc dù khó có thể đo lường chính xác, nhưng toàn bộ vùng ĐBSCL đang bị



▲ *Xâm nhập mặn, ngập lụt do BĐKH và nước biển dâng đang là một trong những thách thức mà ĐBSCL đang phải đối mặt*

sụt lún dần với tốc độ từ 0.5 - 2.5 cm/năm, các khu vực lún nhanh và nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Trà Vinh.

Ô nhiễm nguồn nước do thâm canh canh tác nông nghiệp, thủy sản và phát triển các khu công nghiệp (KCN), đô thị ven sông: Việc sử dụng khoảng 2 triệu tấn phân bón hóa học, gần 500.000 tấn thuốc bảo vệ thực vật hàng năm có thể gây ô nhiễm nước do tồn dư hóa chất độc hại. Nhiều mô hình canh tác thủy sản khác nhau với quy mô lớn dẫn tới lượng chất thải đổ ra sông Tiền và sông Hậu nhiều, khiến mức độ nguy hại cho môi trường nước ngày càng trầm trọng, tác động xấu đến chất lượng nước và làm phát

sinh dịch bệnh. Lượng nước thải của 12.700 doanh nghiệp đang hoạt động chưa được xử lý triệt để thải ra sông, kênh, rạch làm suy giảm chất lượng nước mặt, gây nên các dịch bệnh cho thủy sản và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Xâm nhập mặn, ngập lụt do BĐKH và nước biển dâng: Hiện nay, hầu hết các cửa sông tại ĐBSCL bị xâm mặn từ 50 - 70 km, đặc biệt, sông Vàm Cỏ bị xâm mặn hơn 90 km, làm ảnh hưởng nặng nề đến đời sống người dân. Trong 5 tháng đầu năm 2017, hạn mặn đã gây thiệt hại gần 8.000 tỷ đồng, cụ thể: 11/13 tỉnh, thành trong khu vực ĐBSCL buộc phải công bố tình trạng thiên tai; gần 500.000 ha tổng



diện tích lúa, hoa màu bị thiệt hại; hơn 82.000 ha đất tôm nuôi bị ảnh hưởng, thậm chí mất trắng và 390.000 hộ dân thiếu nước sinh hoạt...

CÁC THÁCH THỨC TRONG QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN NƯỚC Ở ĐBSCL

Trong hai năm 2017 - 2018, WWF, Mạng lưới Sông ngòi Việt Nam và Ban Điều phối viện trợ nhân dân (PACCOM) thuộc Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam, cùng các đơn vị liên quan đã nghiên cứu và triển khai một số dự án thí điểm ở các địa phương khác nhau trong khuôn khổ Dự án Tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội (TCXH) trong quản trị tài nguyên nước (TNN) ở ĐBSCL. Trong quá trình triển khai các nghiên cứu và hoạt động thực tế, Dự án xin được chia sẻ một số quan điểm về các thách thức mà ĐBSCL đang phải đối mặt:

Các cơ chế, chính sách trong quản lý TNN chưa hiệu quả

Chức năng quản lý TNN ở cấp Trung ương có sự chồng chéo giữa các Bộ: TN&MT, NN&PTNT, Xây dựng, Công thương và Y tế. Bộ TN&MT chịu trách nhiệm về quản lý tổng thể TNN, ban hành các quy chuẩn về quản lý nước thải, chất lượng nước mặt, nước ngầm. Việc cấp nước nông thôn, quản lý hệ thống thủy lợi và các sự cố thiên tai về nước (ngập lụt và hạn hán) lại thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ NN&PTNT; Việc cấp nước đô thị do Bộ Xây dựng quản lý; Vận hành và quản lý các hồ thủy điện do Bộ Công thương quản lý; Các tiêu chuẩn nước uống và nước sinh hoạt do Bộ Y tế quy định.

Trong khi đó, việc thực thi pháp luật ở địa phương cũng chưa hiệu quả. Trách nhiệm không rõ ràng giữa các cơ quan quản lý các cấp tạo ra thách thức trong công tác cấp phép, quản lý việc khai thác nước mặt, nước ngầm, hay đấu nối, xả thải vào nguồn nước chung, cũng như công tác giám sát, kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Ví dụ, các đơn vị tưới tiêu ở các tỉnh có trách nhiệm cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống thủy lợi, nhưng lại không có khả năng giám sát chất lượng nước tại điểm xả thải. Một số địa phương vẫn ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế, mà chưa quan tâm đến BVMT, nhất là môi trường nước. Do đó, ở ĐBSCL có nhiều KCN, nhà máy chế biến đã có hệ thống xử lý nước thải riêng, nhưng không hoạt động, hoặc hoạt động đối phó khi có Đoàn kiểm tra.

Công tác quản lý, giám sát và kiểm soát ô nhiễm nước thiếu nguồn lực, công nghệ lạc hậu và thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương, dẫn đến ô nhiễm nước trên các con sông, kênh rạch ngày càng gia tăng.

Thiếu sự tham gia của các TCXH và cộng đồng trong quản trị TNN

Mặc dù, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến việc xây dựng cơ sở pháp lý nhằm huy động sự tham gia của các TCXH và cộng đồng trong quản trị TNN, nhưng hiện vẫn chưa có quy định cụ thể về vấn đề này; đồng thời, còn thiếu các cơ chế khuyến khích, động viên, nên việc thực hiện các sáng kiến, hoạt động bảo vệ nguồn nước của các TCXH và cộng đồng vẫn gặp nhiều trở ngại.

Các mô hình thành công của các TCXH thường diễn ra ở phạm vi địa lý nhỏ (xã, huyện) như: Mô hình "Cộng đồng tham gia quản lý thủy lợi" ở An Giang; "Đoạn sông tự quản" ở Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa. Tuy nhiên do hạn chế về tài chính và nhân lực, các mô hình trên hoạt động dù có kết quả tốt, cũng khó tổng hợp để vận động thay đổi chính sách.

Mặt khác, công tác phản biện xã hội chưa được đưa vào cụ thể trong các văn bản pháp luật về BVMT, quản lý tài nguyên, do vậy, các TCXH rất hiếm khi được tham gia vào các quá trình tham vấn và phản biện cho các chính sách, quyết định, hay các dự án ở địa phương và Trung ương.

Vai trò của phụ nữ và các nhóm yếu thế trong quản trị TNN không rõ ràng

Ước tính, phụ nữ ở ĐBSCL đóng góp 30% khối

lượng công việc vào nông nghiệp và 70% trong chăn nuôi. Họ thường chịu trách nhiệm về các hoạt động trong nhà (dọn dẹp, nấu ăn, chăm sóc trẻ em...), nên ít có cơ hội tiếp cận đào tạo nghề và tham gia các hoạt động cộng đồng/xã hội. Riêng phụ nữ ở các dân tộc thiểu số như Khmer (6% dân số) và Chăm (2% dân số) có nhiều quyền lực hơn trong các vấn đề trong nhà do tính mẫu hệ của cộng đồng. Tuy nhiên, họ vẫn phụ thuộc vào nam giới về các vấn đề liên quan đến phát triển cộng đồng. Họ phụ thuộc nhiều hơn vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên như nguồn nước tự nhiên, hoặc đất đai do họ thiếu cơ sở hạ tầng, hệ thống thủy lợi và vốn đầu tư cho sản xuất.

Vì vậy, các thành viên của Mạng lưới Quản lý TNN cũng đang hỗ trợ một số nhóm yếu thế khác (người khuyết tật, người nhiễm HIV và hộ nghèo) có thể tiếp cận và tác động làm thay đổi các chính sách quốc gia và địa phương mà có ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh kế của họ. Mục đích của Mạng lưới nhằm thúc đẩy sự tham gia của các nhóm này vào quản lý nguồn nước.

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội và BĐKH diễn ra trong thời gian gần đây, ĐBSCL đang đứng trước những đe dọa. Để giải quyết các thách thức nêu trên, cần tăng cường sự tham gia của các TCXH trong quản lý và bảo vệ TNN ở ĐBSCL, hướng tới khu vực ĐBSCL phát triển bền vững trong tương lai.



Duy trì hoạt động của Mạng lưới Quản trị TNN ở ĐBSCL với các thành viên nòng cốt tại các tỉnh thông qua đầu mối là MekongNet tại Cần Thơ và Mạng lưới sông ngòi tại Hà Nội. Mở rộng thêm các thành viên là các cá nhân, nhóm cộng đồng địa phương, các TCXH, tổ chức phi chính phủ để tăng cường chia sẻ thông tin, nhân rộng các sáng kiến, mô hình thành công trong quản trị TNN, phát triển sinh kế.

Hợp tác chặt chẽ với Mạng lưới Môi trường và BĐKH do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật của Việt Nam (VUSTA) mới thành lập, để kết nối với các mạng lưới quản lý và BVMT, tài nguyên hiện nay và thúc đẩy sự tham gia của các Hội, Liên hiệp hội ở các tỉnh trong quản trị TNN và giám sát, phản biện xã hội ở ĐBSCL.

Tổ chức các diễn đàn và đối thoại ở các tỉnh/huyện để các TCXH và cộng đồng được tham gia chia sẻ ý kiến, đối thoại với các cơ quan quản lý, cũng như các tổ chức quốc tế trong sáng kiến quản lý và bảo vệ nguồn nước.

Cần có quy định về vai trò của cộng đồng, các TCXH, cũng như trách nhiệm các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương trong việc tham vấn, giám sát của cộng đồng và các TCXH trong công tác quản lý, BVMT và quản trị TNN.

Cải thiện các chính sách liên quan đến các TCXH, nâng cao năng lực bộ máy hành chính, các tổ chức phụ nữ ở cộng đồng trong quản trị nước có sự tham gia và chọn lựa các mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống■

Kinh nghiệm của thế giới về áp dụng công cụ kinh tế trong phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường và bài học cho Việt Nam

ThS. TRẦN BÍCH HỒNG
CN. TRẦN THỊ GIANG
Viện Khoa học Môi trường

Trên thế giới và Việt Nam đã xảy ra nhiều sự cố môi trường (SCMT), đặc biệt là sự cố tràn dầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng môi trường nước, hệ sinh thái, cũng như gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Một số nước đã áp dụng thành công các công cụ kinh tế trong phòng ngừa, khắc phục SCMT như: Bảo hiểm rủi ro môi trường, quỹ môi trường, bảo lãnh tài chính, bồi thường thiệt hại (BTTH)... Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc sử dụng công cụ kinh tế nhằm kiểm soát ô nhiễm do SCMT còn hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu về kinh nghiệm của một số nước trên thế giới áp dụng công cụ kinh tế nhằm phòng ngừa, khắc phục SCMT và rút ra bài học cho Việt Nam là cần thiết.

TÌNH HÌNH ÁP DỤNG CÔNG CỤ KINH TẾ NHẪM PHÒNG NGỪA, KHẮC PHỤC SCMT TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA

Hiện có 3 nhóm công cụ kinh tế nhằm phòng ngừa, khắc phục SCMT, bao gồm:

Bảo hiểm trách nhiệm suy thoái môi trường: Gồm các khoản chi trả đối với việc làm sạch môi trường cho bên thứ nhất theo kết quả của chứng cứ (dân sự) của bên thứ ba, hoặc bằng chứng điều tra của cơ quan có chức năng theo quy định, chi phí bào chữa pháp lý, khoản bảo hiểm bổ sung, trách nhiệm còn lại của vấn đề ô nhiễm.

Quỹ BTTH do ô nhiễm dầu: Quỹ Đền bù ô nhiễm dầu 1992 (gọi tắt là Quỹ IOPC 1992, hay Quỹ 1992) là một tổ chức liên chính phủ toàn cầu, được thành lập với mục đích quản lý cơ chế bồi thường theo Công ước Quỹ 1992. Công ước nhằm thiết lập cơ chế đối với việc đền bù thiệt hại cho các nạn nhân, khi việc đền bù chưa thỏa đáng...

BTTH: BTTH do ô nhiễm môi trường được áp dụng theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Công cụ này được áp dụng khá nhiều ở các nước trên thế giới. Tại Liên minh châu Âu (EU), BTTH được quy định tại Chỉ thị Trách nhiệm môi trường, được EU ban hành ngày 21/4/2004. Chỉ thị đã thiết lập khung pháp lý về trách nhiệm với môi trường dựa theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền” để ngăn ngừa và khắc phục các thiệt hại môi trường.

Tại một số nước như Thụy Điển, Phần Lan, Nhật Bản, Mỹ đã triển khai hiệu quả các công cụ kinh tế SCMT:

THỤY ĐIỂN

Hệ thống bảo hiểm thiệt hại môi trường của Thụy Điển có hiệu lực vào năm 1989 và đến năm 1998, quy định liên quan đến nội dung này đã được nêu rõ trong Chương 33 của Đạo Luật Môi trường Thụy Điển năm 1998. Trong đó, mở rộng phạm vi về chi trả cho thiệt hại cá nhân, cũng như các chi phí làm sạch môi trường.



Hệ thống bảo hiểm của Thụy Điển được chia thành 2 nhóm: Bảo hiểm môi trường (EIL) và bảo hiểm cho các hoạt động làm sạch môi trường (CUL). EIL cung cấp khoản bồi thường cho các thiệt hại theo quy định trách nhiệm pháp lý về môi trường trong Luật Môi trường đối với thương tích thân thể con người và thiệt hại tài sản.

Trước khi Chỉ thị Trách nhiệm môi trường được ban hành, ngày 1/1/2010, Thụy Điển đã thành lập quỹ theo chương trình Bảo hiểm thiệt hại môi trường. Chương trình cung cấp khoản BTTH môi trường (cũng như tổn thương thân thể và thiệt hại tài sản) đối với các trường hợp không xác định được đối tượng gây ô nhiễm môi trường, hoặc bên chịu trách nhiệm không có khả năng chi trả, hay đã hết thời hạn chịu trách nhiệm. Khoản chi trả theo Chương trình này bị hạn chế do quy định nghiêm ngặt bởi các điều khoản của quỹ.

PHẦN LAN

Phần Lan không quy định về yêu cầu bảo đảm tài chính bắt buộc cho các thiệt hại môi trường theo quy định của Chỉ thị Trách nhiệm môi trường, cũng như không thành lập quỹ cho thiệt hại môi trường. Trước khi Chỉ thị được ban hành, Phần Lan đã thành lập Quỹ Ô nhiễm dầu quốc gia và yêu cầu trách nhiệm bắt buộc đối với các đối tượng: Trách nhiệm với môi trường; Vận chuyển chất thải (có thể mua bảo đảm tài chính, hoặc bảo hiểm); Trách nhiệm của các doanh nghiệp đường sắt (có thể mua bảo đảm tài chính, hoặc bảo hiểm); Ô nhiễm dầu trên biển theo Hiệp ước quốc tế về trách nhiệm dân sự cho thiệt hại ô nhiễm dầu.

Các công cụ được áp dụng ở Phần Lan gồm Bảo hiểm thiệt hại môi trường, Quỹ Bồi thường ô nhiễm dầu, cụ thể:

Bảo hiểm thiệt hại môi trường: Hệ thống bảo hiểm của Phần Lan được quy định trong Đạo luật Bảo hiểm thiệt hại môi trường năm 1998 và là bảo hiểm bắt buộc đối với các chủ sở hữu giấy phép môi trường. Đạo luật trên nhằm chi trả khoản bồi thường cho các thiệt hại môi trường trong trường hợp bên chịu trách nhiệm bồi thường bị phá sản, hoặc không xác định. Khoản BTTH môi trường do bảo hiểm chi trả theo quy định của Đạo luật rất hạn chế và không chi trả cho thiệt hại theo quy định của Chỉ thị Trách nhiệm môi trường. Bảo hiểm gồm các khoản bồi thường cho tổn thương thân thể, thiệt hại tài sản và tổn thất kinh tế do thiệt hại môi trường.

Quỹ bồi thường ô nhiễm dầu: Quỹ Bồi thường ô nhiễm dầu do Bộ Môi trường Phần Lan quản lý, được sử dụng để hoàn trả chi phí tràn dầu và ứng phó sự cố tràn dầu trên đất liền, trên biển khi bên gây ra tai nạn không có khả năng bồi hoàn các chi phí. Số tiền được trả khi chi phí bồi thường từ Quỹ được thu hồi từ bên gây ra sự cố tràn dầu, hoặc từ một bên khác có trách nhiệm chính về sự cố đó.

NHẬT BẢN

Bên cạnh công tác phòng ngừa, phục hồi môi trường, Chính phủ Nhật Bản đã áp dụng các công cụ kinh tế nhằm kiểm soát ô nhiễm môi trường từ các SCMT (sự cố tràn dầu) như: Công cụ BTTH về môi trường; Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường; Quỹ BTTH về môi trường do sự cố tràn dầu...

Công cụ BTTH về môi trường: Phạm vi đối với thiệt hại do ô nhiễm dầu từ tàu xảy ra trên vùng lãnh thổ, bao gồm cả lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế của Nhật Bản (ô nhiễm giới hạn trong những hàng hóa có dầu, hoặc dầu tàu chứa trong khoang để hàng, hoặc những nơi khác trên tàu, những hợp chất từ dầu theo quy định của Bộ Du lịch, Giao thông, Cơ sở hạ tầng và Đất đai) gây ra bởi sự rò rỉ, hoặc xả thải dầu từ các tàu chở dầu. Theo đó, thiệt hại do ô nhiễm dầu là từ tàu chở dầu và các tàu khác.

Quy định chủ tàu phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do ô nhiễm gây ra từ việc rò rỉ dầu, hoặc do xả thải từ tàu biển (quy định tại Điều 3, Luật Trách nhiệm pháp lý).

Bảo hiểm trách nhiệm BTTH về môi trường: Bảo hiểm được sử dụng với tên gọi là Bảo hiểm trách nhiệm suy giảm môi trường được xây dựng vào năm 1992. Đây là loại hình bảo hiểm trách nhiệm BTTH đối với thương tích, thiệt hại về tài sản bị ảnh hưởng của sự cố, ô nhiễm môi trường và đối với các chi phí làm sạch môi trường đã được pháp luật quy định.

Quỹ BTTH do ô nhiễm dầu: Nhật Bản cũng là một trong những quốc gia có vai trò quan trọng trong việc hình thành Quỹ Bồi thường ô nhiễm dầu 1992 (các nạn nhân có thể yêu cầu bồi thường trực tiếp từ P&I Club, hoặc yêu cầu bồi thường trực tiếp từ Quỹ Bồi thường ô nhiễm dầu 1992 khi mức thiệt hại vượt quá mức giới hạn trách nhiệm của chủ tàu là 750 triệu Yên).

MỸ

Trong lĩnh vực ô nhiễm dầu, trước năm 1990, Mỹ đã có một số đạo luật quy định về vấn đề này như: Đạo luật về Kiểm soát ô nhiễm nước Liên bang (FWPCA) ban hành ngày 27/12/1977 (Đạo luật Nước sạch), Đạo luật về Ứng phó, bồi thường và trách nhiệm pháp lý đối với môi trường (CERCLA) ngày 11/12/1980... Năm 1990, sau vụ tràn dầu Exxon Vandez, Mỹ đã ban hành Đạo luật Ô nhiễm dầu (OPA). Hiện nay, OPA vẫn được xem là Đạo luật hoàn chỉnh nhất cả về nội dung, cũng như hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành về ô nhiễm dầu.

Theo OPA, các loại thiệt hại môi trường từ nguồn lợi tự nhiên, doanh thu công, lợi nhuận và dịch vụ công sẽ được bồi thường. Ngoài ra, chi phí để giám định các thiệt



▲ Sự cố tràn dầu tại vịnh Mêhicô ngày 20/4/2010 gây ô nhiễm môi trường biển nghiêm trọng

hại trên cũng được xếp là một dạng thiệt hại. Về thời hạn đòi bồi thường, OPA quy định là 3 năm kể từ ngày phát sinh thiệt hại, hoặc kết thúc hoạt động khắc phục.

Về thẩm quyền xét xử, các Tòa án quận của Mỹ có quyền xét xử độc lập với mọi tranh chấp liên quan tới OPA, không phụ thuộc vào nơi cư trú của các bên, hoặc vấn đề tranh chấp. Các Tòa án của Bang có thẩm quyền xét xử các yêu cầu đòi BTTH về chi phí làm sạch môi trường, có thể xem xét yêu cầu bồi thường theo OPA, hoặc Luật của Bang.

Quỹ Ủy thác trách nhiệm dầu tràn (OSLTF): Trong quá trình đánh giá về BTTH do ô nhiễm từ sự cố tràn dầu tại Mỹ có sự tham gia tích cực của OSLTF, đây là một Quỹ độc lập do Chính phủ Mỹ thiết lập.

OPA cho phép các nạn nhân của một vụ ô nhiễm dầu có thể đòi bồi thường trực tiếp từ bên chịu trách nhiệm (RP), hoặc thông qua OSTLF, nhất là trong các trường hợp đòi bồi thường tạm thời. Nếu OSTLF đứng ra bồi thường thì theo nguyên tắc thế quyền (cá nhân, tổ chức bảo hiểm sau khi bồi thường cho người được bảo hiểm, có quyền thay mặt người được bảo hiểm để đòi bên thứ 3 bồi thường cho mình), OSTLF có thể trở thành nguyên đơn để khởi kiện bên chịu trách nhiệm trước Tòa, với quyền khởi kiện thuộc về Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý về ô nhiễm môi trường:

Với các thiệt hại môi trường trong hoạt động dầu khí xảy ra đối với môi trường, hệ sinh thái biển, Cục BVMT Mỹ đã đưa ra bảo hiểm ô nhiễm, hoặc giếng nhiệt năng; đang khoan, làm sâu, bảo dưỡng, tu bổ, hoàn tất, hoặc cải tạo cho đến khi hoàn thành, hoặc từ bỏ; sản xuất; ở trong trạng thái tạm đóng; ở trong trạng thái bị kín và bỏ rơi. Bảo hiểm ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác dầu khí để chi trả các chi phí rò rỉ, ô nhiễm, phục hồi môi trường.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Việt Nam cần tham gia Công ước quốc tế về thành lập Quỹ BTTH do ô nhiễm dầu 1992, để giảm gánh nặng ngân sách quốc gia, cũng như đảm bảo về tài chính để xử lý, khắc phục hậu quả của các vụ việc tràn dầu.

Bên cạnh đó, Việt Nam cần nghiên cứu để tham gia các điều ước quốc tế quan trọng khác về ô nhiễm dầu như: Công ước Sẵn sàng

ứng phó và hợp tác chống ô nhiễm dầu (OPRC, 1990); Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển do nhận chìm chất thải và các chất khác, năm 1972 và Nghị định thư năm 1996; Công ước về trách nhiệm và BTTH gắn với việc vận chuyển bằng đường biển các chất nguy hiểm và độc hại (HNS)...

Để hoàn thiện hệ thống pháp luật về ô nhiễm dầu, xây dựng lộ trình gia nhập các Công ước quốc tế, Việt Nam cần ban hành một đạo luật chuyên biệt liên quan đến ô nhiễm dầu, trong đó, quy định cụ thể đối với các chủ thể gây ô nhiễm; thẩm quyền xét xử, quy trình, thủ tục đòi bồi thường; quy định về cách thức đánh giá, lượng giá thiệt hại...

Đồng thời, cần tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngăn ngừa, xử lý ô nhiễm biển do dầu, đặc biệt là những người được giao nhiệm vụ quản lý và trực tiếp tham gia ngăn ngừa ô nhiễm biển do dầu. Một số công cụ kinh tế (Bảo hiểm trách nhiệm suy thoái môi trường, BTTH...) cần được áp dụng trong việc phòng ngừa, khắc phục SCMT (sự cố tràn dầu): Xây dựng các quy định cụ thể hướng dẫn việc áp dụng Công cụ Bảo hiểm trách nhiệm BTTH môi trường; Ban hành quy định bảo đảm nhằm áp dụng hiệu quả công cụ Thuế BVMT; Quỹ BTTH do ô nhiễm dầu; Xây dựng quy định rõ thẩm quyền xét xử, quy trình, thủ tục đòi BTTH về môi trường; Công cụ lượng giá thiệt hại (phương pháp chi phí thay thế; phương pháp theo giá hưởng thụ; phân tích nơi cư trú tương đương (HEA)...)■



Xây dựng và phát triển đô thị thông minh phải hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững

Đó là chia sẻ của TS. KTS. Trần Ngọc Linh, Chuyên gia - Cục Phát triển Đô Thị, Bộ Xây dựng với phóng viên Tạp chí Môi trường về việc thực hiện Đề án Phát triển đô thị thông minh (ĐTTM) bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến 2030 theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 1/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, mục tiêu phát triển ĐTTM bền vững ở Việt Nam, hướng tới tăng trưởng xanh (TTX), phát triển bền vững (PTBV), khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia...



▲ TS. KTS. Trần Ngọc Linh - Cục Phát triển Đô Thị, Bộ Xây dựng

***Xin ông cho biết thực trạng phát triển đô thị tại Việt Nam hiện nay?**

TS. KTS. Trần Ngọc Linh: Trong những năm qua, Việt Nam đã gắn kết quá trình đô thị hóa với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Hệ thống đô thị đã có bước phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, tỷ lệ đô thị hóa tăng từ 19,6% với 629 đô thị (năm 2009) lên khoảng 38,4% với 828 đô thị (năm 2018). Công tác quy hoạch, quản lý đô thị cũng như cung cấp các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng đô thị đã được quan tâm, chú trọng và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tăng trưởng kinh tế ở khu vực đô thị đạt trung bình từ 12 - 15%, cao gấp 1,5 đến 2 lần so với mặt bằng chung cả nước. Khu vực đô thị luôn chiếm tỷ lệ khoảng 70% trong tổng GDP, khẳng định vai trò tạo động lực phát triển kinh tế.

Bên cạnh một số kết quả quan trọng đã đạt được, quá trình đô thị hóa của Việt Nam đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình phát triển. Tại các đô thị lớn, vẫn phổ biến thực trạng sử dụng tài nguyên đất đai chưa

hiệu quả, hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu, kết nối giao thông giữa các khu vực trong đô thị còn yếu, tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, khói, bụi. Tại các đô thị vừa và nhỏ, mô hình tăng trưởng chưa đa dạng, phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên và tiềm ẩn nguy cơ thiếu bền vững. Tốc độ đô thị hóa cao trong khi các yếu tố khách quan như môi trường kinh tế - chính trị toàn cầu, tình hình biến đổi khí hậu diễn biến khó lường. Bên cạnh đó, hệ thống quy hoạch đô thị còn những bất cập về cả thể chế và phương pháp quản trị: quy hoạch vật thể với phương châm thiết kế đặt tầm nhìn và kỳ vọng về hình ảnh tương lai nhưng thiếu tính chiến lược để định hướng thực hiện, quy hoạch

phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) thiếu kết nối với quy hoạch chức năng và ngược lại. ***Ông đánh giá như thế nào về những thuận lợi khi triển khai ĐTTM?**

TS. KTS. Trần Ngọc Linh: Trong những năm gần đây, mô hình phát triển ĐTTM hướng đến các mục tiêu TTX và bền vững luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Nhiều cam kết, thỏa thuận hợp tác cấp quốc gia và cấp Bộ/ngành đã được ký kết giữa Việt Nam với các đối tác quan trọng như Hà Lan, Hàn Quốc, Ấn Độ, các tập đoàn công nghệ lớn của thế giới,... và gần đây nhất là cộng đồng chung ASEAN để xây dựng mạng lưới ĐTTM ASEAN. Đây là tiền đề quan trọng cho việc phát triển ĐTTM tại Việt



Nam hướng đến những giá trị chung, phổ quát trên toàn cầu.

Hiện nay, Việt Nam đang có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ĐTTM. Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng và phát triển đô thị đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, tích lũy nhiều kinh nghiệm và năng lực quý báu sau hơn 30 năm thực hiện chủ trương đổi mới. Các ngành KT-XH trong lĩnh vực xây dựng, phát triển đô thị đã và đang không ngừng lớn mạnh.

Thành tựu về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, Việt Nam đã cơ bản phủ sóng 4G, 54% dân số dùng Internet và khoảng 55% người Việt sử dụng điện thoại thông minh. Thứ hạng Chỉ số sẵn sàng kết nối (NRI) của Việt Nam năm 2016 đạt 79/139 nước. Xếp hạng về đánh giá khả năng tiếp cận các dịch vụ CNTT đứng thứ 3/139 nước. Việt Nam là quốc gia có giá dịch vụ internet băng thông rộng thấp nhất thế giới.

Hạ tầng, nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin được tập trung đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư phát triển khoa học công nghệ, đưa vào vận hành các quỹ về phát triển, đổi mới công nghệ. Chủ trương đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử đã được triển khai rộng khắp trên toàn quốc, các cấp các ngành. Bên cạnh đó, các địa phương trên cả nước quan tâm nghiên cứu, ứng dụng ĐTTM vào thực tiễn phát triển của địa phương mình...

***Xin ông chia sẻ về kinh nghiệm xây dựng ĐTTM trên thế giới?**

TS. KTS. Trần Ngọc

Linh: Qua tìm hiểu kinh nghiệm thế giới, chúng ta có thể nhận thấy việc phát triển ĐTTM rất đa dạng, tùy thuộc vào tầm nhìn, năng lực khoa học kỹ thuật, trình độ con người cũng như cách thức triển khai. Điểm chung là việc sử dụng các công nghệ thông tin truyền thông ICT, hệ thống mạng, dữ liệu và các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong phát triển đô thị. Các nỗ lực phát triển ĐTTM trên thế giới đã đem lại một số lợi ích rõ ràng: (i) Công tác quy hoạch thông minh: thông qua các công cụ hỗ trợ ra quyết định phê duyệt quy hoạch, các nguồn lực được điều phối, chia sẻ một cách toàn diện, tiết kiệm chi phí; công tác dự báo kịch bản phát triển và quyết định lựa chọn giải pháp quy hoạch được cải thiện; (ii) Hạ tầng thông minh: hạ tầng đô thị hoạt động tối ưu hơn nhờ áp dụng công nghệ ICT tiên tiến; tiết kiệm chi phí và nguồn lực; cải thiện chất lượng dịch vụ; (iii) Giám sát vận hành quản

lý các hệ thống trong ĐTTM thông qua các cảm biến và hệ thống giám sát, thông tin báo cáo tình trạng hạ tầng theo thời gian thực; dự báo và ngăn chặn trước các nguy cơ; triển khai nguồn lực hiệu quả hơn; tự động hóa công tác duy trì, bảo dưỡng; tiết kiệm chi phí; (iv) Đầu tư hạ tầng ĐTTM: hạ tầng đô thị được quy hoạch, triển khai tập trung có tính liên ngành mang lại lợi ích tối ưu; cung cấp giá trị tối đa với chi phí tối thiểu; (v) Sự tham gia của người dân trong quản lý: người dân dễ dàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ của đô thị, tham gia đóng góp các sáng kiến cho đô thị; quan hệ tương tác hai chiều giữa người dân và chính quyền được cải thiện; người dân cũng là một đối tác xây dựng cơ sở dữ liệu theo thời gian thực của đô thị; (vi) Chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan chính quyền cùng với chức năng quản lý được tích hợp; chia sẻ dữ liệu thông qua các tiêu chuẩn mở giúp cải thiện, cắt giảm chi phí hoạt động...



▲ Các chỉ số phát triển ĐTTM trên thế giới



★Xin ông cho biết những thách thức trong phát triển ĐTTM, bền vững ở Việt Nam hiện nay là gì?

TS. KTS. Trần Ngọc Linh: Sự phát triển ĐTTM trên thế giới nhìn chung luôn đi cùng những thách thức. Đó là thách thức về tài chính để đầu tư đồng bộ, duy trì sự vận hành của hệ thống; thách thức về sự liên tục thay đổi công nghệ; thách thức về quyền kiểm soát, an toàn, bảo mật thông tin; thách thức về sự rủi ro có tính dây truyền khi có biến động do sự gia tăng kết nối sâu rộng...

Trong bối cảnh Việt Nam, xuất phát điểm của hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đang ở mức thấp, cơ cấu tổ chức xã hội còn nhiều sự chống chéo, việc phát triển ĐTTM nếu nhìn trên tổng thể sẽ gặp phải thách thức ở hầu hết các khía cạnh của đô thị. Tuy nhiên, nếu đi vào phân tích, đánh giá thì những thách thức này tập trung ở 3 lĩnh vực chính sau:

Thứ nhất, hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị: Công tác quản lý cơ sở dữ liệu đô thị ở Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế, đang ở mức độ khá sơ khai. Nguyên nhân là nguồn số liệu đô thị bị phân tán trong các ngành Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Thống kê...; các chỉ tiêu thống kê đánh giá được thiết kế phục vụ các mục tiêu khác nhau; thể chế và cơ cấu tổ chức thực hiện công tác thống kê hiện nay cũng là hạn chế lớn trong việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị... dẫn đến các dữ liệu đô thị thiếu độ tin cậy, chính xác.

Thứ hai, việc điều phối hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển: Phát triển ĐTTM yêu cầu phải có nguồn lực đầu tư lớn, trong khi ngân sách nhà nước còn hạn hẹp và phải chia sẻ cho nhiều lĩnh vực phát triển KT-XH khác nhau. Thách thức đặt ra ở đây đối với các cơ quan quản lý nhà nước là việc giữ vai trò điều phối các nguồn lực, xây dựng định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn và khung quản lý thống nhất toàn quốc, hạn chế tối đa việc thay đổi điều chỉnh sẽ dẫn đến lãng phí nguồn lực đầu tư.

Thứ ba, nền tảng cơ chế chính sách: Thực tiễn tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay còn nhiều vấn đề bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của

quản trị đất nước trong thời đại công nghệ số. Phát triển ĐTTM để hướng đến mục tiêu giảm thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, quy trình thực hiện, mở ra nhiều phương thức hoạt động của xã hội phát triển trên nền tảng công nghệ. Trong khi lĩnh vực phát triển đô thị bao gồm hầu hết các lĩnh vực của phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng. Do vậy, để quản lý, quản trị đô thị hiệu quả nhưng không kìm hãm sự phát triển yêu cầu hệ thống chính sách quản lý nhà nước phải thay đổi để phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

★Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 950/QĐ-TTg 2018 duyệt Đề án phát triển ĐTTM bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến 2030, vậy công tác triển khai thực hiện hiệu quả Đề án này như thế trong thời gian tới, thưa ông?

TS. KTS. Trần Ngọc Linh: Có thể nói Quyết định số 950/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là cơ sở pháp lý quan trọng, đặt nền móng cho sự phát triển ĐTTM tại Việt Nam từ quan điểm, nguyên tắc phát triển ĐTTM cho đến các mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn. Đề án đã xác định rõ 10 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu có tính liên ngành và 7 nhóm nhiệm vụ ưu tiên đối với các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương để triển khai thực hiện kèm theo lộ trình, phân công thực hiện.

Để có thể thực hiện thành công mục tiêu phát triển ĐTTM bền vững Việt Nam, tạo sự chuyển biến quan trọng mô hình tăng

trưởng KT-XH của các đô thị, phát triển ĐTTM rất cần có sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan, ban ngành quản lý nhà nước ở Trung ương; sự chủ động sáng tạo của chính quyền các địa phương; sự ủng hộ và tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, trao đổi đối thoại chính sách để tháo gỡ các rào cản vướng mắc; sự tích cực đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực của các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở đào tạo; sự hỗ trợ và hợp tác của các cơ quan tổ chức quốc tế; đặc biệt là sự quan tâm và tham gia của cộng đồng dân cư đô thị.

★Đề án phát triển ĐTTM bền vững Việt Nam sẽ đóng góp thế nào cho công tác bảo vệ môi trường?

TS. KTS. Trần Ngọc Linh: Theo xu hướng phát triển của đô thị đương đại và bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, xây dựng và phát triển ĐTTM phải hướng đến những giá trị chung toàn cầu, đó là những mục tiêu TTX và PTBV. Đề án phát triển ĐTTM bền vững Việt Nam đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp và phân công các bên liên quan hướng đến quy hoạch ĐTTM, phát triển hạ tầng đô thị thông minh và quản lý ĐTTM, qua đó giảm lượng phát thải từ phương tiện giao thông và công trình, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong đô thị, giám sát được chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, nước... Đó cũng chính là những mục tiêu cụ thể mà việc phát triển ĐTTM phải hướng đến.

★Xin cảm ơn ông đã trả lời phỏng vấn.

PHẠM ĐÌNH (Thực hiện)



Hệ thống lọc nước bằng năng lượng mặt trời mang nước sạch về với các em nhỏ Tây Nguyên

Hệ thống lọc nước RO bằng năng lượng mặt trời (NLMT) là một giải pháp mới, đã mở ra cơ hội cho người dân vùng biển, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa..., đặc biệt là với các em học sinh tại trường tiểu học Cù Pui 1 (xã Cù Pui, huyện Krông Bôn, tỉnh Đắk Lắk) được tiếp cận với nguồn nước ngọt, sạch và an toàn.

Cù Pui 1 là ngôi trường tiểu học thuộc khu vực còn nhiều khó khăn. Đa số các em học sinh tại đây đều có gia cảnh nghèo. Đi học mỗi ngày là một thử thách với các em do điều kiện thiếu thốn, thậm chí nguồn nước để uống hàng ngày tại trường cũng bị nhiễm bẩn, chứa nguy cơ bệnh tật. Chính vì thế, Trung tâm Phát triển Sáng tạo Xanh (GreenID) - thành viên Liên minh Năng lượng bền vững Việt Nam phối hợp cùng Công ty Solar BK và diễn đàn Người Tồi Cù Mang tiến hành nghiên cứu, khảo sát và lựa chọn trường tiểu học Cù Pui 1 là điểm đến cuối cùng, mang nguồn nước sạch về với các em nhỏ Tây Nguyên. Hệ thống lọc nước RO sử dụng NLMT tại trường tiểu học Cù Pui 1 là dự án nằm trong chuỗi Dự án “Tăng cường năng lực cho các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và địa phương về các giải pháp năng lượng tái tạo và sử dụng hiệu quả tiết kiệm năng lượng” (E-Enhance) của Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam.

Hệ thống có hình dáng là một cái hộp bằng tôn tráng kẽm, mặt đáy và mặt xung quanh được bọc lại bằng các vật liệu cách nhiệt có sẵn như trấu, mùn cưa, sợi thủy tinh... Mặt trên được che bằng tấm kính đặt nghiêng trong suốt dày 3-5 mm. Tấm hấp thụ bằng đồng nhôm... được dập các rãnh bán kính 10 mm. Các dây bắc được đặt vào các rãnh để dẫn nước từ thùng chứa vào bên trong thiết bị lọc. Nguyên lý hoạt động của hệ thống lọc nước là sử dụng bức xạ mặt trời làm hơi nước bốc hơi. Hơi nước được ngưng tụ và lấy ra sử dụng. Trung bình, mỗi ngày với bề mặt hấp thụ 1m², cường độ bức xạ trung bình 800 W/giờ, hệ thống lọc nước nhận được từ

6 - 7 lít nước sạch. Đặc biệt, hệ thống không dùng màng lọc, lõi lọc hay phụ kiện điện tử đắt tiền, không sử dụng hóa chất, không phải tốn chi phí nhiên liệu điện/xăng dầu, thích hợp mọi địa hình. Trong quá trình xử lý, nơi nào có nước và ánh sáng mặt trời là có nước uống. Hệ thống này sản xuất ra nước uống chất lượng cao, an toàn cho rất nhiều nguồn nước như nước bị ô nhiễm, nước nhiễm bẩn, đồng thời, dễ lắp đặt và sử dụng, chỉ cần đầu tư một lần là có thể dùng lâu dài.

Hệ thống lọc nước RO sử dụng NLMT hoạt động bằng cách cho dòng nước đi qua giữa hai điện cực trái dấu. Các điện cực hút các ion dương do muối hòa tan trong nước tạo thành để lại nước sạch ở trung tâm dòng chảy. Hệ thống còn được trang bị các màng lọc nhằm tách dòng nước ngọt ra khỏi dòng

nước mặn, tách nước sạch ra khỏi nước bẩn... Với việc sử dụng các phương pháp điện phân, hệ thống lọc nước này làm giảm áp lực và làm sạch được sự tích tụ các chất bẩn trong nước bằng cách đảo các điện cực. Một trong những ưu điểm mà phương pháp lọc này mang lại là việc cho ra nước sạch nhiều hơn 90% phương pháp lọc truyền thống, với độ bền cao và khả năng tháo lắp linh hoạt và có thể ghép thành hệ thống lớn phục vụ đầy đủ nước sinh hoạt cho cả một khu vực.

Đặc biệt, hệ thống lọc nước RO sử dụng NLMT tại trường tiểu học Cù Pui 1 nổi lưới 1 pha có tổng công suất 3,2 kWp, gồm 10 tấm pin NLMT IREX 320 Wp. Qua đó sẽ tạo ra đủ năng lượng để vận hành mô hình lọc nước RO công suất 360 l/h trong 4 tiếng mỗi ngày, cung cấp nhu cầu nước uống cho tổng cộng 481 học sinh và giáo viên của



▲ Hệ thống pin NLMT lắp đặt tại trường tiểu học Cù Pui 1



▲ Nước sạch từ hệ thống lọc nước RO sử dụng NLMT

trường. Ngoài ra, trường cũng thu được một khoản tiền từ việc bán lại lượng nước sạch được sản xuất dư cho bà con trong xã với giá 6.000 đồng/bình 20 lít và bán lại lượng điện dư cho ngành điện với giá 2.086 đồng/kWh. Với số tiền này, trường tiểu học Cư Pui 1 sẽ tái đầu tư cơ sở vật chất cho học sinh, thay các bóng đèn led đã cũ, sửa chữa và mở rộng thư viện.

Có thể nói, nước sạch về với trường tiểu học Cư Pui 1 chính là sự chung tay hướng đến năng lượng xanh của cả cộng đồng. Dự án Hệ thống lọc nước RO sử dụng NLMT tại trường tiểu học Cư Pui 1 được SolarBK và GreenID nghiên cứu triển khai với kế hoạch sử dụng lâu dài, có thể đáp ứng cho nhu cầu nước uống của trường Cư Pui 1 đến năm 2028, khi số lượng học sinh và giáo viên tại đây ước tính sẽ tăng lên gấp đôi so với hiện tại. Hy vọng, mô hình sẽ là hình mẫu cho những dự án tương tự trong thời gian tới tại Tây Nguyên nhằm thúc đẩy phát triển năng lượng bền vững, mang lại cuộc sống đầy đủ hơn tại các buôn, xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn■

TRƯƠNG THỊNH

Huy động...

(Tiếp theo trang 24)

NÂNG CAO Ý THỨC CỘNG ĐỒNG TRONG THU GOM, XỬ LÝ RÁC THẢI

Theo mục tiêu của Đề án tổng thể BVMT đảo Phú Quốc đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 137/2008/QĐ-TTg, trong giai đoạn 2011 - 2020, huyện đảo cần hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và cải thiện môi trường, cụ thể: 100% chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và bệnh viện được thu gom và xử lý theo đúng quy định; Thị trấn An Thới và Dương Đông có hệ thống thu gom nước mưa và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% lượng nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia trước khi thải ra môi trường; 100% hộ gia đình có dụng cụ phân loại rác thải tại nguồn; 100% khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (các điểm ô nhiễm nước thải, chất thải rắn, bụi, mùi độc hại cục bộ hiện nay) được khắc phục, xử lý...

Để tăng cường hiệu quả thu gom, giảm thiểu lượng rác thải ra môi trường, Phú Quốc cần đẩy mạnh quản lý chất thải rắn, tái chế, phân loại rác tại nguồn, hạn chế lượng chất thải phải chôn lấp. Đặc biệt, phải nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý chất thải rắn, hình thành lối sống thân thiện với môi trường, đóng cửa các bãi rác không đạt yêu cầu. Ngoài ra, Phú Quốc cần xây dựng và áp dụng thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, đặc thù trong lĩnh vực bảo vệ TN&MT; đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác thu gom và xử lý rác thải; thường xuyên kiểm tra, thanh tra các cơ sở kinh doanh, dịch vụ về BVMT.

Đồng thời, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT đối với những hành vi cố tình xả rác thải xuống biển, gây ô nhiễm môi trường. Mặt khác, tổ chức thành lập các tổ đội và vận động người dân chung tay với các cán bộ chính quyền địa phương, doanh nghiệp dọn dẹp vệ sinh, thu gom rác thải tại bãi biển, bến tàu...; tuyên truyền, vận động người dân BVMT, không đổ rác thải sinh hoạt xuống biển; trang bị thùng rác tại các bãi biển, khu du lịch, khách sạn, nhà trọ, nhà hàng và các điểm tập trung như bến tàu, khu vực chợ để hạn chế lượng rác phát sinh ra môi trường■

NGUYỄN THẾ



Bảo vệ môi trường ở làng nghề sản xuất tăm hương Quảng Phú Cầu

Làng nghề truyền thống tăm hương Quảng Phú Cầu (Ứng Hòa, Hà Nội), cách trung tâm TP. Hà Nội khoảng 35 km, đã tồn tại từ hơn 100 năm nay, ban đầu chỉ tập trung ở thôn Phú Lương Thượng, nhưng gần đây, phát triển ra cả 5 thôn của xã, gồm: Xà Cầu, Quảng Nguyên, Phú Lương Hạ, Cầu Bấu và Đạo Tú. Xuất phát chỉ là nghề phụ, nhưng về sau, sản phẩm tăm hương được ưa chuộng và phát triển mạnh, trở thành nghề chính, thu hút 70% số hộ dân trong xã tham gia, mang lại nguồn thu nhập chính cho gần 3.000 hộ dân nơi đây. Tuy nhiên, trước bối cảnh hội nhập, làng nghề tăm hương Quảng Phú Cầu cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức về môi trường.

Nguyên liệu để làm tăm hương là vầu, tre, nứa, nhựa cây trám, được thu mua từ các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Thanh Hóa... Những người thợ làm tăm hương luôn tâm niệm, hương liên quan đến thế giới tâm linh, nên các công đoạn làm hương không được cầu thả. Để có một sản phẩm hoàn chỉnh, phải bỏ nhiều thời gian và công sức, từ chẻ, phơi nguyên liệu, nhuộm chân hương, làm thân nhang, phơi khô, đóng gói... Đầu tiên, vầu, tre, nứa được pha thanh, sấy (phơi) khô rồi đưa vào hệ thống máy chẻ tự động thành từng que. Tại khâu phân lớp, những que tăm hương tròn, đẹp được nhuộm chân và phơi khô, loại que chất lượng kém hơn thì dùng để tái chế. Nhựa trám sau khi lọc sạch tạp chất, trộn với than của các loại thảo mộc rồi nghiền mịn, tạo thành một hỗn hợp dẻo mịn để se với tăm hương. Hương làm xong thường được phơi dưới trời nắng từ 1 - 2 ngày.

Sản phẩm tăm hương của làng nghề Quảng Phú Cầu phân thành hai loại: xuất khẩu và nội địa. Với tăm hương xuất khẩu, nguyên liệu nhất thiết phải là cây vầu, để cháy nhưng động tàn, không bị gãy. Loại tăm hương này chế bằng máy, thân tăm đảm bảo độ đều, tròn, bóng. Còn tăm hương nội địa thường sử dụng nguyên liệu nứa, làm thủ công bằng tay, có thể chế vuông, nhưng trước khi chế phải ngâm nứa hai tháng để tránh bị mốc. Tăm hương Quảng Phú Cầu chủ yếu là sản phẩm thô, bán buôn cho tiểu thương các tỉnh, thành



▲ Nghề sản xuất tăm hương tạo công ăn việc làm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho nhiều lao động địa phương

phố để se hương thành phẩm, phân phối ở thị trường trong nước và xuất khẩu sang một số nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Malaixia... được người tiêu dùng đón nhận bởi làm từ 100% nguyên liệu thảo mộc thiên nhiên, không hóa chất, an toàn cho sức khỏe và môi trường.

Với thị trường tiêu thụ rộng khắp, nghề sản xuất tăm hương đã tạo công ăn việc làm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho nhiều lao động trong vùng, cuộc sống người dân cải thiện đáng kể, nhà cửa xây dựng khang trang, hệ thống đường giao thông nông thôn được nâng cấp. Tuy nhiên, quá trình sản xuất tăm hương cũng đối diện với nhiều thách thức về ô nhiễm môi trường. Mỗi ngày, làng nghề sử dụng từ 300 - 500 tấn tre, nứa, vầu, thải ra môi trường khoảng 70 tấn mùn cưa, đầu mẩu. Chất thải không được thu gom, xử lý

mà đổ bừa bãi ra đồng ruộng, ven đường, kênh mương, cản trở giao thông, tắc nghẽn hệ thống thủy lợi. Bên cạnh đó, nhiều hộ dân ngâm nứa ở các sông, kênh, rạch, tạo thành những vũng nước tù ứ đọng; hóa chất nhuộm màu từ các cơ sở chế biến tăm hương không qua xử lý, đổ trực tiếp xuống cống, rãnh, gây ô nhiễm nguồn nước. Khi lượng mùn tồn đọng quá nhiều, một số hộ đóng vào bao tải, đưa ra đồng ruộng đốt, khói cùng mùi khét theo hướng gió bay vào trong làng, ảnh hưởng đến môi trường không khí. Ngoài ra, những ngày trời nắng, khói bụi mùn gỗ từ các cơ sở bay ra, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe và đời sống sinh hoạt của người dân.

Để giải quyết vấn đề này, huyện Ứng Hòa đã triển khai Dự án "Xây dựng lò đốt rác thải làng nghề", với công suất 5 tấn/ngày tại Quảng Phú Cầu, nhưng chỉ đáp ứng được



một phần nhu cầu xử lý rác thải của làng nghề. Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội cũng đầu tư xây dựng lò sấy nguyên liệu bằng hơi nước từ phế thải của làng nghề. Nguyên lý hoạt động của lò là sử dụng mùn cưa, đầu mẩu nứa, vầu làm nhiên liệu đun nóng nước trong nồi hơi để cấp cho lò sấy nguyên liệu, nhờ đó, một lượng lớn chất thải được tái sử dụng hiệu quả, góp phần cải thiện môi trường. Tuy nhiên, chi phí để xây dựng một lò sấy hơi nước lên tới 400 triệu đồng, nên người dân chưa quyết định đầu tư. Mới đây, huyện Ứng Hòa đã phê duyệt quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp làng nghề tập trung, diện tích 10 ha tại thôn Cầu Bấu để di dời các hộ sản xuất ra khỏi khu dân cư.



▲ Lò sấy nguyên liệu bằng hơi nước sử dụng phế liệu nứa, vầu tại làng nghề Quảng Phú Cầu

Nghề sản xuất tăm hương truyền thống phát triển đã mở ra cho xã Quảng Phú Cầu một hướng đi mới đầy hứa hẹn, nhưng để phát triển một cách bền vững thì làng nghề rất cần sự chung tay của các ngành, cấp chính quyền cũng như sự thay đổi từ nhận thức đến hành động của người dân. Vì vậy, thời gian tới, các cơ quan chức năng cần tạo cơ chế thuận lợi cho nhân dân phát triển làng nghề; tích cực vận động người dân chủ động thực hiện sản xuất an toàn, có giải pháp giảm thiểu ô nhiễm từ khói, bụi, nguồn nước, không khí... Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền để các cơ sở sản xuất chấp hành nghiêm quy định về BVMT, nhằm cải tạo chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người lao động cũng như người dân địa phương■

TRƯƠNG THỊ GIANG

Hiện trạng biến động hệ sinh thái thảm cỏ biển tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm và đề xuất giải pháp phục hồi

CAO VĂN LƯƠNG, CHU THẾ CƯỜNG

Viện Tài nguyên và Môi trường biển

Khu bảo tồn biển (KBTB) Cù Lao Chàm (TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam) có hệ sinh thái (HST) đa dạng, phong phú, trong đó, thảm cỏ biển đóng vai trò quan trọng như tham gia vào chuỗi thức ăn và là nơi sinh sống cho nhiều loài thủy, hải sản. Tuy nhiên, HST thảm cỏ biển của KBTB đang ngày càng suy giảm về diện tích cũng như phạm vi phân bố.

HIỆN TRẠNG THẨM CỎ BIỂN

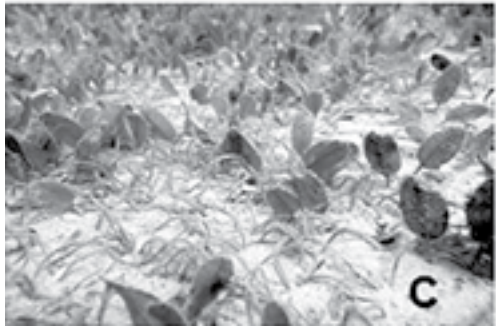
Cỏ biển là những thực vật thủy sinh bậc cao, có hoa, sống trong môi trường biển. Chức năng của cỏ biển trong thủy vực ven biển đa dạng cả về giá trị sinh thái và kinh tế. Chức năng chính của thảm cỏ biển là ổn định đáy, góp phần chống sạt lở bờ biển, thúc đẩy sự lắng đọng trầm tích và các vật chất hữu cơ, vô cơ, làm sạch môi trường bị ô nhiễm. Đồng thời, các thảm cỏ là nơi sinh sống cho một số động vật và là vườn ươm cho các ấu trùng, trong đó nhiều loài có giá trị kinh tế cao; lá cỏ biển đem lại nguồn thức ăn trực tiếp cho các loài động vật ăn cỏ hay thực vật biểu sinh; tham gia vào chu trình dinh dưỡng của hệ sinh thái, là một mắt xích quan trọng trong lưới thức ăn...

Kết quả điều tra nghiên cứu vào tháng 6/2017 của Viện TN&MT biển về hiện trạng

thành phần loài, phân bố thảm cỏ biển tại các cụm đảo Cù Lao Chàm trong khuôn khổ “Đề tài độc lập cấp Nhà nước mã số: ĐTĐL.XH-02/16” cho thấy, Cù Lao Chàm có 5 loài cỏ biển, tăng 1 loài so với năm 2007. Tuy nhiên, diện tích và phạm vi phân bố của chúng đã suy giảm nghiêm trọng, năm 2007 tổng diện tích cỏ biển là 50 ha thì đến nay chỉ còn 15 ha, chủ yếu tại Bãi Bắc và Bãi Nạn, với độ phủ không đồng đều (trước đây cỏ biển phân bố ở các điểm Bãi Ông, Bãi Chông, Bãi Bim và Bãi Hương nhưng nay thì không còn).

TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH ĐẾN CÁC THẨM CỎ BIỂN

Hoạt động du lịch tại Cù Lao Chàm đã mang lại lợi ích lớn cho cộng đồng dân cư địa phương và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch - thương mại - dịch vụ. Theo thống kê của Ban Quản lý (BQL) KBTB Cù Lao Chàm, lượng khách du lịch đến đảo Cù Lao Chàm tăng mạnh trong giai đoạn từ năm 2007 - 2015. Để phục vụ cho việc vận chuyển lượng hành khách này, tính đến ngày 31/12/2018 trên địa bàn TP. Hội An có 44 doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách tham quan tuyến Hội An - Cù Lao Chàm với 146 phương tiện, trong đó có 140 phương tiện ca nô,



▲ Cỏ biển Cù Lao Chàm

6 tàu gỗ vận chuyển hàng hóa và hành khách đi Cù Lao Chàm, tập trung chủ yếu tại bến tàu chính Bãi Ông và một số địa điểm du lịch tại Bãi Hương và Bãi Bắc. Bên cạnh đó, việc phát triển các công trình, cải tạo tuyến giao thông trên đảo đã gia tăng quá trình xói lở đất, vật liệu xây dựng đưa xuống bãi biển làm suy thoái môi trường nước, tăng độ đục và lắng đọng trầm tích trên các thảm cỏ biển.

Do phân bố tại khu vực ven bờ, độ sâu không lớn nên các thảm cỏ biển không thể chống chịu được với tác động của phương tiện vận chuyển khách du lịch từ đất liền ra đảo (chủ yếu là xuống cao tốc với công suất máy lớn). Mặc dù, không đủ số liệu thống kê để tính toán tương quan giữa diện tích thảm cỏ biển với lượng khách du lịch đến Cù Lao Chàm, nhưng có thể thấy xu thế giảm đáng kể của diện tích thảm cỏ biển trong thời gian gần đây. Quan sát thực tế cũng cho thấy, các khu vực có hoạt động du lịch mạnh (số lượng ca nô, thuyền và khách du lịch) như Bãi Hương, Bãi Ông, Bãi Chông và Bãi Bim đã không phát hiện thảm cỏ biển trong đợt khảo sát, chỉ còn 2 khu vực có cỏ biển phát triển tương đối tốt là Bãi Nền và Bãi Bắc.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI THẨM CỎ BIỂN

Quản lý, phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái thẩm cỏ biển nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là bài toán khó đối với KBTB Cù Lao Chàm. Do đó, cần thiết phải thực hiện các hoạt động:

Chấp hành nghiêm các văn bản pháp luật của Trung ương, tỉnh Quảng Nam, TP. Hội An và của BQL KBTB Cù Lao Chàm như: Luật Thủy sản năm 2017; Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo năm 2015; Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản như số 01/1998/CT-TTg ngày 2/1/1998; số 19/CT-TTg ngày 30/7/2014; số 45/CT-TTg về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; Nghị định số 103/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản...

Mở rộng phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, tiếp tục tăng cường năng lực cho đội bảo vệ KBTB Cù Lao Chàm, bổ sung trang thiết bị và phương tiện tuần tra; không cấp phép mở bến tàu du lịch tại các khu vực có cỏ biển phân bố,

hạn chế tốc độ ca nô khi tiếp cận khu vực nước nông ven bờ; không đổ dầu, rác thải và neo đậu tàu thuyền trên các bãi cỏ biển, rạn san hô; ngăn chặn khai thác bằng phương tiện hủy diệt (kích điện, chất nổ) và hủy hoại môi trường; xây dựng cơ chế phối hợp công tác tốt hơn giữa cơ quan chức năng, chính quyền các cấp và đại diện ngư dân nhằm bảo vệ nguồn lợi cỏ biển.

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền về lợi ích nguồn lợi sinh vật biển nói chung và nguồn lợi cỏ biển nói riêng trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, tạo sự đồng thuận, ủng hộ cao của chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân địa phương trong việc bảo vệ cỏ biển.

Quy hoạch mở rộng các vùng ưu tiên bảo tồn cỏ biển, nuôi trồng thủy sản kết hợp bền vững, trồng phục hồi thẩm cỏ biển bị suy thoái; quan trắc định kỳ thẩm cỏ biển, phát hiện sớm các biến động và có giải pháp phù hợp ■



Xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển bền vững ở huyện Quảng Xương, Thanh Hóa

Quảng Xương là huyện đồng bằng ven biển của tỉnh Thanh Hóa với diện tích 17.422 ha. Hiện nay, hệ thống đơn vị hành chính trực thuộc của huyện Quảng Xương gồm 1 thị trấn và 29 xã, với dân số 188.400 người. Sau gần 8 năm triển khai Chương trình nông thôn mới (NTM), với nhiều cách làm linh hoạt, sáng tạo, đến nay, huyện Quảng Xương đã đạt được những kết quả quan trọng, trở thành huyện thứ 2 của tỉnh hoàn thành 9 tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM.

THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP

Năm 2010, huyện Quảng Xương triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM nhằm xây dựng huyện phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; thay đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; môi trường sinh thái được bảo vệ; đời sống của người dân được nâng cao.

Xác định Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM là nhiệm vụ quan trọng, cũng như cơ hội để Quảng Xương chuyển mình, bứt phá, huyện ủy, HĐND và UBND huyện đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng NTM; rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng tiêu chí, lộ trình dựa trên tình hình thực tế. Trên cơ sở đó, Quảng Xương đã triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp để thực hiện các tiêu chí NTM như: Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, cán bộ cùng nhân dân triển khai xây dựng NTM. Đồng thời, huyện ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện xuống từng xã; xây dựng cơ chế khuyến khích, kích cầu trong NTM... Nhờ đó, huyện đã đạt những kết quả nổi bật trong xây dựng NTM, đưa Chương trình về đích đúng theo kế hoạch. Đến nay, huyện có 29/29 xã được công nhận đạt chuẩn NTM.

Từ năm 2010 đến nay, toàn huyện đã huy động được gần 4.800 tỷ đồng để xây dựng NTM. Từ nguồn lực huy động được, huyện cùng các địa phương tập trung triển khai đầu tư xây dựng và nâng cấp hạ tầng thiết yếu, các



▲ Mô hình bể chứa rác thải, thuốc bảo vệ thực vật trên cánh đồng tại xã Quảng Chính (Quảng Xương, Thanh Hóa)

công trình phúc lợi công cộng như đường giao thông trục huyện, xã, thôn, xóm..., góp phần làm thay đổi diện mạo địa phương. Bên cạnh đó, ý thức của cộng đồng dân cư được nâng lên, người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Môi trường sống được cải thiện, năng suất lao động tăng, quốc phòng, an ninh được giữ vững, an sinh xã hội trên địa bàn được đảm bảo.

Song song với đó, huyện đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nhiều chuỗi liên kết và nhân rộng các mô hình sản xuất. Đến nay, thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 36 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 2,5 lần so với thời điểm bắt đầu triển khai xây dựng NTM; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 24,8% (năm 2010) xuống còn 4,9% (năm 2017); tỷ lệ lao động có việc làm đạt 94,2%.

Bên cạnh đó, Ban Tuyên giáo huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) huyện, các tổ chức đoàn thể đã xây dựng chương trình hành động theo các lĩnh vực được phân công phụ trách, vận động hội viên chung tay xây dựng NTM thông qua các mô hình “Trồng hoa, cây cảnh thay cỏ dại ven đường”; “Cựu chiến binh phối hợp tham gia chỉnh trang nhà văn hóa thôn và xây dựng tủ sách pháp luật tại Nhà Văn hóa thôn”; “Thu gom, xử lý vỏ, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo vệ sinh đồng ruộng và chất lượng an toàn thực phẩm”; “Câu lạc bộ Thanh niên phát triển kinh tế”... Mặt khác, phòng, trung tâm văn hóa, Đài Truyền thanh huyện đã có nhiều chương trình đưa tin, phóng sự về xây dựng NTM. Các xã, thị trấn treo băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền dọc theo các trục đường giao thông liên xã, Nhà Văn hóa thôn, tổ chức các



▲ Xã Quảng Hải (Quảng Xương) nhận danh hiệu “Đạt chuẩn NTM” năm 2017

hoạt động tuyên truyền, vận động người dân góp công, góp sức, chung tay xây dựng NTM.

XÂY DỰNG NTM THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

Nhìn lại chặng đường đã qua trong phong trào xây dựng NTM, Quảng Xương có được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp, ngành Trung ương, tỉnh, các doanh nghiệp, cùng sự nỗ lực, đoàn kết của toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Thời gian tới, huyện sẽ tiếp tục duy trì Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được; hướng dẫn nông dân sản xuất nông nghiệp theo chuỗi, công nghệ cao, sạch, đảm bảo an toàn thực phẩm. Đặc biệt, tận dụng lợi thế có gần 20 km đường biển với bãi cát đẹp và hàng chục di tích lịch sử văn hóa, huyện sẽ tập trung đẩy mạnh quy hoạch các khu du lịch biển, phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch; gắn với BVMT...

Đồng thời, tập trung rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của huyện cho phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Thanh Hóa; đồng thời, phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện ở vị trí trung tâm các khu kinh tế động lực; chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa; đưa các loại giống có năng suất, chất lượng hiệu quả cao vào sản xuất; mở rộng có

kiểm soát diện tích một số cây trồng có hiệu quả cao như cói, khoai tây, ớt, rau vụ đông; áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, công thức luân canh mới, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Nâng cao tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong ngành Nông nghiệp; khuyến khích chăn nuôi đại gia súc bằng thức ăn tự sản xuất (phương pháp bán công nghiệp) với trang trại quy mô hợp lý; đảm bảo an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi. Phấn đấu giá trị sản xuất chăn nuôi đến năm 2020, chiếm 45% giá trị trong ngành Nông nghiệp.

Tiếp tục quảng bá, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất tại khu, cụm công nghiệp đã có; nghiên cứu, đề xuất quy hoạch các cụm công nghiệp mới; có giải pháp thúc đẩy các ngành công nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, hoạt động, kinh doanh hiệu quả.

Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở

hạ tầng các dự án: Khu du lịch Tiên Trang; khu thương mại Bắc Ghép; khu du lịch Quảng Lưu, Quảng Thái, các dự án giao thông, thủy lợi. Hoàn thành xây dựng các công trình trọng điểm: Khu trung tâm hành chính huyện; các công trình giao thông: Đường Tân - Định; đường Lĩnh - Trường - Vọng; đường vào khu đô thị Quảng Lợi; mở rộng các tuyến đường: Lưu - Bình, Tân - Trạch, Phong - Hòa, Bình - Yên, Định - Đức....

Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ TN&MT; có giải pháp xử lý triệt để chất thải rắn, rác thải sinh hoạt, chất thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hạn chế xây dựng các bãi rác thải tập trung tại các xã. Kêu gọi, tạo điều kiện và có chính sách hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải, nhà máy cung cấp nước sạch trên địa bàn huyện...

LÊ VĂN TÙNG



Chung tay bảo vệ môi trường hồ Hà Nội

Mới đây, Sở Xây dựng Hà Nội đã có văn bản gửi UBND TP về việc cho phép Công ty CP Xây dựng - Thương mại và Môi trường Hà Nội (Công ty Hactra) triển khai lắp đặt vận hành thử nghiệm thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường nước hồ bằng hệ thống HJ-1000 của Hàn Quốc tại hồ Kim Liên lớn. Nhân dịp này, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với ông Đỗ Tất Việt - Tổng Giám đốc Công ty về phương án triển khai lắp đặt và vận hành HJ-1000 trong thời gian tới.



▲ Ông Đỗ Tất Việt -
Tổng Giám đốc Công ty Hactra

★ Vừa qua, Công ty đã được Sở Xây dựng chấp nhận triển khai thí điểm công nghệ xử lý nước tại hồ Hà Nội bằng thiết bị HJ-1000 của Hàn Quốc. Xin ông cho biết mục đích cũng như ý nghĩa của hoạt động này?

Ông Đỗ Tất Việt: Những năm gần đây, Hà Nội đã thử nghiệm nhiều phương pháp xử lý làm sạch nước hồ, tuy nhiên đến nay hiệu quả xử lý vẫn chưa được giải quyết triệt để. Qua thời gian chuẩn bị, được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, thiết bị HJ-1000 sản xuất bởi Công ty MIRAE., LTD của Hàn Quốc được triển khai thí điểm cho hồ Kim Liên lớn và thực hiện kiểm soát hiệu quả xử lý làm sạch nước hồ của HJ-1000 trong khoảng thời gian 12 tháng. Việc thí nghiệm HJ-1000 thành công sẽ mang lại ý nghĩa quan trọng, với công nghệ mới, đầu tư phù hợp và chi phí vận hành thấp, tuổi thọ thiết bị cao... từng bước trả lại môi trường trong sạch cho hồ Hà Nội. Từ việc áp dụng, sử dụng HJ-1000 cho hồ Hà Nội sẽ tiến tới việc nhân rộng sử dụng xử lý ô nhiễm cho các hồ trên cả nước.

★ Ông đánh giá như thế nào về công nghệ xử lý môi trường của Hàn Quốc nói chung và hệ thống HJ-1000 nói riêng?

Ông Đỗ Tất Việt: Hàn Quốc có nền khoa học tiên tiến và đang không ngừng phát triển. Trách nhiệm BVMT, đặc biệt là bảo vệ nguồn tài nguyên nước được Chính phủ và người dân Hàn Quốc chú trọng và quan tâm. Các công nghệ xử lý nước thải, bảo vệ tài nguyên nước của Hàn Quốc đạt trình độ tiến bộ cao và không ngừng được hoàn thiện.

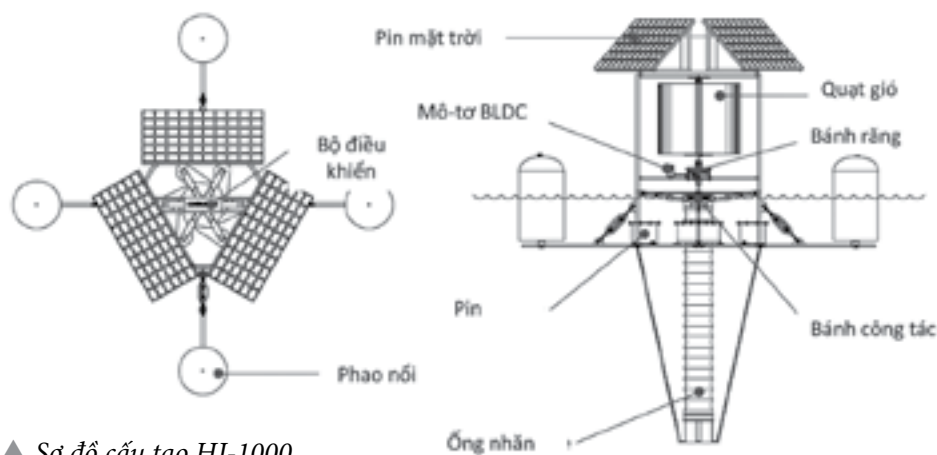
HJ-1000 là công nghệ mới, áp dụng để ngăn chặn sự phát triển tảo lục và khả năng gây ô nhiễm bởi các chất hữu cơ trong nước hồ. Những năm gần đây, HJ-1000 được áp

dụng thành công và ngày càng được áp dụng phổ biến tại các hồ ở Hàn Quốc bởi hiệu quả làm sạch nước hồ cao, có khả năng ngăn chặn tuyệt đối sự phát sinh tảo lục trong nước hồ (nồng độ chất diệp lục bằng 0). Quá trình hoạt động của HJ-1000 không gây tác động xấu đến môi trường sống của các loài thủy sinh có ích trong hồ. Các tấm pin mặt trời và máy phát điện gió được tổ hợp trên HJ-1000 tạo ra năng lượng cho hệ thống hoạt động, không cần nguồn điện thương mại. Theo đó, HJ-1000 hoạt động tự động, quản lý vận hành, bảo trì thay thế các thiết bị đồng bộ, chi phí thấp: Bộ lưu điện (thời gian sử dụng khoảng 3 năm), động cơ một chiều không chổi than (BLDC) (thời gian sử dụng khoảng 5 năm); các bộ phận khác như pin mặt trời, cánh quạt gió, khung dàn và phao nổi... có tuổi thọ từ 20 - 50 năm, ít phải bảo trì.

★ Xin ông cho biết thời gian lắp đặt, phương án vận hành, công tác quan trắc, đánh giá hiệu quả... được tiến hành như thế nào?

Ông Đỗ Tất Việt: Thời gian lắp đặt 1 bộ HJ-1000 trong 2 ngày và vận hành hoàn toàn tự động, không có sự can thiệp của con người. Trong khi đó, giám sát hoạt động của HJ-1000 thông qua bộ giám sát từ xa, tín hiệu được truyền qua internet. Các chỉ tiêu được hiển thị (cập nhật liên tục) trên máy tính hoặc điện thoại thông minh có kết nối mạng: Thời điểm cập nhật; Tốc độ động cơ BLDC; Tốc độ gió; Mức năng lượng dự trữ; Điện áp mặt trời; Nhiệt độ nước; Độ dẫn điện của nước hồ; Độ đục của nước hồ; Nồng độ chất diệp lục (mật độ tảo)...

Trước khi vận hành HJ-1000, Công ty Hactra phối hợp với Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội, cùng các Sở/ngành liên quan lấy mẫu nước quan trắc các chỉ tiêu ô nhiễm sinh học của nước hồ làm số liệu đánh giá mức độ ô nhiễm. Sau đó, cứ 1 tháng/lần lấy mẫu nước ở hồ (vị trí và thời gian trong ngày tương tự với lần lấy mẫu trước đó) để thực hiện quan trắc, lập bảng so sánh các chỉ tiêu với lần quan trắc trước đó để đánh giá



▲ Sơ đồ cấu tạo HJ-1000

mức độ cải thiện chất lượng nước hồ. Tổng số có 12 lần thực hiện quan trắc trong 1 năm chạy thử nghiệm. Từ các kết quả quan trắc nói trên, các bên liên quan lập báo cáo tổng hợp, đánh giá hiệu quả xử lý nước hồ của HJ-1000, báo cáo UBND TP. Hà Nội.

★ Có thể nói, 12 năm sau lần thử nghiệm thí điểm công nghệ xử lý nước thải tại nguồn Johkasou (Nhật Bản) tại Khu đô thị Dịch Vọng, Cầu Giấy, lần này Công ty lại bắt tay vào thử nghiệm công nghệ mới. Vậy so với lần trước, cuộc thử nghiệm này có những thuận lợi và khó khăn gì thưa ông?

Ông Đỗ Tất Việt: Năm 2007, Johkasou của Nhật Bản được Công ty RIMTEC - ZEON tài trợ, lần đầu tiên được Công ty Hactra lắp đặt thử nghiệm tại Tòa nhà No6 Khu đô thị Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội, với sự phối kết hợp tích cực của Công ty LIDELCO (chủ đầu tư xây dựng Tòa nhà No6) và các doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn của Cục BVMT (nay là Tổng cục Môi trường), công việc lắp đặt thử nghiệm được tiến hành đúng quy trình, thử tục đơn giản và thành công tốt đẹp.

Hiện nay, việc đề xuất lắp đặt thử nghiệm HJ-1000 được Chính phủ Hàn Quốc tài trợ chi phí trong khuôn khổ “Dự án Địa phương hóa hệ thống tuần hoàn nước Hybrid tại Việt Nam”. Cuộc thử nghiệm lần này nhận được sự quan tâm tích cực của UBND TP. Hà Nội, mặc dù trước đó, Hà Nội đã thử nghiệm một số loại công nghệ xử lý như sử dụng hóa chất Redoxy-3C kết hợp với máy thổi khí làm công nghệ xử lý cho các hồ...

HJ-1000 là thiết bị mới của Hàn Quốc, mặt khác, xử lý nước hồ có sự phân công trách nhiệm của nhiều Sở, ban, ngành nên thời gian để TP xem xét và ban hành quyết định cho việc

lắp đặt thí điểm HJ-1000 kéo dài. Do đó, Công ty đã phải nhiều lần thông báo để Công ty MIRAE.,LTD xin Chính phủ Hàn Quốc gia hạn thời gian trình giấy phép lắp đặt thử nghiệm HJ-1000.

★ Để triển khai hiệu quả hoạt động xã hội hóa công tác BVMT, theo ông, Nhà nước cần có chính sách gì để thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ xử lý môi trường nói chung và xử lý nước thải nói riêng trong thời gian tới?

Ông Đỗ Tất Việt: Hiện nay, vấn đề ô nhiễm môi trường nhận được rất nhiều sự quan tâm của người dân, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm nguồn nước. Do đó, Nhà nước cần có các chính sách cụ thể nhằm kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường. Trước tiên, cần tập trung nguồn lực tài chính cho việc đầu tư các công trình xử lý môi trường, công tác tuyên truyền, hướng

dẫn người dân có hành động cụ thể để ngăn chặn phát sinh các nguồn gây ô nhiễm, vận động người dân cùng tham gia BVMT...

Đối với công tác xử lý nước thải (XLNT), bên cạnh việc xây dựng các nhà máy XLNT tập trung tại khu vực có điều kiện thu gom như khu đô thị mới, khu công nghiệp... Nhà nước cần có giải pháp triệt để khuyến khích đầu tư XLNT phi tập trung (xử lý phân tán, xử lý tại nguồn) cho các khu vực dân cư trong khu đô thị cũ, khu dân cư tập trung, nhà máy sản xuất nằm ngoài khu công nghiệp... Theo đó, nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn mới cho thải ra môi trường, chảy vào các con sông, hồ chứa... như Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước thải và xử lý nước thải được Chính phủ ban hành ngày 6/8/2014.

Sau 10 năm thử nghiệm, hiện nay, công nghệ XLNT phi tập trung bằng Johkasou (JKS) được nội địa hóa, với thương hiệu JKS đã chứng minh hiệu quả về chi phí đầu tư và chất lượng xử lý. Vì vậy, Nhà nước nên khuyến khích đưa JKS vào áp dụng rộng rãi để XLNT bằng hình thức xử lý phi tập trung, đây là giải pháp phù hợp với thực tế triển khai của Việt Nam.

★ Xin cảm ơn ông!

THANH TUẤN (Thực hiện)



▲ Hệ thống HJ-1000 được triển khai tại Hà Nội



Công ty CP Miza: Bảo đảm sản xuất kinh doanh gắn với bảo vệ môi trường

Chú trọng đến các giải pháp sản xuất sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường là kim chỉ nam hoạt động của Công ty CP Miza trong những năm qua, nhằm hướng đến sự phát triển bền vững. Với quan điểm trên, Công ty đã không ngừng đầu tư, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động; đáp ứng yêu cầu công tác BVMT, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.



▲ Dây chuyền sản xuất giấy hiện đại của Công ty CP Miza

Là một trong những doanh nghiệp (DN) hoạt động trong lĩnh vực tái chế giấy thải để sản xuất giấy bao bì cung cấp cho các nhà máy bao bì trong và ngoài nước, Công ty CP Miza được thành lập ngày 2/12/2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng tại Cụm công nghiệp Nguyên Khê (Đông Anh, Hà Nội). Kể từ khi thành lập, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra định hướng chiến lược phát triển bền vững, nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Những năm đầu mới đi vào hoạt động, Công ty gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về tài chính. Năm 2012, khi biết được Quỹ BVMT TP. Hà Nội có chương trình hỗ trợ tài chính cho các DN, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường, Công ty đã tiếp cận để vay và nhận được sự hỗ trợ tài chính của Quỹ. Với nguồn vốn ưu đãi trên, Công ty đã tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống dây chuyền máy móc, thiết bị và hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, ổn định sản xuất và kinh doanh có lãi, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Năm 2015, Công ty CP Miza đã đầu tư thêm dây chuyền 2, với công nghệ tiên tiến, có hệ thống kiểm soát chất lượng tự động. Đến tháng 3/2017, dây chuyền 2 chính thức đi vào hoạt động, nâng công suất của nhà máy từ 7.500 tấn/năm lên 40.000 tấn/năm, góp phần tăng doanh thu từ 47 tỷ đồng (năm 2012) lên 270 tỷ đồng (năm 2017).

Với phương châm “Chất lượng tạo nên sự phát triển bền vững”, Công ty đã xây dựng và áp dụng thành công ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng và ISO 14001:2015 - Hệ

thống quản lý môi trường. Việc áp dụng hai hệ thống quản lý trên đã giúp Công ty chủ động kiểm soát được quá trình hoạt động của nhà máy, từ chất lượng nguyên, vật liệu, thiết bị máy móc đến các vấn đề môi trường. Để đáp ứng yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng và môi trường, Công ty lựa chọn nhập khẩu giấy phế liệu từ các nhà cung ứng quốc tế uy tín, có chất lượng hàng hóa đạt QCVN 33:2010/BTNMT của Bộ TN&MT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất. Điển hình như các DN: Choyang Industry Co., Ltd (Hàn Quốc), Forestry Asia Resources (Philippin), Peute Papier Recycling (Hà Lan)... Các loại giấy được nhập khẩu chủ yếu là bìa các tông cũ (OCC).

Cùng với chiến lược nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, Công ty đã tăng cường đầu tư cho công tác BVMT như hệ thống xử lý nước thải với 4 giai đoạn xử lý: Sơ bộ; hóa lý; vi sinh kết

hợp giá thể vi sinh MBBR và phương pháp hấp phụ, quản lý bằng hệ thống điều khiển tự động PLC (thiết bị điều khiển lập trình cho phép thực hiện linh hoạt các thuật toán điều khiển logic). Ngoài ra, Công ty cũng đầu tư thiết bị đo chất lượng nước, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 05:2014/BTNMT của Bộ TN&MT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Sau đó, nước thải tiếp tục xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nguyên Khê rồi xả ra môi trường.

Với những nỗ lực trong công tác BVMT, thi đua sản xuất, Công ty CP Miza đã đạt được những giải thưởng uy tín do các tổ chức, đơn vị trong và ngoài nước trao tặng như: Chứng nhận “Nhà cung cấp chất lượng” của Viện DN Việt Nam; Giải thưởng “Thương hiệu hàng đầu Việt Nam” của Tổ chức Global GTA (Vương quốc Anh) và Trung tâm Nghiên cứu người tiêu dùng Việt Nam; Chứng nhận “Chỉ số



Tín nhiệm xanh” do Tổ chức InterConformity (CHLB Đức) và Trung tâm Đánh giá chỉ số tín nhiệm châu Á Thái Bình Dương... Theo Tổng Giám đốc Công ty Nguyễn Tuấn Minh, việc phát triển thương hiệu xanh thông qua tăng cường sản xuất sạch, tuân thủ các quy định, pháp luật về BVMT là định hướng phát triển bền vững của DN; đồng thời, qua đó, cũng mở ra nhiều cơ hội hợp tác cho DN. Với phương châm đó, Công ty đã và đang không ngừng nỗ lực, phấn đấu để trở thành DN hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, tái chế giấy tại Việt Nam, tạo ra những sản phẩm có chất lượng, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, để làm được điều đó, trước tiên phải đảm bảo sự an toàn, tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình sản xuất thông qua kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu, năng lượng, tài nguyên, chất thải thải ra môi trường.



▲ Hệ thống xử lý nước thải của Công ty

Thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nhà máy, nhất là đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải để nâng cao hiệu quả xử lý, tuần hoàn tái sử dụng 90% lượng nước thải, tiết kiệm khoảng 8.500 m³ nước sạch/tháng. Mặt khác, Công ty sẽ đầu tư hệ thống tái chế ni lông là rác thải phát sinh trong quá trình tái chế giấy thải, tạo ra các sản phẩm hạt nhựa, góp phần BVMT; thực hiện dự án sản xuất túi đựng hàng tự phân hủy không gây hại môi trường... Để đạt được các mục tiêu trên, Công ty mong muốn nhận được sự quan tâm hỗ trợ, hướng dẫn của các Sở, ban, ngành nhằm giúp Công ty thực hiện tốt các quy định, pháp luật về BVMT, nâng cao năng suất lao động, đóng góp vào trách nhiệm chung đối với xã hội■

NGUYỄN THANH GIANG

Bảo tồn và phát triển sâm Ngọc Linh gắn với bảo vệ rừng tại Kon Tum

Sâm Ngọc Linh nằm trong top 4 loài sâm tốt nhất thế giới và được xem là “quốc bảo” của ngành dược liệu Việt Nam. Là “thủ phủ” của loài biệt dược đặc hữu này, những năm qua, tỉnh Kon Tum đã triển khai các giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển sâm Ngọc Linh, nâng cao hiệu quả kinh tế địa phương và góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo thêm thu nhập cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Sâm Ngọc Linh là loài thân thảo, có tên khoa học là *Panax vietnamensis* (họ nhân sâm), thuộc 250 loài thực vật quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam. Đây là loài cây đặc hữu, chỉ có ở vùng núi Ngọc Linh (nằm giữa 2 tỉnh Quảng Nam và Kon Tum), phân bố tự nhiên ở độ cao từ 1.500 m trở lên tại địa bàn xã Trà Linh (huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam) và 2 xã của các huyện Đắc Gle, Tu Mơ Rông (tỉnh Kon Tum). Sâm Ngọc Linh có thể sống đến hàng nghìn năm, thân thẳng đứng, màu lục, hoặc hơi tím, rễ nhiều đốt, cong ngoằn ngoèo, dài từ 3,5 - 10,5 cm, đường kính 0,5 - 2,0 cm. Mặt ngoài màu nâu, hoặc vàng xám. Rễ củ có dạng hình con quay, dài 2,4 - 4 cm, đường kính 1,5 - 2 cm, màu nâu nhạt, gồm nhiều vân ngang và các nốt rễ con. Thịt chất nạc, chắc, khó bẻ gãy. Trọng lượng trung bình của sâm củ tươi và sâm củ khô tăng dần theo độ tuổi, củ sâm tươi nguyên rễ tơ 4 năm là 14,20 g; 5 năm là 16,78 g; 10 năm là 28,68 g; 15 năm tuổi: 31,60 g... Sâm có chất

lượng đặc thù và quá trình sinh trưởng phù hợp với điều kiện tự nhiên độc đáo của khu vực địa lý vùng núi (độ cao từ 1.200 - 2.500 m, mật độ che phủ rừng trên 70%, độ dốc lớn, nhiều thung lũng hẹp và sâu). Khí hậu của khu vực địa lý mang nhiều nét đặc thù riêng biệt, từ nhiệt đới ẩm đến á nhiệt đới vùng núi cao, phù hợp với sự phát triển của cây sâm.

NHÂN GIỐNG LOÀI SÂM QUÝ

Từ xưa, người dân tộc Xê Đăng sống trên núi Ngọc Linh đã sử dụng loài sâm này để chữa bệnh và gọi đây là cây thuốc “Giấu”. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, sâm Ngọc Linh có giá trị cao, bởi phần rễ và thân rễ cây sâm có tới 52 hợp chất saponin (hợp chất chủ yếu trong các loại thảo dược quý), trong đó, 26 loại saponin có cấu trúc hóa học như các loại sâm Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Dương và 26 loại saponin khác, chỉ có ở sâm Ngọc Linh. Ngoài ra, lá cây sâm gồm 19 hợp chất saponin, trong đó 8 hợp



▲ Sâm Ngọc Linh thuộc 250 loài thực vật quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam

chất saponin khác với saponin ở bộ phận rễ và thân rễ. Với hàm lượng hợp chất saponin cao, nên sâm Ngọc Linh có tác dụng chữa bệnh tiểu đường, bảo vệ tim mạch, hạn chế khối u phát triển và phòng chống các bệnh ung thư... Vì thế, giá thành của sâm Ngọc Linh rất cao (khoảng 80 triệu đồng/kg).

Nhận thức được tầm quan trọng của sâm Ngọc Linh đối với ngành dược liệu nói riêng và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung, ngay từ những năm 1997, tỉnh Kon Tum đã tổ chức đánh giá về sâm Ngọc Linh và bắt đầu thực hiện công tác bảo tồn cây sâm tại các huyện Tu Mơ Rông, Đăk Glei, thuộc dãy núi Ngọc Linh. Năm 2004, tỉnh triển khai Dự án Bảo tồn, phát triển sâm Ngọc Linh có sự tham gia của cộng đồng, xây dựng thành công vườn sâm giống với diện tích khoảng 15 ha, sau đó, bàn giao cho Trung tâm Kinh doanh và phát triển sâm Ngọc Linh (nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô) tiếp tục phát triển Dự án.

Để phát triển sâm Ngọc Linh trên cơ sở bảo tồn nguồn gen, nhằm xóa đói giảm nghèo, tiến tới làm giàu và mở ra triển vọng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo vệ rừng, BVMT sinh thái; xây dựng sâm Ngọc Linh thành thương hiệu quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 17/4/2013 về Quy hoạch phát triển sâm Ngọc Linh tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Theo đó, vùng quy hoạch

phát triển sâm Ngọc Linh có diện tích 31.742 ha, thuộc 3 xã: Mường Hoong, Ngọc Linh, Xốp (huyện Đăk Glei) và 55 xã của huyện Tu Mơ Rông: Đăk Na, Măng Ri, Ngọc Lây, Ngọc Yêu, Văn Xuôi... Đến năm 2020, diện tích trồng sâm Ngọc Linh đạt 1.000 ha, với sản lượng ước tính 190 tấn, đưa cây sâm Ngọc Linh trở thành cây mũi nhọn trong việc phát triển kinh tế của địa phương.

Ngoài ra, tỉnh cũng triển khai nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân liên kết trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng như cho vay vốn; hỗ trợ một phần chi phí cho nhà đầu tư (có vườn giống gốc được tỉnh công nhận) sản xuất giống sâm Ngọc Linh; ưu tiên hộ gia đình, cá nhân là người dân tộc thiểu số tham gia nhóm hộ, cộng đồng dân cư được giao khoán quản lý, bảo vệ rừng trong vùng

quy hoạch theo thứ tự: Vùng có chỉ dẫn địa lý, áp dụng mức giá cho thuê rừng thấp 600.000 đồng/ha/năm... Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành các nghị quyết thông qua phương án cho thuê rừng để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, kết hợp phát triển cây sâm với diện tích khoảng 10.000 ha và phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ, phát triển rừng bền vững, kết hợp kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh, tổng diện tích hơn 92.000 ha. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các tổ chức, cá nhân triển khai các thủ tục đầu tư.

Hiện mô hình liên kết bà con đồng bào dân tộc thiểu số trồng sâm đã được các doanh nghiệp áp dụng và đạt kết quả khả quan, đem lại thu nhập cao cho đồng bào dân tộc. Trong đó, Công ty CP sâm Ngọc Linh Kon Tum (Công ty sâm Ngọc Linh) và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô (Công ty Đăk Tô) là 2 đơn vị được tỉnh cấp phép đầu tư, có khả năng kiểm soát chất lượng giống, đảm bảo đầy đủ điều kiện để xây dựng và duy trì thương hiệu sâm Ngọc Linh. Đến nay, tỉnh đã phát triển được khoảng 500 ha sâm Ngọc Linh (Công ty sâm Ngọc Linh 470 ha; Công ty Đăk Tô 15 ha; Trung tâm Ươm tạo và hỗ trợ doanh nghiệp khoa học, công nghệ 5 ha cùng một số diện tích do người dân trồng). Đặc biệt, đầu năm 2018, Công ty sâm Ngọc Linh tiếp tục thuê



4.600 ha để trồng sâm dưới tán rừng, dự kiến thu hoạch 500 kg củ tươi mỗi năm. Hiện Công ty đã ký hợp đồng liên kết trồng sâm Ngọc Linh gắn với bảo vệ và phát triển rừng cùng 7 xã: Măng Ri, Tề Xăng, Ngọc Lậy, Đắk Na (huyện Tu Mơ Rông) và Mường Hoong, Ngọc Linh, Xốp (huyện Đắk Glei), có sự tham gia của gần 400 hộ dân. Việc liên kết với các hộ dân mang lại nhiều lợi ích to lớn. Ngoài việc ổn định an ninh trật tự địa phương, người dân đã có những thay đổi tích cực trong BVMT rừng để trồng dược liệu và sâm Ngọc Linh.

THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRỒNG VÀ CHẾ BIẾN SÂM NGỌC LINH

Mặc dù là loài cây dược liệu quý hiếm, giá trị kinh tế cao, nhưng các sản phẩm chế biến sâu từ cây sâm chưa nhiều, chủ yếu là sản phẩm thô; các vùng quy hoạch chưa đủ cây giống để phát triển mở rộng. Việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất giống, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng giống chưa được quan tâm đúng mức. Chi phí đầu tư cho sản xuất sâm Ngọc Linh lớn (khoảng từ 5 - 6 tỷ đồng/ha), nên người trồng chưa đầu tư. Trong khi đó, tình trạng sản phẩm sâm giả tràn lan trên thị trường chưa được kiểm soát...

Để loài cây “quốc bảo” sâm Ngọc Linh trở thành thế mạnh kinh tế mũi nhọn của Kon Tum, xứng đáng là “quốc kế dân sinh” như chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị về đầu tư phát triển sâm Ngọc Linh và các dược liệu khác ngày 6/9/2018, thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục tạo cơ chế để doanh nghiệp có điều kiện đầu tư, nghiên cứu trồng và sản xuất các sản phẩm từ sâm Ngọc Linh; lựa chọn nhà đầu tư có chủ lực để tinh chế sản phẩm từ sâm Ngọc Linh. Qua đó, xây dựng ngành công nghiệp trồng và chế biến sâm Ngọc Linh theo chuỗi hàng hóa, tạo ra những sản phẩm sâm Ngọc Linh chất lượng cao, đưa sâm Ngọc Linh vươn ra thị trường thế giới. Đồng thời, tập trung đầu tư cho công tác



▲ Vườn sâm Ngọc Linh giống của Công ty CP sâm Ngọc Linh Kon Tum



▲ Đồng bào dân tộc thiểu số được Công ty CP sâm Ngọc Linh trao tặng cây giống sâm Ngọc Linh

bảo tồn, phát triển sâm Ngọc Linh, trong đó, chú trọng bảo tồn nguồn gen thuần chủng của sâm, tránh bị lai tạp với các loài sâm, dược liệu khác; tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BVMT rừng cho cộng đồng, nhằm bảo vệ vùng nguyên liệu sâm Ngọc Linh, cũng như các dược liệu khác. Đối với doanh nghiệp, thực hiện cơ chế liên kết chặt chẽ và bảo đảm sinh kế của người dân trên địa bàn; áp dụng quy

trình chuẩn trong nuôi trồng, sản xuất, chế biến sâm Ngọc Linh...

Kon Tum là địa bàn có tiềm năng lớn về sâm Ngọc Linh, tuy nhiên, để khai thác hiệu quả lợi thế đó, cần tăng cường sự hợp tác giữa các nhà khoa học - nhà quản lý - doanh nghiệp và người dân trong phát triển, bảo tồn cây sâm Ngọc Linh, góp phần tăng trưởng kinh tế, đồng thời BVMT rừng.

NGUYỄN THỊ THU HÀ



Bài học từ cụ bà hơn 12 năm quét rác không công

PHẠM BẮC

Hội Nông dân Việt Nam

Đều đặn vào mỗi buổi sáng sớm và chiều, hình ảnh người phụ nữ ngoài 80 tuổi, thân hình nhỏ bé, gầy gò, tay cầm chổi, xềng đi quét dọn rác đã trở nên quen thuộc với mỗi người dân ở tổ 24, ngõ 35, đường Nguyễn An Ninh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội. Đó là cụ bà Đinh Thị Quý, hay còn gọi là “cụ Quý quét rác”, “cụ Quý đồng hồ”.

Lần đầu tiên gặp tôi đã cảm nhận, cụ là người phụ nữ hiền lành, chất phác, ở cụ toát lên vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống. Nhưng khi được tiếp xúc trực tiếp và nghe cụ tâm sự, chia sẻ, tôi nhận ra đằng sau vẻ mộc mạc của cụ là cả một bầu nhiệt huyết với công việc dọn dẹp, làm đẹp khu phố. Cụ kể, vào thời điểm cách đây hơn 12 năm, do người dân vứt rác không theo quy định nên dọc ngõ 35, đường Nguyễn An Ninh lúc nào cũng ngập trong rác, mùi hôi thối bốc lên. Trước cảnh tượng đó, cụ bàn với mọi người trong tổ dân phố cùng dọn đồng rác đi để mọi người không vứt bừa ở đấy nữa. Khi nghe ý tưởng của cụ, ai cũng cười và bảo với cụ rằng không làm được. Mặc dù, không được mọi người đồng lòng giúp sức nhưng cụ Quý vẫn quyết tâm thực hiện ý định của mình. Thời gian đầu, cụ phải bỏ tiền túi ra để thuê “đồng nát” chở đồng rác ấy đi đổ ra bãi rác. Còn phần mình, cụ lấy chổi quét sạch rác vương vãi trên đường đi lối lại, thu thành đồng rồi đợi xe rác qua thì bỏ vào. Sau vài ngày như vậy, đường phố đỡ rác hơn nhưng thói quen đổ rác bừa bãi của mọi người thì vẫn vậy. Để khắc phục tình trạng này, sau khi quét sạch đường phố vào buổi sáng, cụ kê ghế ngồi gần nơi mọi người hay vứt rác để “canh” bãi rác. Ai bỏ rác không đúng giờ quy định là cụ nhắc nhở. Khi đó, cụ Quý bị không ít người chê bai, dè bêu là “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”, có người còn bảo bà là gàn dở, khùng điên khi tự vơ vào người công việc nặng nhọc, bẩn thỉu... Họ luôn cho rằng, đã mất tiền thuê công nhân vệ sinh môi trường làm rồi thì họ phải có trách nhiệm dọn dẹp. Nhưng rồi chứng kiến đường phố ngày càng sạch đẹp, thoáng mát, chẳng ai



▲ Cụ Quý thu gom phế liệu để bán lấy tiền giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn

bảo ai, mọi người cùng nhau học theo cụ thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường.

Giờ đây ai ai ở khu phố cũng đều quý trọng và kính nể việc làm của cụ. Hàng ngày, đúng 5h30 sáng là cụ cầm chổi và mo hót để đi quét lá, rác trên các con đường. Buổi chiều, khoảng 3 - 4h, trước khi xe của công nhân môi trường đến thu rác, cụ sẽ cầm keng đi gõ khắp các góc ngách để nhắc mọi người đã đến giờ đổ rác. Cụ coi đó là công việc quen thuộc đã ăn vào nếp sống như “cơm ăn áo mặc” hàng ngày. Cụ bảo, trong suốt những năm tháng tự nguyện làm người lao công của khu phố, món quà quý nhất đối với cụ là lời động viên của tất cả mọi người. Mỗi lời động viên là động lực để cụ tiếp tục cống hiến cho cộng đồng, xã hội. Nhưng nay cụ Quý đã sang tuổi 80, ở cái tuổi “thất thập cổ lai hy”, sức khỏe của cụ không còn như trước và khó có thể tiếp tục làm việc này mỗi ngày nữa. Việc sắp phải “nghỉ hưu” khiến cụ buồn. Nhắn nhủ đến mọi người, cụ Quý bày tỏ: “Tôi

mong rằng mỗi một người dân hãy đối xử với con phố chung cũng như với căn nhà riêng của mình vậy. Đường ngõ sạch đẹp thì tôi mới có thể yên tâm “nghỉ hưu” được”.

Không chỉ là “đại sứ môi trường”, cụ Quý còn năng động trong các hoạt động xã hội, tập thể, luôn quan tâm đến những người có hoàn cảnh khó khăn trong tổ dân phố. Để có tiền giúp đỡ mọi người, trong lúc đi thu gom rác, cụ nhặt nhanh chai lọ, vỏ lon tích lại, đem bán rồi ủng hộ cho Quỹ Hội Người cao tuổi, Hội Phụ nữ và giúp đỡ trẻ em khó khăn trong tổ dân phố.

Hơn 12 năm cần mẫn làm công việc của một người công nhân môi trường một cách tự nguyện và không công cho khu phố, cụ Quý đã góp phần thay đổi nhận thức thái độ của người dân, đưa phong trào BVMT của địa phương có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2017, cụ đã vinh dự được Chủ tịch UBND TP. Hà Nội tặng Bằng khen với danh hiệu “Người tốt, việc tốt”■



Hiệu quả từ mô hình bảo vệ và phát triển rừng tại Bắc Hướng Hóa

NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG
Sở NN&PTNT Quảng Trị

Thời gian qua, công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) tại Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Bắc Hướng Hóa (Quảng Trị) đã đạt được những kết quả tích cực. Có được kết quả đó là nhờ tinh thần trách nhiệm của lực lượng kiểm lâm, Ban Quản lý (BQL) KBTTN, sự hỗ trợ của lực lượng biên phòng, đặc biệt là sự tham gia tích cực của người dân các xã trong vùng vào công tác quản lý, bảo vệ rừng.

KBTTN Bắc Hướng Hóa được thành lập theo Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 7/7/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị, có diện tích 23.456,7 ha, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình, phía Nam giáp các xã Hướng Phùng, Hướng Sơn, Hướng Linh (Hướng Hóa, Quảng Trị), phía Đông giáp các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Đăkkrông, phía Tây giáp Lào. Hệ sinh thái chủ yếu của KBTTN là rừng kín, mưa ẩm nhiệt đới, có độ cao dưới 600 - 800 m. Đặc biệt độ che phủ của rừng lên đến 93,2%, trong đó rừng nguyên sinh chiếm gần 70%, thuộc nhóm có độ che phủ rừng cao nhất nước. Trong tổng số 23.456,7 ha của KBTTN có 22.215,5 ha đất có rừng (rừng tự nhiên chiếm tỷ lệ lớn với 21.976,71 ha rừng tự nhiên, rừng trồng chỉ có 238 ha). Về hệ thực vật của KBTTN, có 1.124 loài thực vật bậc cao có mạch, thuộc 548 chi và 138 họ của 5 ngành thực vật, trong đó 36 loài thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới. Hệ động vật có 109 loài thú thuộc 30 họ của 10 bộ, 206 loài chim thuộc 49 họ của 12 bộ và 61 loài bò sát ếch nhái, 11 loài được ghi nhận trong Sách đỏ thế giới tiêu biểu như sao la, mang lớn mang Trường Sơn, voọc Hà Tĩnh, chà vá chân nâu...

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG

Nhận thấy giá trị ĐDSH của KBTTN, những năm qua, BQL KBTTN Bắc Hướng Hóa đã triển khai nhiều giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển rừng tự nhiên và bảo vệ các nguồn



▲ Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị Hà Sỹ Đồng cùng lãnh đạo các Sở, ngành, BQL kiểm tra công tác bảo vệ rừng tại KBTTN Bắc Hướng Hóa, ngày 18/4/2018

gen quý hiếm như thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng; xây dựng kế hoạch phối hợp trong công tác bảo vệ với các đồn biên phòng và chính quyền các xã, đặc biệt là thực hiện các chính sách gắn trách nhiệm, lợi ích của người dân với rừng. Bên cạnh đó, BQL đã tích cực triển khai các hoạt động giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức trong công tác bảo vệ rừng đến người dân trong khu vực, từng bước đầu tư cơ sở vật chất để phục vụ loại hình du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch sinh thái. Đến nay, BQL đã xây dựng tuyến đường tuần tra rừng kết hợp du lịch sinh thái trên đỉnh Sa Mù, đóng băng tên một số loài cây, trưng bày tiêu bản mẫu thực vật tại phòng truyền thống...

Thông qua buổi họp dân tại các thôn, bản, BQL đã lồng ghép các chương trình tuyên truyền về lợi ích của việc bảo

vệ rừng, bảo tồn ĐDSH. Qua đó, người dân được nâng cao ý thức giữ rừng, kỹ năng phát triển sinh kế, ngược lại, BQL cũng nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng và hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của người dân trong công tác bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH, BQL đã tiến hành giao khoán cho 104 hộ gia đình ở các xã: Hướng Lập, Hướng Sơn và Hướng Linh gần 10 nghìn ha rừng tự nhiên. Các hộ thành lập nhóm cùng nhau có ý thức bảo vệ và được hưởng lợi (năm 2017, số tiền thanh toán khoán bảo vệ hơn 2,1 tỷ đồng, trung bình mỗi hộ được chi trả hơn 40 triệu đồng). Bên cạnh đó, Chương trình chi trả dịch vụ môi trường rừng cũng được triển khai tích cực trong cộng đồng dân cư và đem lại những lợi ích thiết thực. Nhiều người dân trước đây đã từng khai thác trái phép lâm thổ sản,



đốt nương làm rẫy... thì giờ đã tham gia bảo vệ rừng. Nhờ đó, người dân có thêm thu nhập để trang trải cuộc sống.

Từ đó, đã khuyến khích người dân tăng cường phối hợp với lực lượng chức năng trong hoạt động tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng. Từ năm 2017 đến nay, BQL KBTTN Bắc Hướng Hóa đã phối hợp với Hạt Kiểm lâm Hướng Hóa, Đồn Biên phòng cùng với người dân địa phương tổ chức 36 đợt tuần tra, kiểm tra rừng, trong đó người dân bản địa có 484 lượt người. Qua kiểm tra đã kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng, thu giữ 3,8 m³ gỗ, tháo dỡ 180 dây bẫy động vật rừng, phá hủy 8 lán trại trái phép trong rừng...

Phát huy các kết quả trước đây, năm 2018, BQL KBTTN tiếp tục giao khoán gần 10.000 ha rừng cho 109 hộ gia đình ở 3 xã Hướng Lập, Hướng Sơn, Hướng Linh, riêng xã Hướng Linh có 18 hộ được giao gần 1.000 ha. Nhận thấy khó khăn trong việc tuần tra, kiểm tra do khoảng cách từ nhà đến cửa rừng xa, tiềm ẩn nguy cơ rừng bị xâm hại, để rút ngắn khoảng cách đi lại, một số hộ dân đồng bào Vân Kiều ở xã Hướng Linh đã tự nguyện dựng trại ngay cửa rừng để giúp việc tuần tra bảo vệ rừng được thuận tiện.

PHỤC HỒI TÀI NGUYÊN RỪNG

Bên cạnh việc kêu gọi người dân tham gia bảo vệ rừng, BQL KBTTN Bắc Hướng Hóa còn chú trọng đến công tác phục hồi tài nguyên rừng. Tháng 8/2015, nhờ sự hỗ trợ của Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Việt,

BQL đã triển khai thực hiện mô hình “Phục hồi rừng tự nhiên trên đất trống” với 7 ha rừng (chia thành 2 lô: 1 lô 5 ha và 1 lô 2 ha) tại tiểu khu 667 KBTTN Bắc Hướng Hóa, thuộc xã Hướng Linh. Loài cây trồng chính trong diện tích này là những cây bản địa như lim xanh, nhội, lát hoa, muồng đen, sau sau, xoan nhừ... Ngoài ra, một số loài cây mọc nhanh để phủ trợ được trồng xen kẽ cây bản địa gồm trấu, keo tai tượng. Khu vực trồng rừng bản địa chủ yếu là lau lách không có rừng, mùa khô nắng nóng kéo dài làm cho cây lau lách khô, dễ bắt lửa và cháy lan trên diện rộng. Hơn nữa, đây là khu vực người dân chăn thả gia súc (trâu, bò) nên dễ làm chết cây mới trồng. Do cây trồng ở độ cao hơn 700 m, đối diện với hướng gió, dẫn đến cây con mới trồng bị rụng lá, long gốc chết. Để vận chuyển cây giống bản địa đến khu vực trồng rừng, cán bộ của KBTTN phải gùi cây giống, phân bón trên lưng, băng rừng, vượt suối, vượt qua khó khăn để chăm sóc, bảo vệ từng cây trồng mới ở

tiểu khu 667A. Nhờ kiên trì, sau 2 năm, diện tích phục hồi tài nguyên rừng có kết quả bước đầu, hơn 95% cây bản địa đã sống được và phát triển tốt.

Đặc biệt, để việc thực hiện mô hình hiệu quả, BQL đã phối hợp với chính quyền xã Hướng Linh tổ chức họp dân tại 2 thôn Xa Bai và Mới nhằm tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc trồng rừng; vận động bà con cùng tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây rừng. Ngoài ra, để bảo vệ, ngăn cháy lan vào rừng, BQL đã làm đường ngăn cản lửa bao quanh khu vực trồng cây rừng và làm hàng rào bằng kẽm gai để ngăn trâu bò phá hoại. Cùng với đó, BQL tiếp tục triển khai các mô hình trồng cây trấu lấy hạt để tạo sinh kế bền vững cho người dân tại xã Hướng Lập; làm giàu rừng từ việc trồng sa nhân tím dưới tán rừng tự nhiên... Với những nỗ lực trên, đến nay, BQL đã tổ chức trồng được trên 350 ha cây bản địa như lát hoa, sao đen và trấu, trong đó, nhiều diện tích trồng cây trấu đã đem lại hiệu quả kinh tế, giúp người dân có thêm nguồn thu nhập. Thấy được lợi ích của việc phục hồi rừng ở địa phương, nhiều người dân đã tình nguyện tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng. Mô hình bảo vệ rừng của KBTTN Bắc Hướng Hóa đạt được kết quả trên chính nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng kiểm lâm, biên phòng, BQL và người dân bản địa, đặc biệt là việc lồng ghép hoạt động bảo vệ rừng với lợi ích kinh tế để người dân phát huy vai trò giữ rừng, “xem rừng là nhà” mà chăm lo, bảo vệ■



▲ KBTTN Bắc Hướng Hóa



Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trà hoa vàng ở Nghệ An

Trà hoa vàng là cây mọc tự nhiên trong rừng ở huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, được trồng làm cảnh và có nhiều công dụng đối với sức khỏe con người. Tuy nhiên, những năm gần đây, người dân lên rừng đào gốc, mang thân và lá trà về bán cho thương lái với giá cao nên cây được liệu quý, hiếm đứng trước nguy cơ bị tận diệt.

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, lần đầu tiên trà hoa vàng được phát hiện ở Quảng Tây, Trung Quốc, thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Ở Việt Nam, giống cây quý hiếm này được tìm thấy ở Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Ba Chẽ (Quảng Ninh), Lâm Đồng, Tuyên Quang và Yên Bái. Tại Nghệ An, năm 2012, trà hoa vàng được huyện Quế Phong phát hiện và công bố những thông tin, giá trị khoa học. Qua kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ của Sở KH&CN Nghệ An năm 2016, toàn huyện Quế Phong có hơn 5.000 cây trà hoa vàng, trong đó, cây đang cho thu hoạch là trên 4.500 cây, tập trung chủ yếu ở các xã Mường Nọc, Thông Thụ, Đồng Văn. Trà hoa vàng tại đây sinh trưởng, phát triển tốt (trên 70%). Trung bình 100 cây thì có khoảng 70 cây trưởng thành cho 1 kg hoa tươi/cây/vụ, khoảng 21 cây trung bình chưa cho ra hoa hoặc cho hoa nhưng dưới 0,2 kg/cây/vụ.

Theo “Camellia International Journal” - Tạp chí chuyên nghiên cứu về trà hoa vàng của thế giới, các hợp chất của trà hoa vàng có khả năng kiểm chế sự sinh trưởng của các khối u đến 33,8%; giúp giảm đến 35% hàm lượng cholesterol trong máu. Loại trà này còn có khả năng làm giảm triệu chứng xơ vữa động mạch do máu nhiễm mỡ, điều hoà huyết áp và chữa các bệnh về tim mạch, tiểu đường, u bướu... Ngoài ra, khi bị các vết thương lở loét, người dân địa phương còn lấy hoa và lá của trà hoa vàng giã nhỏ đắp lên vết thương, mỗi ngày thay 2 - 3 lần, sau 2 - 3 ngày, vết thương sẽ khô và liền da... Giá trị dễ nhận thấy nhất của các loài thuộc chi Camellia là làm cây cảnh. Màu vàng của trà hoa vàng rất đặc trưng, khó có thể tạo được bằng phương pháp lai tạo nên càng thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà lai tạo giống trà trên thế giới.

Trà hoa vàng thuộc chi Trà (Camellia), họ Trà (Theaceae), có nguồn gốc ở khu vực miền



▲ Trà hoa vàng được xem như một loại “thần dược” quý hiếm

Đông và miền Nam châu Á, từ dãy Himalaya về phía Đông tới Nhật Bản và Indônêxia với khoảng 100 - 250 loài đã được thống kê. Đây là loài thân gỗ nhỏ, cao khoảng 2 - 5 m, cành thưa, vỏ cây màu vàng xám nhạt, ưa khí hậu nóng ẩm, thường mọc ở nơi đất tối xốp bên bờ suối có bóng râm, thoát nước tốt. Trà có lá đơn mọc cách, dài hẹp hình tròn. Hàng năm, cứ đến tháng 4, tháng 5 đâm lộc, ra lá mới, sau 2 - 3 năm lá già rụng. Mùa ra hoa của chúng kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 âm lịch năm sau. Hoa trà có màu vàng, đỏ và trắng (chủ yếu là màu vàng ánh kim), với đường kính từ 5 - 6 cm, dạng cốc hoặc bát. Sau khi thu hái được trà hoa vàng, người dân cho vào ống tre nửa, dùng lá cây nút lại để đảm bảo bông hoa luôn tươi ngon. Do người dân địa phương không có dụng cụ và công nghệ để chế biến nên thường bán nguyên liệu tươi cho thương lái. Giá

thu mua trà tùy thuộc vào chất lượng sản phẩm. Loại 1 có giá từ 3 - 5 triệu đồng/kg, loại 2 từ 2 - 3 triệu đồng/kg, loại 3 từ 1,5 - 2 triệu đồng/kg. Còn hoa trà khô có giá từ 5 - 8 triệu đồng/kg, loại đã qua chế biến có thể lên đến 12 triệu đồng/kg. Hiện ở Quế Phong có 5 cơ sở chế biến thô và một nhà máy thu mua sản phẩm trà hoa vàng từ người dân. Các cơ sở sau khi mua trà từ người dân sẽ tiến hành phân loại và sơ chế, bán lại cho các thương lái để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu sang Trung Quốc, Malaixia, Nhật Bản... Mỗi vụ ra hoa, người dân trên địa bàn huyện thu hái được khoảng 5 tấn nguyên liệu, thu nhập gần 10 tỷ đồng. Từ một loài cây mọc tự nhiên trên đồi núi, cây trà hoa vàng đã được huyện Quế Phong bảo tồn và phát triển, phục vụ cho bào chế dược liệu, mở ra hướng làm giàu mới... Ngoài lợi ích về mặt kinh tế, cây trà còn góp phần BVMT sinh thái, làm



tăng độ che phủ rừng, giữ đất, nước ở các vùng đồi núi dốc.

Để phát triển cây trà hoa vàng, tháng 4/2016, UBND huyện Quế Phong đã đưa loài cây này vào Đề án bảo tồn và phát triển cây được liệu có giá trị kinh tế cao giai đoạn 2016 - 2020. Mục tiêu của Đề án là đến năm 2020, phấn đấu trồng được 5 ha cây trà hoa vàng. Riêng năm 2017, mục tiêu trồng được 1 ha, nhưng hết năm mới trồng được 0,5 ha do gặp nhiều khó khăn trong quá trình vận chuyển giống và điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng.

Cùng với đó, các xã có cây trà cũng tích cực vận động người dân bảo vệ và phát triển loài cây này. Tại xã Thông Thụ, hàng năm, trong nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển xã hội của địa phương đều nhắc đến nhiệm vụ bảo vệ và phát triển cây trà hoa vàng. Mới đây, xã cũng đã cho người dân ký cam kết không đào gốc, chặt phá cây trà, coi đây là cây đặc sản quý mà thiên nhiên ban tặng. Cùng với đó, hiện đã có một số vườn ươm đang nhân giống và bán cây trà hoa vàng - đây là mô hình hay, cần được đẩy mạnh và khuyến khích để mở rộng vùng trồng, qua đó, góp phần bảo tồn được nguồn gen quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng. Hay ở xã Đồng Văn, cán bộ Sở KH&CN Nghệ An đã tiến hành khảo sát, thu thập số liệu về quá trình sinh trưởng của cây. Qua đó, Sở tiến hành xây dựng vườn ươm cây tại khu vực lòng hồ thủy điện Hủa Na. Đây được kỳ vọng sẽ tạo ra được nguồn cây giống để cung cấp cho người dân. Tuy nhiên, cùng với việc chưa chủ động được nguồn cây giống (chủ yếu phụ thuộc vào việc tìm cây con trong rừng đem về), theo chính quyền các địa phương có cây trà hoa vàng, điều khó khăn nhất là việc mở rộng diện tích để trồng trà.

Trong thời gian tới, để bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trà hoa vàng, tỉnh Nghệ An cần tiếp tục triển khai các giải pháp như: Ứng dụng KH&CN hiện đại kết hợp hài hòa với tri thức truyền thống trong bảo tồn và sử dụng nguồn gen; Có cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp vào đầu tư; Xây dựng cơ sở dữ liệu và thông tin, phục vụ bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn gen cây một cách hợp lý. Đặc biệt, trước mắt, huyện cần quan tâm khuyến khích các hộ dân bảo tồn những khu vực đã có trà, vùng nào có mật độ dày thì hỗ trợ chính sách khoanh nuôi để bảo vệ, trồng dặm bổ sung thành vùng tập trung theo quy hoạch để đảm bảo vùng nguyên liệu ổn định...

HOA VŨ

Hành trình khởi nghiệp từ “Cuộc cách mạng một cộng rơm”



▲ Nông trại Hón Mũ tạo công ăn việc làm cho nhiều người dân địa phương

Được truyền cảm hứng từ cuốn sách nổi tiếng thế giới “Cuộc cách mạng một cộng rơm”, Lê Xuân Hà, quê ở làng Hón Mũ, xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa, không chỉ tiên phong trong việc tạo ra một không gian sống mới “hoàn toàn thuận theo tự nhiên”, mà còn cung cấp ra thị trường nhiều sản phẩm tận dụng vật liệu từ thiên nhiên, gắn gũi với con người. Sau 5 năm theo đuổi đam mê, anh được cộng đồng biết đến với vai trò là người sáng lập Nông trại Hón Mũ; xưởng thủ công handmade Crafts và Cửa hàng tinh dầu.

SỐNG CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI THIÊN NHIÊN

Lê Xuân Hà đã thi đậu hai trường đại học Hồng Đức và Hải Quan, từng là Bí thư chi đoàn và liên chi đoàn, nhưng năm 2014, Hà đã quyết định gác lại bút nghiên, trở về quê hương lập nghiệp. Không chấp nhận phương pháp làm nông theo kiểu lạm dụng hóa

chất bảo vệ thực vật của người dân địa phương, anh tập trung tìm hiểu kiến thức về cây xanh và thổ nhưỡng, bắt tay vào trồng cây keo tai tượng, tre, vầu, nứa.... phủ xanh toàn bộ 10 ha diện tích đất rừng của gia đình.

Cưới vợ, sinh con, Hà đón mẹ về ở cùng. Nhà neo người, cách xa thị trấn, rừng là thế giới sinh động nhất mà các thành viên trong gia đình anh có thể giao cảm. Hà đã thành lập Nông trại Hón Mũ, với mục đích, mọi người được trải nghiệm sống xanh cùng thiên nhiên. Đây không phải là địa điểm du lịch, nên chủ trại yêu cầu ở khách tham quan 3 điều kiện: Là người đồng cảm với sống xanh kiểu Hón Mũ; hạn chế mang tiền theo người; không mang mỹ phẩm và thực phẩm vào rừng. Nông trại Hón Mũ như “phiên bản thứ hai” của nông trại Fukuaka, do một người nông dân, đồng thời là nhà triết gia nổi tiếng Nhật Bản, tác giả cuốn sách “Cuộc cách mạng một cộng rơm” xây dựng.



Chi phí tại Hón Mũ gần như bằng 0, nhưng khách phải tự phục vụ những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống, từ tìm chỗ dựng lều trại, nấu ăn, trồng rau, câu cá... Hầu hết thực phẩm, đồ tiêu dùng đều được sản xuất tại chỗ. Gội đầu bằng bồ kết, tắm nước lá cây cỏ, kem đánh răng chế từ chanh muối với lá trầu không. Số tiền khách mang theo người thường để trước lúc về mua tinh dầu sả, đồ thủ công lưu niệm của nông trại làm quà. Trong quá trình tham quan, sống trải nghiệm, chủ và khách có thể cùng tập thiền, tọa đàm về sức khỏe, cây cối, cách tiết kiệm sinh khối (khối lượng hữu cơ đất tạo ra). Có nhiều người từ thành phố, ban đầu vì tò mò, sau đó thích thú mô hình sống xanh “xã hội mộng tưởng”, luyện kỹ năng tồn tại, đã đến làm nhà và ở lại, người ở lâu nhất tới 2 năm rưỡi. Tại Hón Mũ, có 7 ngôi nhà tranh nhỏ thì 4 ngôi là do khách tự dựng.

Nông trại của gia đình anh luôn mở để đón khách đến tham quan, sẵn sàng nhượng đất làm nhà cho những ai có cùng chí hướng đến đây gây dựng sự nghiệp. Hà đang cố gắng vận động 30 hộ dân trong bản thực hành lối sống có trách nhiệm bảo vệ rừng và môi sinh. Xa hơn, anh đang tìm giải pháp duy trì nghề thủ công, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Nhiều ngày anh lặn lội vào bản lấy hàng đi tiêu thụ, với ý thức tôn vinh sản phẩm nghề thủ công và tìm cách bán hàng, đảm bảo giá trị ngày công cho bà con đồng bào, nhất là thợ lành nghề.

XUỞNG THỦ CÔNG VÀ SẢN PHẨM ỐNG HÚT TRE THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Xung quanh Hón Mũ có nhiều bản làng của đồng bào dân tộc Thái, Mường, vì vậy, Hà học hỏi được nhiều kinh nghiệm trồng tre nứa và đan lát đồ thủ công mỹ nghệ. Để tiêu thụ lượng tre nứa quá tuổi trong rừng, Hà thử làm thìa muối, về sau thấy kích cỡ cây phù hợp để sản xuất các sản phẩm khác, anh quyết định mở xưởng thủ công, sản xuất thêm 10 mặt hàng như bàn ghế mây, xích đu, chõng, thìa, vỏ dao... Các sản phẩm này nhiều lần tham dự Hội chợ của tỉnh, huyện và nhận được phản hồi tốt từ khách hàng, trong đó, đáng chú ý nhất là sản phẩm ống hút tre.

Ý tưởng ống hút tre đến với Hà rất tình cờ. Trong một lần đi giao lưu tại cộng đồng Farm, anh được nghe câu chuyện về tác hại của những chiếc ống hút nhựa đối với môi trường



▲ Sản phẩm ống hút tre thân thiện với môi trường được cộng đồng sử dụng ngày càng nhiều

và sức khỏe con người, trong đầu anh đã thôi thúc suy nghĩ, cần phải làm gì đó để BVMT, bảo vệ sức khỏe người dân. Sẵn nguồn nguyên liệu tre, nứa, anh đã thử nghiệm làm ống hút bằng tre, hiện thực hóa ý tưởng. Tháng 9/2017, Lê Xuân Hà bắt đầu cung cấp ra thị trường những chiếc ống hút tre đầu tiên. Ban đầu, chỉ vài chục ống hút, nhưng 1 - 2 tháng sau, nhu cầu tăng dần lên vài trăm, vài nghìn chiếc. Mỗi ống hút tre phải trải qua 10 công đoạn, trong đó cầu kỳ nhất là khâu đánh bóng hai đầu hút, tận 2 lần cho nhẵn, trước khi đưa vào nồi hơi hấp khử trùng, sấy khô, phân loại rồi đóng gói. Thời kỳ đầu, khách thường xuyên phàn nàn sau vài lần dùng sản phẩm bị mốc, để khắc phục tình trạng này, khi xếp ống vào nồi luộc, Hà cho thêm ít muối trắng, vừa có tác dụng chống mốc, vừa chống mối mọt.

Hiện tại mỗi tháng xưởng sản xuất từ 50.000 - 100.000 ống, doanh thu khoảng 50 triệu, chủ yếu bán qua mạng xã hội facebook và một số lượng đáng kể xuất ra nước ngoài, thông qua đại lý thu mua. Niềm vui của anh không chỉ ở việc bán được sản phẩm, mà quan trọng hơn cả, với anh, việc cộng đồng sử dụng

ống hút tre nhiều, chứng tỏ họ đã có một nhận thức và quan tâm nhất định đến môi trường. Bởi vậy, trong khi nhu cầu tăng nhanh, nhưng khác với những nhà sản xuất khác, Hà không mở rộng quy mô, phát triển ồ ạt, mà anh nghiên cứu, xem xét nếu mở rộng sản xuất thì có tác động đến môi trường rừng và việc khai thác có đảm bảo tính bền vững với thiên nhiên hay không? Vì vậy, đến tận tháng 9/2018, Lê Xuân Hà mới chính thức mở rộng xưởng sản xuất ống hút tre, tạo công ăn việc làm ổn định cho 11 lao động địa phương, thu nhập bình quân từ 4,5 - 6 triệu/người/tháng.

Những việc làm của Hà tuy chỉ mới là bước khởi đầu nhưng rất ý nghĩa, đáng trân trọng, biểu dương. Anh có khát vọng chính đáng và luôn hướng tới kêu gọi thế hệ trẻ cùng chung tay BVMT bằng những hành động cụ thể, thiết thực. Với quan niệm, “thứ mình muốn là vô tận, dùng càng sớm thì càng thấy thỏa mãn”, Lê Xuân Hà cho biết, sẽ phát triển nông trại Hón Mũ thành một cộng đồng phi lợi nhuận, là nơi để mọi người được trải nghiệm cuộc sống gần gũi với thiên nhiên, từ đó thay đổi nhận thức và hành vi về BVMT. ■ **BÍCH PHƯƠNG**



Hướng tới một hành tinh không ô nhiễm

LÊ THỊ HƯỜNG

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chương trình Môi trường Liên hợp quốc vừa công bố báo cáo “Hướng tới một hành tinh không ô nhiễm”. Báo cáo là lời kêu gọi hành động vì một hành tinh không ô nhiễm; kêu gọi tới các Chính phủ, các cấp quản lý Trung ương và địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và mỗi cá nhân hãy hành động để ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm, cùng nhau làm sạch hành tinh.

Trong vài thập kỷ qua, khi mà nền kinh tế thế giới đạt tăng trưởng ấn tượng thì đi cùng với đó là sự bùng nổ ô nhiễm, gây tác động tới sức khỏe con người, hệ sinh thái và cách thức vận hành của hệ thống duy trì sự sống trên Trái đất. Mặc dù, ô nhiễm đã được giảm thiểu nhờ việc áp dụng công nghệ và chiến lược quản lý tiên tiến, song hàng năm ước tính vẫn còn 19 triệu trẻ tử vong do sử dụng tài nguyên thiên nhiên và tác động tới môi trường một cách không hợp lý. Nếu vẫn

duy trì mẫu hình sản xuất và tiêu dùng như hiện nay - nền kinh tế theo kiểu “khai thác - sử dụng - thải bỏ” sẽ tạo áp lực nghiêm trọng lên hành tinh đã quá ô nhiễm, điều này sẽ ảnh hưởng tới thế hệ hiện tại và thế hệ mai sau.

Ô nhiễm không phải là một hiện tượng mới, mà hoàn toàn có thể kiểm soát và phòng ngừa được. Sự nhận thức tốt, các kiểu mẫu sản xuất và tiêu thụ hợp lý cùng với những giải pháp công nghệ tiên tiến cho phép các quốc gia, thành phố, doanh nghiệp đạt được thành tựu trong cuộc chiến chống lại những vấn đề ô nhiễm nghiêm trọng. Điều đáng khích lệ là hiện nay đã có nhiều chính phủ, ngành công nghiệp và cá nhân công dân đang chuyển hướng sang cách thức quản lý

nguyên liệu theo hướng bền vững, sử dụng tài nguyên có hiệu quả, giảm thiểu chất gây hại đến môi trường, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, xây dựng nền kinh tế tuần hoàn như là sự chuyển đổi toàn diện hướng tới một nền kinh tế phát triển bền vững.

Thương mại có thể tạo ra áp lực lớn cho môi trường ở các nước khai thác và sử dụng quá nhiều tài nguyên. Nhưng thương mại cũng có thể đưa ra các giải pháp dưới dạng thúc đẩy yêu cầu những sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, năng lực để chiến đấu với ô nhiễm rất khác nhau ở mỗi khu vực, nhóm xã hội và giữa các giới. Ô nhiễm gây ra những tác động tiêu cực và những gánh nặng không giống nhau giữa

Không khí: 6,5 triệu người chết hàng năm liên quan đến ô nhiễm không khí, trong đó có 4,3 triệu do ô nhiễm không khí từ hộ gia đình; Nhiễm trùng đường hô hấp: Hàng năm, nhân loại bị giảm thọ hoặc sống trong tàn tật tới 52 triệu năm do những vấn đề về ô nhiễm trong nhà hoặc ô nhiễm không khí xung quanh, bao gồm cả việc hít khói thuốc thụ động; Bệnh phổi mãn tính gây giảm thọ 32 triệu năm hoặc sống trong tàn tật do ô nhiễm không khí trong nhà và môi trường lao động; Ô nhiễm tầng ô zôn mặt đất ước tính gây suy giảm sản lượng mùa màng tới 26% vào năm 2030.

Ô nhiễm biển và đại dương: 3,5 tỷ người sống phụ thuộc vào nguồn cung cấp thực phẩm từ biển nhưng biển đang được sử dụng như một bãi đổ thải lớn bao gồm cả chất thải rắn và nước thải; Có tới gần 500 điểm chết - khu vực có quá

ít ô xy cần cho sự sống của các sinh vật biển, trong đó có cả những loài có giá trị kinh tế; 4,8 - 12,7 triệu tấn chất thải nhựa được đổ vào đại dương hàng năm do việc quản lý chất thải yếu kém.

Ô nhiễm nước ngọt: 58% các bệnh tiêu hóa do thiếu nước sạch và các điều kiện vệ sinh và là nguyên nhân chính gây nên tình trạng trẻ sơ sinh bị chết non; 57 triệu năm bị giảm thọ hoặc sống trong tàn tật do sử dụng nước có chất lượng kém, không vệ sinh và các hoạt động nông nghiệp; 80% nước thải không qua xử lý được đổ thải ra môi trường

Hóa chất: Trên 100.000 người chết hàng năm do tiếp xúc với amiăng; Chì trong sơn đang ảnh hưởng tới sự phát triển trí tuệ của trẻ em; Trẻ em bị nhiễm độc do thủy ngân và chì gây ra những vấn đề về thần kinh và hệ tiêu hóa, tổn thương thận; Nhiều tác động của

hóa chất như gây rối loạn nội tiết và chất độc thần kinh, tiếp xúc lâu dài với thuốc trừ sâu lên sức khỏe con người, đa dạng sinh học và hệ sinh thái vẫn chưa được đánh giá đầy đủ.

Ô nhiễm đất: Các bãi thải lộ thiên và việc đốt chất thải rắn tác động tới cuộc sống, sức khỏe, sinh kế và tác động tới kết cấu và độ dinh dưỡng của đất; Việc sử dụng quá mức và không hợp lý các loại thuốc trừ sâu đang tác động tới sức khỏe của tất cả nhóm người từ nam giới, phụ nữ và trẻ em; Hóa chất tồn lưu đang đe dọa tới sức khỏe con người và môi trường.

Chất thải: 50 bãi thải lớn nhất có thể ảnh hưởng tới cuộc sống của 64 triệu người về sức khỏe, mạng sống và tài sản nếu xảy ra sự cố; 2 tỷ người không tiếp cận được tới các cách quản lý chất thải rắn và 3 tỷ người không tiếp cận được tới các cơ sở xử lý rác thải được kiểm soát



nam giới và phụ nữ, đặc biệt là với những nhóm nghèo, dễ bị tổn thương như người già, trẻ em và những người tàn tật, ảnh hưởng tới quyền của họ trong khả năng tiếp cận tới sự phát triển, sức khỏe, nước sạch, thức ăn, nhà cửa và việc bảo đảm tính mạng của mình. Ngoài ra, có rất nhiều các khu chôn lấp độc hại được đặt tại các khu vực nghèo khó gây nên sự bất bình đẳng về môi trường. Ô nhiễm gây ra những thiệt hại đáng kể về kinh tế xét trên phương diện những tổn thất về sức khỏe, suy giảm năng lực sản xuất, chi phí khám chữa bệnh và tổn hại hệ sinh thái. Những chi phí này rất lớn, đang có xu hướng gia tăng theo thời gian, không chỉ bởi những tác động trực tiếp từ ô nhiễm tới sức khỏe, mà còn bởi tác động do sinh kế bị suy giảm, cũng như những tác động lâu dài tới dịch vụ hệ sinh thái và ảnh hưởng tới cộng đồng, xã hội và nền kinh tế. Ô nhiễm gây ra những đe dọa trực tiếp tới việc tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy thực hiện quyền con người và bình đẳng giới, nghĩa vụ nhân quyền quốc tế liên quan đến sức khỏe, cuộc sống, thực phẩm, bảo đảm một môi trường lành mạnh và bền vững cho thế hệ hiện tại, tương lai, và đạt được cam kết của Chương trình nghị sự 2030 “không ai bị bỏ lại phía sau”.

Chính phủ, doanh nghiệp và người dân đã có những hành động đối phó với các vấn đề ô nhiễm hiện hữu, tuy nhiên, những hành động này vẫn còn hạn chế cả phạm vi và mức độ thực hiện. Những thỏa thuận về môi trường ở cấp khu vực và quốc tế đã đưa ra các khung hành động cơ bản, tuy nhiên vẫn còn đó những lỗ hổng như một số thỏa thuận được thiết kế trên cơ sở xác lập mục tiêu và theo thời gian, trong khi các thỏa thuận khác lại đưa ra những vấn đề về hành động tuân thủ, giám sát và báo cáo. Rất nhiều nước đã luật hóa, ban hành những chính sách và khung pháp lý quốc gia để thực hiện các thỏa thuận, cũng như để giải quyết những vấn đề ô nhiễm, nhưng cho đến nay, vẫn

chưa có một thỏa thuận bắt buộc về pháp lý để giải quyết có hệ thống vấn đề ô nhiễm. Những sáng kiến tự nguyện và liên minh toàn cầu - theo các chủ đề như cải thiện hiệu quả năng lượng, không khí sạch hơn - đã giải quyết một số những vấn đề cấp bách, nhưng vẫn còn đó rất nhiều việc cần phải làm để kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm.

Các thỏa thuận quốc tế về môi trường hiện nay và Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững đưa ra những cơ hội quan trọng nhằm tăng tốc những hành động để chống lại ô nhiễm và nâng cao sự thịnh vượng của loài người và cải thiện hệ sinh thái. Khung thỏa thuận quốc tế về các mục tiêu phát triển bền vững khuyến khích sự hiệp lực giữa việc đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh, nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi với các mục tiêu có liên quan nhằm “giảm bền vững số người chết và bị bệnh tật do hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, đất, nước” và các mục tiêu khác như về biến đổi khí hậu, chất

lượng không khí, phú dưỡng hay ô nhiễm vụn nhựa ở đại dương.

“Hướng tới một hành tinh không ô nhiễm” khuyến khích sự hiệp lực của hành động với toàn bộ hệ thống theo cách tiếp cận lập chính sách đa lợi ích xây dựng trực tiếp trên các mục tiêu môi trường đã được thống nhất toàn cầu, bao gồm cả những mục tiêu liên quan đến biến đổi khí hậu, giảm thảm họa, thiên tai và Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững, với các mục tiêu giảm ô nhiễm. Việc chuyển đổi sang một thế giới không còn ô nhiễm có thể tạo động lực để cải thiện và bảo đảm công bằng xã hội thông qua phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm mới, cải thiện năng lực sản xuất của nền kinh tế và bảo vệ quyền của thế hệ hiện tại và tương lai. Một hành tinh không còn ô nhiễm là sự bảo đảm tốt nhất cho sự sống, sự thịnh vượng của con người và hệ sinh thái ngay trong hiện tại và cả tương lai.

Để đạt được mục tiêu này, báo cáo đã đưa ra 5 thông điệp chính mang tính



▲ Tình trạng rác thải gây ô nhiễm môi trường biển đã tới mức báo động



bao quát gồm: Phòng ngừa ô nhiễm là ưu tiên hàng đầu, trong đó khuyến khích các nhà hoạch định chính sách lồng ghép giải pháp phòng ngừa trong quá trình xây dựng hoạch định chính sách ở cấp địa phương và quốc gia; Quản trị môi trường cần được đẩy mạnh ở các cấp với mục tiêu làm giảm các chất gây ô nhiễm, thông qua đánh giá rủi ro và tăng cường thực thi các quy định về môi trường; Sản xuất và tiêu dùng bền vững thông qua đẩy mạnh việc cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên và thay đổi lối sống, ưu tiên các biện pháp quản lý và giảm thiểu rác thải; Đầu tư vào tiêu dùng và sản xuất sạch hơn giúp giảm thiểu ô nhiễm, tăng cường đầu tư tài chính cho việc quan trắc, giám sát, xây dựng hạ tầng, quản lý và kiểm soát ô nhiễm; Đẩy mạnh sự hợp tác và tham gia của các bên có liên quan trong việc đổi mới, chia sẻ kiến thức và nghiên cứu toàn diện để phát triển các giải pháp công nghệ dựa trên đặc tính hệ sinh thái.

Báo cáo đưa ra khung hành động về kiểm soát ô nhiễm với trọng tâm là hành động kép mà các quốc gia thành viên và các bên liên quan với mong muốn hạn chế ô nhiễm trên toàn thế giới. Khung hành động bao gồm: Các biện pháp can thiệp dựa trên những đánh giá rủi ro và các bằng chứng khoa học về sự tác động, nhằm vào các chất gây ô nhiễm cũng như các thành phần bị ô nhiễm (không khí, nước, biển, đại dương, đất), bao gồm cả những nhóm có tính chất đan xen (hóa chất, chất thải); Sự chuyển đổi trên toàn hệ thống theo phương thức chuyển đổi nền kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên và công bằng hơn, sản xuất, tiêu dùng bền vững và tuần hoàn, cải thiện sự phục hồi của hệ sinh thái để hỗ trợ cho việc phát triển sạch và bền vững hơn.

Hành động kép này được hướng dẫn bởi 2 yếu tố khác của khung hành động gồm: 5 nguyên tắc đưa ra tại Tuyên bố Rio và Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững (thống nhất, bền vững, tích hợp, ngăn ngừa và toàn diện). Các hành động hỗ trợ rộng hơn nhằm mục tiêu thay đổi các ưu đãi, sửa đổi chính sách...

Với những ví dụ và chỉ dẫn cụ thể, báo cáo sẽ là cuốn cẩm nang định hướng hành động cho các quốc gia trong cuộc chiến chống lại ô nhiễm, hướng tới một hành tinh không ô nhiễm, bảo đảm cho sự thịnh vượng của loài người thế hệ hiện tại và trong tương lai■

MÔ HÌNH THÀNH PHỐ KHÔNG KHÓI:

Giải pháp hiệu quả phát triển du lịch bền vững



▲ Hệ thống xe đạp dành cho khách du lịch tại các cửa nhà ga của TP. Barcelona (Tây Ban Nha)

Để phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã xây dựng mô hình “TP không khói” và xem đây là giải pháp hiệu quả vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa nâng cao vị thế, hình ảnh của TP, cũng như quốc gia, góp phần thu hút khách du lịch.

London (Anh) là TP đi đầu trên thế giới trong nỗ lực kiến tạo “TP không khói”, với nhiều chính sách quyết liệt. Năm 2008, TP đã trang bị hệ thống camera trên các tuyến đường giao thông để chụp hình các xe tải, xe buýt nhằm kiểm tra các xe này có đạt tiêu chuẩn phát thải châu Âu hay không, bất kỳ phương tiện nào mà phát hiện vi phạm phải chịu phạt 200 bảng Anh (tương đương 331 USD). Đến năm 2015, TP đã xác định và khoanh vùng 2 “khu vực phát thải thấp” ở trung tâm TP nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. TP quy định xe chạy nhiên liệu diesel trong

2 khu vực trên phải đáp ứng tiêu chuẩn phát thải và trả phí hàng ngày; các công trình xây dựng trong khu vực phải sử dụng thiết bị hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường; công ty xây dựng phải kiểm soát bụi và chất thải chặt chẽ trong quá trình xây dựng.

Để tăng cường giảm ô nhiễm môi trường do khí thải từ các phương tiện giao thông ở khu vực trung tâm TP, tháng 10/2017, chính quyền TP. London đã áp dụng một loại thuế mới là T-charge (thuế độc hại) đối với tất cả xe chạy động cơ chạy bằng dầu diesel và xăng đăng ký trước năm 2006. Theo đó, các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu là dầu diesel và xăng, được sản xuất trước năm 2006, không đáp ứng tiêu chuẩn “Euro 4” của châu Âu bị áp thuế T-charge, với mức 10 bảng Anh/ngày/1 lần vào nội đô. Để thu phí, khu vực nội đô được khoanh vùng và đặt



camera ở cửa ngõ Thủ đô nhằm kiểm soát lưu lượng giao thông từ 7h - 18h của các ngày trong tuần. Camera sẽ tự động theo dõi, chụp biển xe, sau đó, lái xe, chủ xe phải trả tiền trong ngày.

Cũng giống như London, Pari - Thủ đô hoa lệ của nước Pháp, nơi được mệnh danh là kinh đô ánh sáng đã có nhiều giải pháp nhằm BVMT, thu hút du khách. Tháng 8/2015, Chính phủ Pháp đưa ra quy định về vùng môi trường, trong đó tập trung ưu tiên vào việc hạn chế khí thải từ các phương tiện giao thông. TP đã lắp đặt hệ thống đo lường độ ô nhiễm không khí ở nhiều nơi trong nội đô, qua đó, điều chỉnh lưu lượng, hạn chế phương tiện giao thông cá nhân gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, TP còn áp dụng hệ thống phân loại phương tiện giao thông với 5 cấp độ khác nhau về tác động môi trường; ban hành lệnh cấm xe ô tô đi vào các quận trung tâm dịp cuối tuần, cấm xe theo ngày chẵn, lẻ và tăng cường xe bus, đặc biệt là xe đạp điện tự phục vụ. Để khuyến khích người dân tăng cường sử dụng phương tiện giao thông công cộng, Pari đã thực hiện chương trình trợ giá, hoặc miễn phí đối với các đối tượng trong gia đình đông con, sinh viên, người hưu trí sử dụng phương tiện công cộng.

Với nỗ lực đem lại môi trường trong lành cho người dân và khách du lịch, một số TP trên thế giới đã sửa chữa, biến các tuyến đường giao thông thành công viên công cộng, để giảm thiểu lưu lượng phương tiện giao thông và cải thiện chất lượng không khí, trong đó có TP. Seoul (Hàn Quốc). Năm 1976, tại Seoul, tuyến cao tốc trên cao dài 6 km đã được xây dựng, với hy vọng thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, nhưng đến năm 2003, Thị trưởng TP. Seoul đã quyết định phá bỏ đường cao tốc trên để xây dựng một công viên xanh, thân thiện với môi trường và khôi phục dòng sông Cheonggyecheon từng bị vùi lấp trong quá trình xây dựng đường. Dự án này đã cung cấp thêm không gian xanh và đường thủy nội đô nhân tạo, cải thiện luồng giao thông, góp phần nâng cao hình ảnh của Seoul và giúp quảng bá du lịch. Không chỉ Seoul, chính quyền TP. New York (Mỹ) đã có hành động tương tự trong nỗ lực kiến tạo một “TP khói” khi

khôi phục thành công nhiều con sông tại Seattle.

Để cải thiện tình trạng các dịch vụ du lịch gây tác động xấu đến môi trường, nhiều TP như Stöckholm (Thụy Điển), Barcelona (Tây Ba Nha), Rio de Janeiro (Braxin)... đã nỗ lực xây dựng hình ảnh TP thân thiện với môi trường thông qua việc sử dụng xe đạp là loại phương tiện chính dành cho khách du lịch. Với chính sách rõ ràng, đầu tư vào cơ sở hạ tầng cho xe đạp, Barcelona được đánh giá là một trong những TP thực hiện thành công phong trào du lịch xanh bằng xe đạp. Từ năm 2007 đến nay, TP đã bắt đầu đầu tư hệ thống xe đạp chung với tên gọi là “Bicing”, cung cấp 6.000 xe đạp đồng nhất 2 màu trắng, đỏ tại 420 nhà ga trên khắp TP. Barcelona giờ đây đã trở nên sạch, đẹp hơn bởi người dân và du khách đều lựa chọn xe đạp làm phương tiện chính đi quanh TP.

Tại Rio de Janeiro (Braxin), xe đạp cũng là loại hình di chuyển chính của người dân và du khách dạo chơi quanh TP biển xinh đẹp này. Du khách sẽ tìm thấy làn đường dành riêng cho xe đạp quanh những bãi biển và có thể thuê tại các cửa hàng trong TP. Rio de Janeiro, có khoảng 60 cửa hàng cho thuê xe đạp để thuận tiện cho du khách sử dụng.

Cũng là một TP ở Braxin, nhưng tại Curitiba, phương tiện vận chuyển chủ yếu trong TP lại là hệ thống xe bus siêu nhanh. Curitiba là một trong những TP xanh nhất trên thế giới, với 16 công viên, 14 khu rừng, hơn 1.000 khu vực trồng cây và thảm thực vật. Trung tâm TP hoàn toàn cấm xe ô tô đi lại và TP còn phát

triển mạng lưới giao thông dưới lòng đất. Mặc dù được đánh giá là một TP giàu có với tỷ lệ người sở hữu ô tô riêng cao nhất tại Braxin, nhưng số người sử dụng giao thông công cộng tại Curitiba lại chiếm tới 70%. Nhờ đó, tắc nghẽn giao thông ở TP được hạn chế, giúp giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và cải thiện chất lượng không khí. Nhằm gia tăng chất lượng cuộc sống của người dân, Curitiba đã phát triển các mảng xanh và cơ sở hạ tầng, tiện nghi vui chơi giải trí trong TP, gồm công viên, một số tuyến đường dành cho người sử dụng xe đạp. Mặt khác, do địa hình Curitiba được bao bọc bởi nhiều con sông nên TP đã kiểm soát lũ lụt bằng hệ thống thoát nước tự nhiên. Các khu vực bờ sông được chuyển đổi thành công viên, các hồ chứa được xây dựng làm nơi chứa nước. Sông và nước mưa được giữ lại trong các hồ, công viên bao quanh hồ. Nhờ những giải pháp trên, hình ảnh TP. Curitiba ngày càng Xanh - Sạch - Đẹp trong mắt khách du lịch, tạo sức hấp dẫn riêng cho du khách đến khu vực châu Mỹ.

Nhìn chung, việc phát triển du lịch bền vững song hành với BVMT đang là bài toán đặt ra cho nhiều TP trên thế giới. Lựa chọn một hướng đi mới như mô hình “TP không khói” của các TP trên là một giải pháp thiết thực, vừa đem lại hiệu quả kinh tế, vừa giải quyết được bài toán này, kèm theo đó là các chính sách phát triển dịch vụ du lịch hợp lý sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, thu hút du khách đến với TP và quảng bá hình ảnh của các TP ra thế giới■

NGUYỄN THANH NGÀ



Khách sạn sinh thái - Mô hình kinh doanh lưu trú có trách nhiệm với môi trường



Khách sạn sinh thái (KSST) là mô hình kinh doanh lưu trú có trách nhiệm với môi trường, tuân thủ các nguyên tắc về thực hành sống xanh và được cấp chứng nhận bởi một đơn vị độc lập hoặc quốc gia sở tại. Loại hình bất động sản này thường nằm giữa thiên nhiên nhưng đôi khi lại tọa lạc ở những địa điểm ít “mang tính tự nhiên” hơn như thành phố; song trong cả hai trường hợp thì chủ đầu tư đều phân bổ một nguồn lực lớn cho việc hoàn thiện các tiêu chí xanh của công trình.

Mô hình KSST đã nhận được sự tán thưởng nhiệt liệt từ các nhà đầu tư, các nhà điều hành và những du khách có tư tưởng hiện đại do nó thúc đẩy nhiều sáng kiến vì trách nhiệm xã hội, BVMT và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân địa phương bằng cách mang lại cho du khách những trải nghiệm nghỉ dưỡng chân thực và độc đáo. Nhiều khách sạn hiện nay không chỉ dừng lại ở việc BVMT theo cách đơn thuần

như giảm thiểu phát thải khí các bon, mà còn đa dạng các hoạt động mang tính bền vững trong suốt quá trình phát triển và vận hành khách sạn từ việc thiết kế nương theo tự nhiên, sử dụng vật liệu và cách thức xây dựng bền vững, tiết kiệm năng lượng, cho tới giới thiệu các loại thực phẩm hữu cơ tự trồng và các chương trình chăm sóc sức khỏe.

Ở quy mô toàn cầu, Marriott Hotels & Resort được ghi nhận bởi những cam kết giảm thiểu tiêu hao năng lượng và nguồn nước, trao quyền cho đối tác xây dựng các bất động sản xanh và giáo dục khách hàng tiết kiệm năng lượng trong thời gian lưu trú. Tại châu Á, ngành công nghiệp

khách sạn đã bắt đầu áp dụng các thực hành xanh tích cực hơn kể từ khi chương trình “Sáng kiến vì môi trường trong lĩnh vực khách sạn tại châu Á - Thái Bình Dương” ra mắt vào năm 1994. Đi đầu xu hướng là các nhà điều hành khách sạn ở phân khúc xa xỉ và cao cấp như Shangri-La Hotels & Resorts, Mandarin Oriental Hotels và Okura Hotels & Resorts. Ở Đông Nam Á, trào lưu này tiếp tục nổi lên mạnh mẽ sau khi “Tiêu chuẩn Khách sạn Xanh tại ASEAN” được ban hành vào năm 2016, nhằm tôn vinh các khách sạn đảm bảo những tiêu chuẩn về thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.



XU HƯỚNG BỀN VỮNG

Trên toàn châu Á, xu hướng này đang thu hút nhiều nhà điều hành danh tiếng của khu vực, tiên phong là Six Senses Hotels Resorts Spas và Banyan Tree Hotels & Resorts. Cả hai tập đoàn nói trên đều đã đưa các sáng kiến xanh trở thành một phần cốt lõi trong chiến lược phát triển của mình.

Kể từ khi thành lập vào năm 1995, Six Senses đã hướng tới việc tạo ra những trải nghiệm sáng tạo và phong phú cho du khách, gắn liền với phát triển môi trường bền vững. Về mặt quản trị và cơ cấu, Six Senses có một đơn vị chuyên trách, đứng đầu là Phó Chủ tịch Phát triển bền vững và bên dưới là đội ngũ điều phối viên về các vấn đề môi trường và xã hội ở cả trụ sở chính của tập đoàn và các khu nghỉ dưỡng, để thực hiện các chính sách xanh của tập đoàn và những sáng kiến ở cấp độ khu nghỉ dưỡng. Nhà điều hành này cũng đóng góp 0,5% doanh thu hàng năm cho Quỹ Trách nhiệm xã hội và môi trường, trong đó 60% là các dự án phát triển bền vững tại địa phương. Đồng thời, Six Senses giảm thiểu những tác động lên hệ sinh thái bằng chương trình tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng và tái chế, các chính sách mua hàng có trách nhiệm và sử dụng các loại thực phẩm hữu cơ được sản xuất tại địa phương; song song với thúc đẩy các thực hành du lịch bền vững thông qua chương trình du lịch cộng đồng kết hợp với bảo tồn di sản văn hóa và đa dạng sinh học cả trên đất liền và dưới nước. Đối với xây dựng bền vững, Six Senses sử dụng các nguyên vật liệu tái chế như gỗ, gạch không nung, bùn và cỏ tranh; từ chối phát triển khu vực câu cá và săn gôn vì cho rằng chúng hủy hoại môi trường, đặc biệt là sử dụng thuốc trừ sâu hoặc thuốc diệt cỏ để duy trì sân gôn.

Trong khi đó, Banyan Tree lại tiếp cận xu hướng bền vững bằng cách ngăn ngừa những tác động có thể lên môi trường trong quá trình vận hành khách sạn, và luôn tích cực tham gia bảo vệ cũng như khôi phục hệ sinh thái toàn cầu. Theo đó, tập đoàn này đã thực hiện các chương trình khôi phục loài vượn và trồng rừng ngập mặn ở Phuket, bảo vệ voi và tổ chức các sự kiện gây quỹ ở Bangkok, đồng thời hỗ trợ các nghiên cứu và bảo tồn biển. Chương trình Hoạt động bền vững dành cho khách hàng của Banyan Tree được phát triển trên toàn hệ thống thông qua các ý tưởng sáng tạo như nấu ăn bằng năng lượng mặt trời tại các buổi triển lãm ẩm thực hoặc kết hợp với cộng đồng địa phương

để làm sạch môi trường. Bên cạnh Quỹ Toàn cầu Banyan Tree, nhà điều hành này cũng hợp tác với EarthCheck để đánh giá và cấp chứng nhận xanh cho các khu nghỉ dưỡng, khởi động các chương trình làm việc vì sự phát triển bền vững của ngành khách sạn, và gắn nỗ lực của doanh nghiệp mình với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

ÁP DỤNG THỰC HÀNH XANH

Những sáng kiến xanh đạt quy mô rộng hơn trên toàn ngành công nghiệp khách sạn khi nhiều bất động sản độc lập cũng tích hợp các thực hành bền vững vào chiến lược phát triển cốt lõi của mình. Trong đó, Song Saa Private Islands, một khu nghỉ dưỡng dành cho các khách hàng giàu có tại quần đảo Koh Rong, Campuchia, đã và đang thiết lập tiêu chuẩn cho các khu nghỉ dưỡng sinh thái xa xỉ trên khắp Đông Nam Á. Bắt nguồn từ ý tưởng bền vững, thiên đường nghỉ dưỡng này được xây dựng với gỗ, đồ trang trí tái chế và đồ nội thất tái sử dụng do các thợ thủ công địa phương thực hiện; đồng thời cam kết chặt chẽ đối với phát triển bền vững thông qua các dự án bảo vệ rạn san hô, môi trường biển và rừng nhiệt đới. Một ví dụ khác là Dami Lovina Villas ở Bali, Indônêxia, đã giảm thiểu hiệu quả sự lãng phí nước và năng lượng cũng như triển khai thực hành canh tác bền vững. Khu nghỉ dưỡng này hợp tác với một trung tâm nghiên cứu ở địa phương cho ra đời các sản phẩm gia dụng và nông nghiệp an toàn với môi trường, sử dụng phương pháp canh tác bền vững để

giảm tiêu thụ nước và tăng cường sức chống chịu của cây trồng, đồng thời dùng phân ủ thay cho phân bón hóa học. Những nỗ lực tái chế của khu nghỉ dưỡng Dami Lovina Villas giúp họ không cần phải gửi chất thải rắn đến chôn ở bãi rác nằm cách đó bảy giờ lái xe. Tương tự, song song với vận hành bền vững và các chương trình giáo dục về môi trường, El Nido Resort tỉnh Palawan, Philippin đã tích cực bảo vệ các khu vực sinh sống của loài sò tai tượng và hỗ trợ khôi phục loài vẹt đuôi dài đang có nguy cơ tuyệt chủng.

HƯỚNG ĐI CHO KHÁCH SẠN SINH THÁI

Trong hơn một thập kỷ qua, mô hình KSST đã phát triển rộng khắp ngành công nghiệp toàn cầu và thúc đẩy triển khai các thực hành xanh một cách đa dạng ở nhiều khu vực địa lý khác nhau. Trong bối cảnh các vấn đề về môi trường ngày càng gia tăng trên toàn thế giới và đô thị hóa bùng nổ ở các nước đang phát triển, đặc biệt là châu Á, yêu cầu phát triển du lịch bền vững trở nên hết sức cấp thiết. Điều này đặt các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn trước sự thúc ép của các chính sách từ chính phủ, yêu cầu của khách hàng và thị trường có tính cạnh tranh để ưu tiên phát triển các hoạt động bền vững. Từ đó, biến những thành tựu đáng kể và trải nghiệm du lịch độc đáo của phân khúc này thời gian gần đây thành nền tảng vững chắc để thu hút các khách sạn thành phố, vốn đang yếu thế hơn, tham gia vào xu hướng bền vững này.

NHÂM HIỂN



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Nguyễn Việt Anh**

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Thế Chinh**

Prof. Dr. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Assoc. Prof. Dr. **Lê Thu Hoa**

Prof. Dr. **Đặng Huy Huynh**

Assoc. Prof. Dr. **Phạm Văn Lợi**

Assoc. Prof. Dr. **Phạm Trung Lương**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc. Prof. Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc. Prof. Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc. Prof. Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Assoc. Prof. Dr. **Trịnh Văn Tuyên**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (024) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (024) 66569135

Editorial board: (024) 61281446

Fax: (024) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 907, 9th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: (028) 66814471; Fax: (028) 62676875

Email: tcmtphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

*Party's General Secretary, President
Nguyen Phu Trong launches
"Tree planting festival in the memory
of Uncle Ho" in Yen Bai Province*
Photo by: VNA

Processed & printed by:

Hải Anh Co., Ltd

Nº 2/2019

Price: 20.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [6] ● Tree planting festival in the memory of Uncle Ho
- [8] **NGUYỄN THỊ KIM HOA:** Tree planting and reforestation- Vietnam's beautiful cultural identity in Spring
- [10] **PHẠM THỊ VUI:** Visiting the banyan tree planted by Uncle Ho in the 1st tree planting festival
- [12] ● MONRE's New year meeting with international partners
- [14] **TRỊNH THANH THỦY:** Increasing environmental communication effectiveness
- [15] **VŨ NGỌC LÂN:** Whatever happens in the future...



LAW - POLICY

- [17] **LÊ HOÀNG ANH - MẠC MINH TRÀ:** Strengthening hazardous waste collection and treatment
- [20] **NGUYỄN THỊ NGÀ:** Ensuring unity and consistency in endangered forest fauna and flora in Vietnam
- [22] **NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG:** Bac Ninh enhances waste water management in craft villages in Cau River Basin
- [26] **NGUYỄN THẾ:** Strengthening solid waste collection and treatment in Phu Quoc Island



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [26] **NGUYỄN THANH TÙNG:** Need for issuing technical regulations on marine submerging management in Vietnam
- [28] **NGUYỄN THỊ PHÚ HẠ:** Increasing social organization participation in water resources management in Mekong Delta
- [30] **TRẦN BÍCH HỒNG - TRẦN THỊ GIANG:** Some international experience in apply economic instruments in environmental incident prevention and control and lessons for Vietnam
- [33] **TRẦN NGỌC LINH:** Developing smart cities toward green and sustainable growth



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [36] **TRƯƠNG THỊNH:** Solar water filter systems bring about clean water for children in Central Highland
- [38] **TRƯƠNG THỊ GIANG:** Environmental protection in incense manufacturing village of Quang Phu Cau
- [39] **CAO VĂN LƯƠNG - CHU THẾ CƯỜNG:** Ecological status of sea grass in Cu Lao Cham marine protected area and solutions
- [41] **LÊ VĂN TÙNG:** New rural development contributing to sustainable development in Quang Xuong, Thanh Hoa



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [43] **ĐỖ TẤT VIỆT:** Joining in protecting lakes in Hanoi
- [45] **NGUYỄN THANH GIANG:** Miza Joint stock company ensures business development and environmental protection



ENVIRONMENT AND DEVELOPMENT

- [46] **NGUYỄN THỊ THU HẠ:** Conserving and developing Ngoc Linh ginseng integrated with environmental protection in Kontum
- [49] **PHẠM BẮC:** Lessons from elderly lady's voluntary waste cleaning in 12 years
- [50] **NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG:** Forest protection and development model in Bac Huong Hoa
- [52] **HOA VŨ:** Conserving and developing Camellia Chrysantha genes in Nghe An
- [53] **BÍCH PHƯƠNG:** Start up from one straw revolution



AROUND THE WORLD

- [55] **LÊ THỊ HƯỜNG:** Toward pollution free planet
- [57] **NGUYỄN THANH NGÀ:** Smoke free cities: effective model for tourism cities
- [59] **NHÂM HIỂN:** Ecological hotel - The business accomodation model responsible with environment



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386 đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: (84-204) 385 5757 * Fax: (84-204) 355 4717

Email: capnuocbg@gmail.com * Website: bacgiangwsc.com.vn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang tiền thân là đội Xây dựng công trình 76 thuộc Công ty Xây dựng tỉnh Hà Bắc được thành lập ngày 18 tháng 10 năm 1976. Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, Công ty đã từng bước phát triển ngày càng lớn mạnh.

Trong những năm gần đây, Công ty luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, giá trị sản xuất kinh doanh năm sau cao hơn năm trước, nộp ngân sách luôn đảm bảo và vượt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV không ngừng được cải thiện, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Bắc Giang và của Tỉnh nói chung.

Song song với hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững, Công ty nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường cũng như trách nhiệm xã hội. Vì mục tiêu chung là bảo vệ môi trường và nguồn nước, vì sự phát triển bền vững của đơn vị, Công ty luôn bảo đảm và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật, các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên nước như nộp đầy đủ các khoản phí: Phí nước thải sinh hoạt, phí nước thải công nghiệp, thuế

tài nguyên, phí bảo vệ môi trường rừng...

Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ các báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải trước khi chảy ra ngoài môi trường. Trong thành phần nước thải không có chất độc hại, chất thải thuộc danh mục cấm và được xử lý cơ bản đạt QCVN hiện hành theo quy định trước khi chảy ra ngoài môi trường. Do vậy sẽ không ảnh hưởng đến môi trường cũng như hệ sinh thái thủy sinh thuộc khu vực.

Công ty luôn cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ môi trường gắn liền với công tác cộng đồng xã hội: cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe người lao động; chủ động phòng ngừa, giảm ô nhiễm môi trường lao động; phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi có lợi và bền vững về công tác bảo vệ môi trường cho đội ngũ CBCNV trong toàn Công ty, góp phần nâng cao nhận thức của toàn thể CBCNV về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.



Trụ sở Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang



Toàn cảnh khu xử lý

ỐNG GANG CẦU XINXING PHỤC VỤ RỘNG RÃI TRONG NGÀNH CẤP NƯỚC TẠI ĐÔNG NAM Á

Xinxing Ductile Iron Pipes Co., Ltd. (XINXING) là nhà sản xuất ống gang cầu lớn nhất trên thế giới, đồng thời là một trong năm trăm doanh nghiệp lớn mạnh trên thế giới. Năng suất ống gang cầu hàng năm đạt 3.000.000 tấn, phụ kiện gang cầu đạt 80.000 tấn. XINXING có 08 nhà máy sản xuất ống và phụ kiện gang cầu tại Trung Quốc: Hàm Đan – Hà Bắc, Vu Hồ – An Huy, Hoàng Thạch – Hồ Bắc, Korla – Tân Cương, Tịch Dương – Hồ Nam, Dương Giang – Quảng Đông, Sùng Châu – Tứ Xuyên, Lữ Lương – Sơn Tây. Sản phẩm XINXING đã xuất khẩu sang 136 nước và khu vực trên thế giới.

Được biết, thương hiệu XINXING đã có 16 năm kinh nghiệm cung cấp sản phẩm ưu việt cho thị trường Việt Nam. Năm 2018, sản lượng ống gang cầu XINXING tại thị trường Việt Nam đã có bước đột phá đạt 38.000 tấn. Sản phẩm XINXING được sử dụng trong nhiều dự án cấp thoát nước ở rất các thành phố lớn tại Việt Nam, như: Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Dương, Phú Thọ, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Nam, Nha Trang, Đà Lạt, Đồng Nai, Buôn Mê Thuột, Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Kiên Giang, Tây Ninh, Ninh Thuận... XINXING có mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với nhiều Công ty cấp nước tại Việt Nam. Ngoài ra, XINXING cũng cấp hàng cho những nước ASEAN khác, như là: Thái Lan, Philipin, Myanma, Indonesia, Malaysia... và có những mối quan hệ lâu dài, tốt đẹp với các công ty cấp nước ở mỗi quốc gia sở tại, ví dụ như: Kuala Water supply Co., Ltd., PT. Bumi Dinamika Indah, The Provincial Waterworks Authority, Manilad Water company, Pan Asian Water Solutions Ltd, Hengyi Petrochemical Co., Ltd., Vientiane Water and Environment Engineering State Enterprise, Yangon City Development Committee....

XINXING có thể cung cấp ống gang cầu với các lớp phủ và mối nối đa dạng, đường kính từ DN80-DN2600mm, chiều dài 6-8.15m, sản xuất đồng bộ



Chứng chỉ chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế BV cho sản phẩm XINXING

ống, phụ kiện gang cầu và gioăng. Sản phẩm ống và phụ kiện gang cầu XINXING sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế: ISO2531, BSEN545, ISO4179, ISO8179.... Sản phẩm của XINXING thông qua cơ quan chứng nhận WRAS của Anh quốc về xi măng bền sunfat, gioăng cao su, lớp phủ epoxy và sơn tổng hợp, đạt chứng nhận WRAS. Chứng nhận này chứng minh rằng nó có thể tiếp xúc với nước và đảm bảo sự an toàn của nước uống.

XINXING sản xuất và cung cấp các sản phẩm đảm bảo chất lượng cao, thời gian giao hàng nhanh chóng, đồng thời cung cấp dịch vụ tư vấn trước bán hàng chuyên nghiệp và dịch vụ hậu mãi hoàn hảo. XINXING cử các kỹ sư chuyên nghiệp thực hiện hướng dẫn đỡ hàng tại cảng và lắp đặt thi công tại chỗ cũng như các dịch vụ hậu mãi khác.

XINXING thực hiện trách nhiệm đối với xã hội bằng những hành động thực tế, mang lại nguồn nước an toàn và chất lượng cuộc sống.



Hướng dẫn đỡ hàng tại cảng Hải Phòng



Hướng dẫn đỡ hàng tại cảng Hồ Chí Minh



Hướng dẫn lắp đặt thi công mối nối SLA tại dự án ở Việt Nam



Hướng dẫn thi công sử dụng màng bọc PE tại dự án tại Việt Nam



Chứng chỉ WRAS lớp phủ xi măng

Chứng chỉ WRAS gioăng

Chứng chỉ WRAS epoxy

CÔNG TY TNHH HAPACO YÊN SƠN

Địa chỉ: Số nhà 826, đường Điện Biên, P. Minh Tân, TP. Yên Bái, T. Yên Bái

Mừng Đảng Mừng Xuân

Mừng Đất Nước Đổi Mới

Tập chí đồng hành cùng Doanh nghiệp
chung tay bảo vệ Môi trường

CÔNG TY SX VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHÁT (TNHH)

Địa chỉ: Trịnh Xá, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh

Cung Chúc Tân Xuân
Vạn Sự Như Ý

VĂN PHÒNG HĐND - UBND HUYỆN CHỢ LÁCH

Địa chỉ: Khu Phố 2, Thị Trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre

Cung Chúc Tân Xuân

Vạn Sự Như Ý

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒNG DƯƠNG

Địa chỉ: Xã Hồng Dương, H. Thanh Oai, TP. Hà Nội

Mừng Đảng Mừng Xuân
Mừng Đất Nước Đổi Mới

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN HOÀI ĐỨC

Địa Chỉ: Thị Trấn Trầm Trôi, Huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội

Mừng Đảng Mừng Xuân

Mừng Đất Nước Đổi Mới

TRANG TRẠI GIỐNG HOA HỒNG CỔ NGỌC THU

“Chất Lượng Sản Phẩm Và Chất Lượng Phục Vụ Là Trên Hết”

Địa chỉ: D10, xã Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định / Hotline: 091 577 0025 / 0228 350 1247

Chủ trang trại: Nguyễn Ngọc Thu

TRANG TRẠI GIỐNG HOA HỒNG CỔ NGỌC THU có địa chỉ tại : D10, xã Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định. Chuyên: cung cấp các loại giống hoa hồng cổ Việt Nam như SaPa, Văn Khê, Hồng Diệu, Hải Phòng, Tư Văn Kỹ thuật để có thể trồng trên đất của tất cả các địa hình...

Hoa hồng cũng giống như rất nhiều những niềm đam mê khác. Nó có thể tạo sự lôi cuốn và say mê kỳ lạ ngay cả với

những người mua đầy lý trí và kinh nghiệm. Và với những bạn mới chơi hoa muốn "tậu" cho mình 1 chậu hoa thật ưng ý nhưng chưa có kinh nghiệm, hiểu biết về hoa hồng cổ. Hãy đến với

TRANG TRẠI GIỐNG HOA HỒNG CỔ NGỌC THU để chọn cho mình một loài hoa thích hợp và tốt nhất để thỏa sở thích yêu hoa, ngắm hoa mỗi buổi sáng.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH KHANG

Địa chỉ: 9-11E Trần Phú, Phường 04, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY TNHH MINH KHANG THỰC HIỆN DỪNG NGHĨA VỤ THUẾ ĐẤT DỰ ÁN "TỔ HỢP KHÁCH SẠN, SIÊU THỊ KINH DOANH ĐƯỢC, THIẾT BỊ Y TẾ VÀ NHÀ Ở" TẠI THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN.

Năm 2005, TP Vinh được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Nghệ An. Những năm qua, TP Vinh đẩy mạnh phát triển theo hướng trở thành trung tâm hạt nhân vùng Bắc Trung Bộ về tài chính, thương mại, du lịch, khoa học - công nghệ... Ngày 14/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 52 chấp thuận Đề án điều chỉnh quy hoạch chung TP Vinh - tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 với phạm vi rộng 250km². Theo đó, TP Vinh sẽ được xây dựng theo mô hình "Đô thị đa cực, sinh thái phi tập trung, nhất thể hóa đô thị với vùng nông thôn và tự nhiên".

Nhận thức rõ những mặt mạnh và lợi thế của địa phương. Với tình yêu của người con xa quê, ông Nguyễn Đình Khang- giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Minh Khang đã đầu tư xây dựng dự án "Tổ hợp khách sạn, Siêu thị kinh doanh được, Thiết bị y tế và Nhà ở" tại đường Lê Nin, xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Đây cũng là dự án nhằm đưa TP Vinh phấn đấu trở thành TP trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung Bộ theo Quyết định số 2468/QĐ-TTg ngày 29/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Dự án xây dựng Tổ hợp khách sạn, siêu thị kinh doanh Được, Thiết bị y tế và nhà ở do Công ty TNHH Thương Mại Minh Khang (trụ sở chính tại số 9 – 11E đường Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh) làm chủ đầu tư. Năm 2007, dự án được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 521/QĐ-UBND.ĐT với tổng diện tích 78.627,3m². Dự án có tổng nguồn vốn đầu tư 783,879 tỷ đồng, tiến độ thực hiện từ 2011-2014. Theo đó, thời hạn thực hiện dự án đến 31/12/2014 là hoàn thành. Tuy nhiên quá trình thực hiện dự án gặp nhiều khó khăn về công tác BTGPMB và thu hồi đất, giao đất cho dự án nên Chủ đầu tư đã đề nghị UBND tỉnh gia hạn thời hạn đầu tư của dự án đến 31/12/2018. UBND tỉnh Nghệ An tại Công văn số 7974/UBND-XD ngày 24/10/2014 về việc chuyển nhượng QSD đất đã có hạ tầng thuộc Dự án khu nhà ở thương mại cho hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở gửi Bộ Xây dựng đã xác định tiến độ xây dựng của Dự án là 2010 – 2018. Dự án "Tổ hợp khách sạn, siêu thị kinh doanh Được - Thiết bị y tế và nhà ở" có vị trí thuận lợi trên trục Đại lộ Lê Nin (TP. Vinh), khi triển khai dự án, Công ty TNHH Thương mại Minh Khang đã quy hoạch phân vùng chức năng phù hợp, nhất là ưu tiên diện tích xây dựng các công trình công cộng là nhà trẻ, nhà văn hóa, khu TDTT, bãi đỗ xe, hệ thống giao thông...

Công ty TNHH Minh Khang thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đất của nhà nước và ở địa phương. Như chúng tôi được biết khi mới được cấp phép dự án tại Nghệ An từ năm 2009 tại dự án "Tổ hợp khách sạn, siêu thị kinh doanh Được, Thiết bị y tế và nhà ở" công ty được chỉ cục thuế và

lãnh đạo địa phương đánh giá rất cao về việc đóng tiền thuế đất một lần và vẫn còn dư tiền thuế tại địa phương. Năm 2011 đối với diện tích đất thuộc diện phải nộp tiền quyền sử dụng đất theo quy định được duyệt ban đầu, công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách 100%. Khi có quyết định về giá đến bù đất cho dự án, năm 2009 tiền đến bù cho dân là 1tr/m² đến năm 2013 tăng lên 1,5tr/m² tiền đến bù để giải phóng mặt bằng và đã tăng lên 1.5 lần so với năm 2009; đặc biệt đối với những mặt bằng có đến hàng ngàn ngôi mộ thì chi phí đến bù tăng gấp 2- 5 lần. Công ty đã phải bỏ tiền túi ra để bù lỗ cho tiền đến bù để giải phóng mặt bằng. Tiền thuế đất công ty đã đóng đầy đủ vào năm 2011 nhưng việc đến bù giải phóng mặt bằng đến năm 2014 vẫn chưa hoàn thành.

Năm 2009 giá chuyển đổi quyền sử dụng đất là 5,6tr/m² tại quyết số 259/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh Nghệ An "Về việc phê duyệt giá đất ở bình quân khu đất Công Ty TNHH Minh Khang thực hiện dự án tại xã Nghi Phú, Thành phố Vinh quy định: Mức giá đất ở bình quân là: 16.840.000 đ/m²; mức giá đất sản xuất kinh doanh là: 8.420.000 đ/m².

Điều đó đã phần nào gây khó khăn rất lớn cho hoạt động của công ty cũng như ảnh hưởng tới uy tín của chủ đầu tư. Mặt khác qua đối chiếu với Bảng giá đất tại quyết định số 108/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc "quy định bảng giá chi tiết các loại đất giai đoạn từ 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 trên địa bàn Thành phố Vinh và quyết định số 08/2017/QĐ- UBND Ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất giai đoạn từ 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 trên địa bàn Thành Phố Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 108/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Nghệ An thì giá đất tương tự quy định tại 2 Quyết định này thấp hơn nhiều so với giá đất quy định tại quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 trên đây. Đây là một vấn đề bất hợp lý.

Công ty TNHH thương mại Minh Khang đã có văn bản số 287/CTMK- QLDA về việc phúc đáp thông báo số 5054 ngày 16/8/2018 của chi cục Thuế, Thành phố Vinh. Theo đó việc phê duyệt giá đất tại quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh Nghệ An là chưa phù hợp với quy định và gây khó khăn, ảnh hưởng tới việc kinh doanh, tài chính của công ty. Vì vậy công ty Minh Khang kính đề nghị Cục Thuế Nghệ An, chi cục thuế Thành Phố Vinh tạm thời chưa đưa vào tính toán số tiền đất Dự án của công ty phải nộp, mà chờ khi UBND tỉnh có ý kiến sửa đổi, điều chỉnh giá đất dự án lúc đó mới tiến hành tính toán để đảm bảo tính chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật.

JKS RECREATES THE VITAL RESOURCE FOR LIFE

Our planet is being gradually destroyed by soil, air, noise pollution...

Freshwater resource – the major component of the living environment is now facing the challenge of pollution and depletion.

The human must have measures to protect and use reasonably the water resource.

The nations in the world also should make great efforts together in protecting earth's environment and creating the freshwater source for the future.

JKS-XP – EFFECTIVE SOLUTION TO THE ABOVE-MENTIONED TARGETS



JKS - Waste water treatment at source

For more information, please visit www.jks-hactra.com.vn